

Asphelina

Đặc biệt trị:

SUYỄN

Không thua gì thuốc ngoại quốc

DHARMADE KIM-QUAN SỐ 1 QUANG ANH SAIGON

K.D. số 81/HĐKD — Saigon, ngày 23-2-1961
 In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
 Quản nhiệm NGUYỄN-VỸ

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
 PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CŨ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ
 Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307

NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 53 — 15-3-1961

1.— Đêm giao thừa tắm biển (thơ) . . .	Nguyễn-Vỹ	5 — 9
2.— Người Việt-Nam đã biết nhảy dù từ đời Lê . . .	Lâm hữu Ngân	10 — 11
3.— Ông già kỳ dị chiều 30 Tết . . .	Nguyễn Quang	12 — 14
4.— Nhân vật xuân thu : Vệ ý Công vì chơi hạc mà mất nước.	Thiếu Sơn	15 — 20
5.— Nước rẽ dòng, duyên thơ (thơ) . . .	Tương Phố và Thanh Nguyễn	21
6.— « Tả xẹt lữ » ăn Tết ở Lor g Châu (truyện ngắn). . .	Nguyễn tử Quang	22 — 28
7.— Nha trang du ký	Nguyễn Vỹ	29 — 33
8.— Fumée (thơ)	Philophile Gautier	34 — 35
9.— Tiền sử hai bà Trưng	Nguyễn Triệu	36 — 42
10.— Chính tôi đã giết chàng (truyện ngắn)	Hoàng Thắng	43 — 47

11.— Bao la (thơ)	Thanh Nhung	48
12.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	49—53
13.— Những áng thơ hay	Bàng bá Lân	54—59
14.— Những người dân bà lừng danh trên thế giới : Vitoria	Tân Phong	60—65
15.— Một chức vụ ngoại giao khó nhất thế giới.	Ernest Havemann	66—71
16.— Cuộc đời các danh nhân trên thế giới : Lumière.	Tân Phong	72—76
17.— Quán thù (truyện ngoại quốc)	Lương trọng Minh	77—82
18.— Minh ơi !	Diệu Huyền	83—91
19.— Người lữ hành cô độc (truyện dịch)	Hoàng Thống	92—107
20.— Sách báo mới	P. T.	108
21.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	109—116
22.— Những phát minh của 1 Bác-sĩ V.N.	Thiếu Sơn	117—118
23.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	119—130

* Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lại-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

* Bài lại cáo không đăng, kh ông trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même part elle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Đêm Giao Thừa Tâm Biên

BỀ với ta là tình Xuân vạn đại,
Trời hoa-niên năm mới vẫn năm xưa.
Ta đêm nay lạc nẻo hồn hoang-đại
Mở Trưng-dương Vũ-Nhạc hội say-sưa.

Cởi áo bụi, ngực trần, chân nhẹ bước,
Ta vươn mình trong sóng động lao-xao.
Trên mặt bể, vẫy-vùng ta với nước,
Dưới màn trời lấp.lánh ánh muôn sao.

Bộing hiện lên từ thâm-cung rộn-rã,
Thướt-tha nàng Vệ-Nữ nồn-nà duyên,
Nàng lướt sóng, diễm-kiêu và ảo.lả,
Đưa hai tay mừng đón khách tân-niên. (1)

Nàng khiêu-vũ với ta trên sóng bạc,
Ôm quây-cuồng theo nhạc-điệu âm.ba,

(1) Theo Thần-thoại, nàng Vệ-Nữ từ dưới bể hiện lên, trên mặt sóng.

Khúc hòa-tấu tung.bình đêm hoan.lạc,
Bọt thủ ỹ-triều ào-ạt nở muôn hoa.

Từng lớp-lớp ba.đào từ khơi thăm
Lô.xô vào nô.nữc hội liên.hoan.
Nàng với ta bơi.nhào trong bể tắm,
Nghịch đùa nhau say-đắm, tiếng cười vang.

Nàng bỗng.chốc biến mình trong ngân.thủy,
Ta lặn tìm, gọi khắp : « Mỹ-nhân ơi ! »
Nàng lại hiện ra dáng-hình tuyết-mỹ,
Nét ngọc.ngà uốn lượn giữa chơi.vời.

Gió nổi dậy, chập.chờn hai chiếc bóng
Trôi bênh-bồng trên đọt sóng cheo-leo,
Nàng với ta bơi đua vào bến mộng,
Ta đuổi Nàng trên bãi cát hoang.liêu...

Tiếng cười dội cả khu trời rực.rỡ,
Nàng sa chân, vấp một mảnh Sao rơi.
Ta cũng ngã bèn thân-hình Ngọc-nữ,
Nàng với ta ôm xiết, chặt đôi môi.

Biển hồi.hợp nhịp hòa cùng hơi thở,
Đêm giao-thừa ngào-ngạt gió hương say.

Nàng khế bảo :

— Người yêu em muôn thuở,
Về Thi-sơn, sao lạc lối đêm nay ?

— Thời, đừng hỏi, hỏi Nàng-Thơ diễm-lệ !
Ta mang đầy huyết lệ mạch Suy-tư,
Muốn hàn bớt những vết sâu thể-hệ,
Mà, than-ôi, thơ mộng chỉ phù-hư !

— Hàn-gắn được những vết thương nhân-loại,
Có Ái-tình là nghệ-thuật cao-siêu,
Sâu thể.hệ vẫn là sâu vạn-đại.
Chỉ Tình-yêu là gắn lại Tình-yêu. (2)

— Ta sống giữa loài người tham-bạo quá,
Làm được chi với một mảnh tim đơn ?
Bao nhiêu kẻ lộng.hành ngôi vương-bá,
Bao nhiêu người quý.sụp để xin ơn.

Ai giàu có, cậy kim-tiền thế-lực,
Ai cúi.lòn giành.dứt bã phù-vinh.
Muôn triệu kẻ sống bản-hàn cơ-cực,
Muôn triệu người cam-khổ kiếp ba-sinh !

(2) Tình yêu Nhân-loại

Chia phe-đảng tranh quyền, tham lợi.lộc,
Ai căm-thù, cướp bóc, rửa nguyệt nhau.
Ai là chúa, ai là người nô-bộc,
Ai vui cười, ai khóc.lóc, rên, đau.

Ta biết vậy, chỉ ghi vài nét bút
Để muôn đời những vết hận bi-thương.
Nhưng chán.nản, có những giờ những phút
Muốn đắm hồn trong khúc nhạc Trưng-dương

— Sống hiện.tại cay chua mùi thực.tế,
Chàng vẫn người của Xuân thắm muôn xưa.
Chàng vẫn gieo muôn hương tràn thế.hệ
Từ nguồn Xuân của Dĩ.vãng say.sưa.

Nhưng kiếp chàng còn mang nhiều khổ.ải.
Em yêu chàng, dâng tặng ngát xuân.bôi.
Để tìm chàng tơ Xuân rào-rạc mãi,
Bước thời-gian trẻ mãi, Thi.nhân ơi!

Em tặng chàng chút duyên Xuân bất.tử,
Để hồn thơ ngào-ngạt mãi muôn hương.
Phút chán.nản, đây, Nàng Thơ Vệ.Nữ,
Đón yêu chàng, thổi dậy nhạc Trưng-Dương



Giờ Giao-thừa, xa-xa tràng pháo nổ,
Lửa lập-loè bên cửa bể Nha-Trang.
Gà sục gáy nửa đêm như mớ ngủ,
Chuông chùa ngân, từng tiếng dội khô ng-gian

Nàng Vệ.Nữ nắm tay tôi ngồi dậy,
Đọt sóng vừa bò đến vuốt chân tôi.
Nàng cúi xuống hôn tôi rồi vụt chạy,
Lướt ngọn triều, mờ-mịt tít xa khơi.

Tôi bơi theo ra nửa vùng biển mộng
Nàng biển đầu quạnh.quê giữa mòng.lung!
Nàng đã lặn trong ba.đảo xáo-động,
Nàng đã chìm trong Thủy-điện thâm.cung.

Tôi còn đứng ngẩn.ngơ trong ánh bạc,
Vững Thái-dương hé mở cửa Tân-niên.
Sóng Bình-minh dâng đầy mâm Hoa Nhạc,
Ngát hương sâu phảng-phất mộng giao.duyên!

Viết tại bờ biển Nha-Trang, đêm Giao-thừa — 1961.

N. V.

NGƯỜI VIỆT - NAM

ĐÃ BIẾT

NHẢY DÙ

TỪ ĐỜI

LÊ

* LÂM-HỮU-NGÂN

DƯỚI triều nhà Trần, một đứa bé mở mắt chào đời trong một gia đình bần bách ở làng Quất động, phủ Thường tín, tỉnh Hà-đông, dưới cái tên khai sinh Bùi công Hành.

Tương truyền ông Bùi công Hành từ thuở bé đã có những năng khiếu khác thường. Thay vì theo bọn trẻ đánh đáo, nô đùa ngoài đồng, ông trèo lên cây đa ngồi cao chót vót, rồi lấy que làm bút, lấy lá đa làm giấy, cầm cụ tập viết hàng giờ. Chiều đến ông tụt xuống cây bẻ cây khô về cho mẹ đun bếp. Thời gian lặng lẽ trôi qua. Thấm thoát ông đã

đến tuổi tới trường. Cùng chúng bạn đua chen nơi cửa Khổng sân Trình, ông luôn luôn tỏ ra thông minh xuất chúng, nổi tiếng thần đồng. Sau đó, ông đậu Tiến sĩ dưới triều Trần. Nhưng thuở ấy giặc Minh sang xâm lấn nước ta, ông phải rút vào rừng lẩn lút tìm nhà Lê phò tá. Khi được gặp Lê thái Tổ, ông tôn làm mình chủ, lập được nhiều chiến công, khiến bọn tướng giặc như Liễu Thăng, Vương Thông nhiều phen gờm tái vãn võ.

Về sau tuy được quân giặc cầu hòa, vua Lê vẫn phải phái người sang triều cống để chắt dút binh

NGƯỜI VIỆT NAM ĐÃ BIẾT NHẢY DÙ TỪ ĐỜI LÊ

lửa cho toàn dân. Vua Lê thái Tổ bèn sai ông Bùi công Hành làm sứ giả sang Tàu. Đại diện cho một nước nhỏ giữa một triều đình Trung-hoa vào thời đại chuyên chế, ông Bùi công Hành đã vượt qua bao nhiêu sự thử thách của bọn quan lại Minh triều. Lần cuối cùng, các quan mời ông lên trên một cái chòi cao trên năm mươi trượng để ngắm thi và ngắm cảnh thành Yên-Kinh (bây giờ là thành Bắc Kinh). Trong lúc sứ giả Việt-Nam đang ngắm cảnh thì mọi người lần xuống chòi rồi rút cả thang đi. Thế là Bùi công Hành còn treo một mình trên chòi. Ông biết ngay là một sự thử trí. Nhưng không lẽ gọi lấy thang để xuống thì sẽ làm trò cười cho chúng ! Nhìn quanh quẩn trên lầu, ông thấy một pho tượng và một vò nước lã. Hai bên cạnh bàn có hai cái lọng to. Chờ đợi đã lâu, hết ngắm thơ lại ngắm cảnh, bụng thấy đói, bèn nghĩ ngay rằng tượng Phật đây chẳng có lẽ bằng đất hoặc bằng gỗ. Ông bóc lột sơn ngoài ra xem thì cốt bằng... bột mì. Thế là không còn lo đói nữa. Chỉ việc bẻ... tượng ra ăn rồi lấy nước trong vò uống.

vừa ăn vừa ngâm thơ thật to cho người Tàu ở dưới nghe. Lúc ăn uống đã xong, ông bèn tìm cách để xuống. Ông lấy hai cây lọng giương to ra rồi mỗi tay cầm mỗi cây, đứng trên bao lơn lao mình xuống không gian. Nhờ gió cản lại, sứ giả Việt Nam từ từ rơi xuống đất không xảy ra chuyện gì nguy hiểm. Các quan Tàu rất phục tài sứ Nam, rủ nhau lên chòi xem, thấy pho tượng đã mất và sạch cả vò nước thì lại càng kính nể. Vua Tàu bèn phong vương cho vua ta và truyền quan đưa về tận biên thùy. Về nước, Bùi công Hành có đem theo hai cây lọng làm kỷ niệm. Sẵn óc sáng kiến, khi về quê, ông bèn tháo dù ra xem rồi truyền dạy dân làng Quất động, Đô quan, Tam xá, Võ lăng và Hương dương chế ra lọng. Khởi đầu từ đây, nước Nam có nghề làm lọng và Bùi tiên-sinh chính là thủy tổ của nghề ấy vậy.

Nhớ công bực trung thần làm nên nhiều việc ích nước lợi dân, vua Lê phong là Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu, cho sung chức Công bộ thị lang, và phong tước là Thang lương hầu.

ÔNG GIÀ KỶ DỊ...

chiều 30 TẾT

* NGUYỄN-QUANG

DÂN xóm Cây Me, một xóm lao động ở trong hẻm bùn lầy nước đọng, đang dọn dẹp nhà cửa để sửa soạn ăn Tết.

Trong xóm có vài căn nhà phố lâu của một vài ông phú hộ Châu-giang sống nghề bán lụa và có tiệm cầm đồ đang mở cửa để đón xuân vào.

Chiều 30 Tết, một ông lão áo quần rách rưới vá trăm mảnh, chống gậy bước vào thăm một nhà Phú-ông.

Người nhà phú-ông Châu-giang bước ra hỏi, thì ông lão hành khất xin gặp cho được ông chủ nhà, để nói một câu chuyện.

Phú ông cho gọi vào, ông lão thưa rằng :

— Tôi là kẻ ở xóm dưới, mấy tháng trước có cầm nơi cụ một bộ đồ tam-sự và bộ áo gia-lễ, để chạy thuốc cho vợ tôi sảo thai. Nhờ cụ cầm cho có tiền, nên vợ tôi được thoát chết và mạnh giỏi tới nay, nhưng chúng tôi đều nghèo cực hoài. Hôm nay và giờ này, chúng tôi cố đi xin bà con lối xóm, từ xóm trên xuống xóm dưới, vẫn không đủ số tiền vốn lời, để chuộc về, thờ ông bà..

Ngưng đi một lát, ông lão lại nói :

— Thiết nghĩ, cụ là người Châu-giang sống lâu ở Việt

Nam đã thành người Việt giàu có rồi, xưa nay, am hiểu lẽ đạo đức của trời đất và Phật, Chúa là làm người sống, khi tết tới, đều dốc lòng thờ lạy ông bà và cha mẹ qua đời... Mong cụ cho tôi nhận gia bửu ấy về, trong dịp Tết, kéo khỏi tủi vong linh ông bà tôi. Hứa chắc với cụ, ra Giêng năm dài tháng rộng, tôi sẽ đem vật ấy lại và đồng vợ đồng chồng cố chí làm ăn, để có tiền chuộc lại...

Phú ông chưa kịp trả lời, thì người con trai liền cầm đèn nhảy ra mắng chưởi và xua đuổi ông già rất thậm tệ :

— Tụi bây là đồ vô lại, chúng bây đã cầm đồ không vốn thiếu lời, cả năm không chịu chuộc, còn nói lai nhai, muốn ăn đứt và gian lận người ta à ?

Phú ông vẫn bình tĩnh, coi như không có chuyện chi xảy ra, mặc cho con trai nói chi thì nói, liền cho người nhà chạy ra kêu ông già trở lại nhận các món đồ cầm ấy về.

Ông già nhận xong đồ vẫn chưa muốn đi.

Phú ông hỏi :

— Ông còn muốn gì nữa ?

Ông già thưa :

— Chúng tôi, giờ phút này, vẫn không có tiền mua nhang đèn để đón ông bà về. Mong cụ như lòng thương xót kẻ nghèo nàn, cho chúng tôi mượn thêm một ngàn đồng bạc nữa.

Con, trai Phú-ông lại xông ra, đuổi ông già đi, nhưng phú ông lại trừng mắt quát tháo con và bảo gia-nhân vào tủ sắt lấy ra một ghim cho ông già nghèo khổ.

Cả người nhà đều ngạc nhiên trước cử chỉ của phú-ông.

Ông già mừng rỡ, ôm gói đồ và số tiền bước ra khỏi nhà; thì cậu cả thưa rằng :

— Nếu ba làm như thế, thì gia-sản mình sẽ khánh tận ngay. Câu chuyện này nếu các báo biết được và đua nhau đăng lên thì thiên hạ sẽ ủa nhau kéo tới xin tiền, các con sẽ chết khô chết héo cả !

Phú ông cười :

— Con của ba ơi, không phải cha nhân từ bác ái đâu và cũng không phải ba đại khờ. Song, các việc vô lý như thế, ở đời, chưa bao giờ ba nghe và gặp trong 60 năm, chuyên nghề cầm

đồ. Nay ba nghe lời lẽ ông già lẽ phép nói đúng như đạo đời, nên cha nghĩ rằng, trong nghề làm ăn của gia đình ta, biết đâu lại có một ác ý mà cha và con mình không thấy!

Phú ông ngưng một lát, rồi nói tiếp:

— Theo gia đình ta, thì ông già đã làm một điều vô lý. Nhưng, theo ông già biết đâu là hữu lý. Vì nghèo nàn không phải là một tội lớn, mà việc thờ lạy ông bà trong 3 ngày tết là bổn phận của người con có hiếu. Con thử nghĩ lại, ngày 30 Tết rồi, trong nhà ông ta không có một thẻ nhang bát nước trà, để lạy ông bà cha mẹ là điều đau xót!

Nói tới đây, người hàng xóm chạy vào thưa:

— Lão già vừa ra khỏi nhà cụ, rồi đi lên xóm trên, không biết nói làm sao, đã bị bà con lối xóm đánh cho một đòn chết rồi.

Nghe nói, phú ông hãi hùng, thương hại mạng người, cho gia nhân chạy lên xóm Cao-su, để nghe rõ câu chuyện.

Thì ra, khi ông già ở nhà phú ông đi ra, đã đưa tiền bạc và bộ đồ tam sự cho thằng con đem về nhà, rồi chống gậy lên nhà ông X, chủ một tiệm cầm đồ khác, để chuộc áo quần của vợ con.

Nhưng, ông chủ tiệm cầm đồ

này lại tức giận, khi nghe ông già nói vô lý, liền vác gậy đánh cho một trận như-tử.

Được cấp báo, cảnh sát địa phương liền mở cuộc điều tra, khám thấy khắp mình ông lão đều thâm tím. Và, người ta liền gọi vợ con ông già đến hỏi, thì mới biết rằng, trước khi đi chuộc bộ tam sự và áo quần, ông già đã cố tâm uống thuốc độc rồi và, đã trối vói vợ con, vì lẽ nghèo túng, nên định quyên sinh.

Trước khi nhắm mắt qua đời, để rửa hận, tại sao trời sanh ra lại bất nghèo hoài, nên muốn gieo họa cho kẻ giận, nhưng không ngờ lại gặp phú ông biết thương người nên đã thoát khỏi.

Ông già liền lên xóm trên, thì phú gia cầm đồ này lại không có chút lòng nhân, đã bị vạ lây.

Theo chế độ ngày xưa, người chủ nhà phải chịu mất một phần lớn gia tài, khi gây thiệt mạng cho một người khác.

Câu chuyện trên kia đã làm sáng mắt cậu cả con nhà phú hộ ở xóm dưới.

Cậu này phục sát đất lòng nhân từ đại lượng của cha, vì quá nhẫn nại mà tránh khỏi tai nạn của lão ông đó thôi.

Phải chăng, nhân nghĩa vị thường vô lợi là vậy?

VỆ-Y-CÔNG

vì chơi Hạc mà mất nước

★ THIẾU SƠN

TRONG khi Tề-hoàn-Công đương xây dựng bá nghiệp thì có một nước chư-hầu bị rợ Địch xâm chiếm và phá nát tan tành. Nước chư-hầu đó là nước Vệ, vua là Vệ Ý-Công. Sách chép rằng Ý-Công có tánh kêu-ngạo mà lại ham chơi, chẳng thèm kể đến quốc-chánh và ưa nuôi chim hạc. Hễ ai đem hạc đến dâng thìặng trọng thưởng cho nên bá-tánh trong nước tìm phương, lập-thể bắt choặng hạc mà dâng. Ý-Công nuôi hạc ước vài trăm, những người chăm sóc cho hạc đềuặng bổng-lộc nhiều, có kẻ làm đến đại-phu. Mỗi khi Ý-Công đi dạo thì có bày hạc giàn hầu trước, gọi là hạc tướng-quân. Những người giữ việc nuôi

hạc đều có bổng-lộc mỗi tháng, trâu góp của dân rất nặng nề nuôi hạc, làm cho đến nỗi dân tình nghèo khổ, đói cũng không biết thương.

Hai quan đại-phu là Thạch-kỳ-Tử và Ninh-Trang-Tử đã hết lời can-gián mà Ý-Công vẫn không chịu nghe.

Hồi đó vào khoảng 700 năm trước Tây-lịch, nước Bắc-Địch hùng mạnh lắm-le xâm lấn Trung-nguyên. Nghe nói Tề-Hoàn-Công đem binh chinh-phạt Sơn-Nhung thì chúa Bắc-Địch nổi giận mà rằng: « Tề-Hầu đem binh đánh xa như thế là có lòng khinh-dễ ta, vậy ta phải tính trước mà chế nó ». Bắc-Địch đem 2 muôn kỵ-binh qua đánh nước Hình, phá-

tán tan-hoang rồi kéo binh qua đánh Vệ.

Lúc đó Vệ-ý-Công đang muốn dắt hạc đi chơi, xảy có quân báo : « quân Bắc-Địch tới đánh ngoài ải. » Vệ-ý-Công cả kinh tức thì lo diêm binh cự chiến. Đồng thời ông cũng cho người qua cấp-báo với Tề-Hoàn-Công đề xin cứu viện. Hoàn-Công nói :

« Quân ta mới dẹp Sơn-Nhung còn mệt mỏi. Vả lúc này mùa đông lạnh-lẻo, chờ đến mùa xuân ta sẽ hiệp chư-hầu mà cứu Vệ. »

Đã không có binh Tề cứu viện mà chính quân Vệ cũng bỏ trốn tứ-tung. Vệ-ý-Công bảo quan Tư-Đồ bắt lại được hơn trăm người và hỏi : « Có sao lại chạy trốn như vậy ? » Quân-sĩ tâu : « Chúa công đã có kẻ cự địch, cần gì phải bắt chúng tôi. » Vua hỏi : « kẻ nào ? » Quân-sĩ đáp : « Có bày hạc đó. » Vua nói : « Hạc mà cự địch sao dặng ? » Quân-sĩ nói : « Chúa công biết hạc không chinh-chiến dặng thì nó là vật vô-dụng rồi. Sao bấy lâu Chúa-công lại bỏ vật hữu-dụng mà nuôi vật vô-dụng như vậy ? Điều ấy thiệt chúng tôi không phục. » Vệ-ý-Công nói : « Quả-nhơn đã biết lỗi rồi. Bấy giờ quả-nhân thả hết bày hạc mà

theo ý dân dặng chăng ? » Thạch-kỳ-Tử liền dõc : « Chúa-công đã tính như vậy thì làm đi cho mau chẳng nên dề trễ. » Vệ-ý-Công liền khiến người thả hết bày hạc, nhưng nuôi đã quen chúng cứ luân-quần chỗ cũ không chịu đi đâu.

Thạch-kỳ-Tử và Ninh-Trang-Tử ra nơi giữa chợ mà truyền rao những lời ăn - năn của Ý-Công. Bá-tánh và quân-sĩ cũng có kẻ mà trở về. Chừng ấy quân hồi-tân. Địch đã kéo tới Huỳnh-Trạch. Trong giây phút mà cấp báo tới ba lần.

Ninh-Trang-Tử xin đem binh cự địch để Ý-Công ở lại giữ thành. Nhưng Ý-Công nói : « Nếu ta không đi, e quân-sĩ chẳng chịu hết lòng ». Trước khi ra đi, Ý-Công còn dặn thêm Thạch-kỳ-Tử và Ninh-Trang-Tử : « Các việc trong nước đều phó-thác hai khanh. Như ta không thắng thì chắc là không trở về dặng ». Hai người đều rơi lụy. Ý-Công duyệt binh rồi khiến Cừ-Không làm chánh-tướng, Tử-Bá làm phó-tướng, Huỳnh-Di đi tiên-phong, Khổng-anh-Tề đi hậu-tập. Nội ngày ấy kéo binh ra đi. Khi đi

đọc đường quân-sĩ còn thán-oán và ca rằng :

Hạc ăn lương, dân cày ruộng,

Hạc đi xe, dân cầm giáo.

Hạc hưởng sự lành, dân chịu
điều dữ.

Ra trận phen này chín chết, một
sống.

Ý-Công nghe tiếng ca buồn bực không cùng, còn Cừ-Không thì dụng binh rất nghiêm, lòng quân đều oán. Binh đi đến Huỳnh-Trạch, xem thấy binh giặc lối hơn một ngàn kéo đi lộn xộn thì Cừ-Không đã có ý khinh thường nên khiến giặc trống mà kéo tới. Ai ngờ Vệ quân bị dụ tới chỗ mai-phục rồi bị bao vây, bị đánh toi bời, đứt làm ba khúc không thể nào tiếp-ứng nhau được. Binh Vệ đã không lòng muốn đánh, nay thấy Bắc-Địch mạnh-mẽ như thế thì bỏ hết xe cộ mà chạy. Ý-Công bị vây phủ giữa đồng. Cừ-Không nói : « Việc đã gấp rồi xin Chúa - công bỏ cờ xí, mặc đồ thường, xuống xe mà chạy bộ thì họa may mới thoát khỏi ». Ý-Công than rằng : « Nếu các người mà cứu ta dặng thì chẳng cần phải bỏ cờ. Còn như cứu ta không dặng thì ta cũng liều thác mà tạ tội cùng bá tánh ». Kế

Huỳnh-Di tử-trận, Khổng-Anh-Tề tự-vận, Tử-Bá bị té xe mà thác. Ý-Công và Cừ-Không đều bị quân Bắc-Địch bầm thây như tương, quân-sĩ còn sót lại bị giết gần hết.

Được tin chẳng lành, Ninh-Trang-Tử và Thạch-kỳ-Tử liền mở cửa thành dắt cung-quyển Ý-Công chạy về phía Đông. Người trong nước thấy thế cũng dắt vợ, chồng con chạy theo nướm-nượp.

Những kẻ già yếu không chạy theo được đều bị giặc giết hết. Giặc còn đuổi theo bọn người tản-cư giết thêm một mớ nữa rồi mới chịu quay về cướp-phá một lần thứ hai trước khi rút binh về nước.

Một quan đại-phu nước Vệ tên là Hoảng-Diêu khi trước vâng mạng đi xứ Trần khi trở về mới hay nước Vệ đã mất. Nghe tin Vệ-ý-Công bỏ thây nơi Huỳnh-Trạch, ông liền tới đó thì thấy xác chết linh-nghinh, mùi hôi thúi chịu không nổi. Ông kiếm tới một nơi có cây cờ đại-bái nằm trên đám cỏ, đoán rằng thi-thê Ý-Công chắc cũng nằm gần nơi đó nhưng nhận không ra. Thành-linh ông nghe có tiếng rên, mon-men lại gần thì té ra đó là

một tên nội-thị bị què chùn nằm trong bụi. Tên nội thị chỉ một đống xương thịt mà rằng : "Đống xương-thịt đó là thân của Chúa-công. Trong lúc đánh nhau tôi thấy Chúa-công bị giết rõ-ràng. Nhưng tôi bị chặt chùn không về báo được với Ninh-đại-phu được, nên phải nằm đây chờ cho có người đến kiếm mà chỉ."

Hoảng-Điểu bước lại xem thấy thấy bị bầm tan-nát nhưng lá gan còn y-nguyên. Hoảng-Điểu quì lạy gan ấy mà khóc, rồi cũng phục mạng về việc đi sứ. y như trong lúc Vệ Ý-Công còn sống. Lạy rồi than rằng : « Bây giờ quan-quách không có, chẳng biết lấy chi mà chôn cất. Ta tính lấy mình ta làm quan-quách, đặng mà tần-liệm tạm đỡ đến chừng yên giấc rồi thì sẽ có người chôn cất ». Ông dặn những người tùy-tùng rằng : « Khi ta thác rồi, chôn ta tại rừng này, chờ cho có Tân-quân lên ngôi sẽ tỏ thuật đầu đuôi cho người biết mà chôn cất lại ». Nói rồi ông rút giao mờ bụng lấy gan của Ý-Công mà nhét vào. Nhét rồi thì chết liền. Kẻ tùy-tùng vâng theo lời trối, chôn thân tại đó rồi công nội thị lên xe mà chở về.

Hai năm sau Tề-Hoàn-Công

tu bỏ đất Sở-Khâu và phong cho Vệ lấy đó làm kinh-đô mới, giúp vua mới lên cầm quyền, hội chư-hầu làm lễ phát tang cho Ý-Công và đề cao lòng trung-nghĩa của Hoảng-Điểu.



Lữ-Tồ-Khiêm, một học giả Trung-Hoa ở đời nhà Tống đã viết bộ « Đông Lai Bác-nghị » để phê-bình những nhân vật Đông-Châu. Tác-giả cũng được gọi là Đông Lai tiên sinh và đã tỏ ra sâu-sắc và độc-đáo trong những lời bác-nghị. Bộ Đông-Lai Bác-nghị cũng đã được Bác-sĩ Dương-tấn-Tươi trích dịch và in ra thành sách. Về truyện Vệ Ý-Công thích hạc Đông-Lai tiên-sinh đã viết : « Vệ Ý-Công vì hạc mà mất nước ! Thích chơi giống nhỏ là chim mà đề mất lòng dân, ai xem đến đó cũng xếp sách lại mà cười thầm ! Nhưng riêng ta là chưa để khinh Vệ Ý-Công được. Vì người đời mỗi khi thấy đầu đỏ, lông trắng, hai chùn có 6 cạnh thì gọi là hạc mà không thấy rằng những kẻ sĩ ham phù hoa, thích phong cách cao-đạo, kỳ thật trong trí óc không có gì thì ngoài mặt hẳn là người, còn trong

lòng có khác gì giống chim hạc?...

Xem qua vài nước, trông đến những nhơn vật ngày thường được tin dùng, nghe lời lẽ, ngó oai-nghi trong buổi luận bàn hay khi thù-tiếp thì phong-độ ấy cũng đáng khen, đáng theo, đáng mến, đáng yêu, mà đến khi có nạn lại sững-sốt kinh-hoàng thì thử hỏi trong bọn ấy hơn hạc của Ý-Công được là bao nhiêu ? Thì tại sao dám để khinh Ý-Công của nước Vệ ?

Bị đem ra dùng không phải là kẻ được dưỡng nuôi hằng ngày, kẻ được dưỡng nuôi hằng ngày lại không đem ra dùng ! Cho người thân nương vào chốn an-ninh, buộc kẻ sơ ra nơi hiểm-trở, cho người quý hưởng lợi, ép kẻ tiện chịu hại, làm vậy thì không khi nào tránh được họa của Vệ Ý-Công.

Nhưng còn nghĩ thêm rằng : Hạc là giống chim được ghi nơi Kinh Dịch, được truyền trong Kinh Thi, được tao-nhơn mặc-khách mến quý thì nào phải là giống chim thường. Vậy mà khi Ý-Công chở trên xe dành riêng cho các quan đại-phu thì cả dân trong nước lại ghét hạc như điều hâu, kện ó, thì đâu phải thương

với ghét trước sau lại khác nhau ? Chỉ vì tôi ở không đúng địa-vị. Là giống chim được quý trọng mà khi sai địa-vị còn bị thù ghét đến ngần nào ! Vì vậy mà lòng ta biết bao cảm khái ».



Trước hết ai cũng thấy Đông-Lai tiên-sinh mượn câu chuyện chơi hạc trên đây mà nặng lời chỉ-trích bọn quan-lại của các triều vua chúa, những kẻ tốt mã như hạc mà đầu óc cũng trống-tron như hạc, những kẻ ngày thường thì khoa môi, múa mỏ, tự-đắc huênh-hoang nhưng tới khi hữu-sự thì ngo-ngác, sững sờ, hoang-mang, co-rút. Cố-nhiên là Đông-Lai tiên-sinh không trách hạc mà chỉ trách người chơi hạc đã coi hạc trọng hơn người, đã bắt người phải phục-vụ hạc một cách quá-dáng, đã đề hạc vào một địa-vị không đúng với địa-vị của chúng nó. Nhưng theo tôi không phải là hạc đã chọc giận nhân-dân và cũng không phải là người chơi hạc đã gây lòng công - phẫn. Những kẻ làm khổ dân hơn hết chính là những kẻ đã được cử ra chăm sóc bầy hạc. Hạc nào có đòi hỏi gì nhiều. Vua chỉ cần

được thấy hạc no ấm, tốt tươi, sồn-sò nhầy nhót, nhưng những kẻ được trông bầy hạc lại ý thể, ý thần tha-hồ mà bóc-lột dân-chúng. Chính những kẻ đó mới làm cho dân đau khổ, uất-hận, ghét bầy hạc và qui tội cho nhà vua. Bầy hạc khi bị đuổi còn quyến luyến những nơi quen thuộc, tỏ dạ trung-thành. Nhà vua khi biết lỗi còn biết ăn-năn và còn dám liều chết để tạ-tội cùng bá-tánh. Nhưng bọn người ý thể vua, dựa hơi hạc mà hà hiếp và bóc lột dân lành, những kẻ đó chắc-chắn là đã rút êm, mau hơn bầy hạc,

Vệ-y-Công lúc sanh-tiền cũng

ăn ở được lòng một số người thân-cận nên mới có kẻ hy-sinh và tỏ lòng trung-nghĩa. Nhưng dầu sao ông cũng phải chịu trách-nhiệm về thảm-họa gây cho nước Vệ, vì ông là một ông vua, ông không có quyền chỉ đề mắt đến hai bên tả, hữu mà ông còn phải đề lòng tới các tầng lớp nhân-dân, thứ nhất là những người cầm cày, vác cuốc, những kẻ cầm giáo vác cung, những người sản-xuất khi bình thường và ngăn giặc khi hữu-sự. Ông đã làm mất lòng những người này, tức là ông đã tự đào-huyệt để chôn ông và chôn luôn những thần-dân trong nước.



★ KHÔNG ĐI NỒI

Một người say rượu từ trong một quán rượu bước ra, đi lảo-đảo, ngả nghiêng về phía chiếc xe hơi đậu bên lề đường. Khi người này mở máy định cho xe chạy thì một cảnh sát viên bước tới, miệng nói nhỏ :

— Tôi mong rằng ông không nên lái xe trong lúc quá say như vậy!
Người đàn ông lè-nhè trả lời :

— Nhưng ông không thấy rằng tôi đi bộ không nồi sao ?

TÚY-KHA (Saigon)

NƯỚC RỄ
GIÒNG



Sóng loạn xui nên nước rẽ giòng,
Ai gây sóng gió nào nùng không ?
Muôn dân Bắc-Việt là quê tổ,
Một nguyện Nam-Trung kết giải đồng &
Máu nóng nổi-sôi tình chung tộc,
Lòng son ngậm-ngậm hận non sông...
Phá đi ! « Ranh giới » con đường ấy
Quyết chẳng chia hai đất Lạc-Hồng !

TƯƠNG-PHỐ
(Nhatrang)

Khói chiều Xuân phủ bước tha phương,
Ướp lạnh hồn đơn giữa sắc hương.
Bơ-ngõ mộng đời lòng cát-bụi,
Lưu-ly số kiếp đậm sầu thương.
Tâm-tư gói gắm, tình non nước,
Tắc dạ ai-hoài hận gió sương.
Mây gấm trời quang đôi én dật,
Duyên thơ đậm-thắm mỗi tơ vương !

THANH-NGUYỄN.
(Xuân Tân Sửu)

DUYÊN
THƠ

« TẢ-XỆT-LŨ »

ăn Tết ở LONG-CHÂU

LÀN mưa nhẹ nhàn như bụi hòa cùng khí núi hơi rừng bao phủ cả một vùng trời đất. Long-châu chìm trong cảnh lạnh lẽo dịu hiu.

Một chòi tranh cũ kỹ sừng sững trên con đồi. Vách phen trống trải, tời tàn như đã đánh dấu được sự chịu đựng với thời gian trong mấy mùa nắng mưa sương gió.

Vài hoa đào nở lác lẻo trên cành theo gió sớm của mùa xuân như gương gạc chào Xuân.

Giữa chòi, lão chủ ngồi vắt vẻo trên chiếc ghế gỗ con bóng láng, chân vắt chữ ngũ. Thỉnh thoảng, lão đưa chén trà nguội nhấp. Mặt lão ốm thon. Má hóp vào. Da đen sạm và nhăn nheo, xù xì. Lỗ mắt sâu sẫm đựng hai đồng tử xám khô khan. Râu muối tuôi lan cả mặt. Thân mình tiều tụy, bọc ngoài

* NGUYỄN-TỬ-QUANG

một bộ quần áo nâu trở bạc. Trông lão gần như một bộ xương.

Nhấp chưa cạn chén trà, lão « hừ » một tiếng :

— Lại tết !

Đoạn lão buông thông tiếng, giọng kéo dài náo ruột :

— Mấy lần tết rồi !

Bống lão quắc mắt, quát lên một tiếng dữ dội. Rồi lão cười khach khach. Nhưng qua một chuỗi cười rộn rã, rùng rợn, lão lại cất tiếng khóc nức nở... Khóc một lúc, lão lại cười. Tiếng cười có lúc kéo dài khô khan, có lúc dứt quãng, có lúc lại nghẹn ngào, ậm ục, hồ hộc như tiếng heo bị thọc huyết.

Thốt nhiên, lão thét lên, đưa tay liệng chén nước, chụp lấy thanh gươm, đứng xông lên, khoa gươm chém lia lịa vào tảng đá loang lổ bên cạnh.

« TẢ XỆT LŨ »

Xoảng ! Xoảng !

Tiếng gươm thép chạm vào đá bật những tia lửa. Một mảnh thép gươm văng, một mảnh đá bắn ra.

Lão cười hắc hắc. Lão đắc chí, khoái trá, say sưa.

Xoảng ! Xoảng !

Tiếng sắt thép chạm vào đá cùng tiếng cười của lão vang xuống tận dưới đồi. Vài khách qua đường lăm bắm :

— Lão lại lên cơn điên. Tội nghiệp !

— Lão không ăn tết. Lão cứ chém đá !

— Điên rồi, còn biết tết, biết xuân là gì !

Một người khách lại cất tiếng kêu lên :

— Tả xét lũ ! Tả xét lũ ! Sao không lo ăn tết ? Đi xuống đây ăn tết với bọn tôi.

Xoảng ! Xoảng !

Tiếp theo là tiếng quát tháo, rồi tiếng cười, tiếng khóc... tiếng quát...

Không một tiếng trả lời.

Người hàng xóm từng quen lão, biết lão đã lên cơn nhưng thấy không dám chém ai

mà cứ chém đá nên kêu lão là « Tả xét lũ » (Đá thạch lão). Đó là tiếng Quảng đông (người chém đá).

« Tả xét lũ » đã thành danh của lão vậy.

*

Nước Việt-nam, sau hòa ước Patenôtre năm Giáp Thân (1884), ký kết giữa Pháp và triều đình Huế, người cầm đầu phái chủ chiến là Tôn-Thất Thuyết. Ông làm Phụ-chính đại thần kiêm Binh bộ Thượng thư trong triều đình lúc bấy giờ.

Ngay khi Nam triều ký hòa ước Harmand năm Quý-mùi (1883), Tôn-Thất Thuyết đã nhận thấy chủ quyền đất nước bị mất, lấy làm đau đớn, quyết định mưu việc khôi phục, nên phái Kỳ-ngoại-hầu Hoàng Chuyên và Phò-mã Cát đi các làng thuộc hạt Thừa thiên chiêu mộ quân sĩ. Và đến năm 1884, tuy nghe tin Hoàng-Kể Viêm bại trận ở Bắc nhưng ông không nản lòng, lại lập tức hạ lệnh lập thành lũy Tân-sở ở Cam-lộ thuộc miền thượng du tỉnh Quảng-trị để phòng khi không

tiến được thì lấy đó làm con đường rút lui và có cơ sở để kháng chiến.

Ông còn phái người sang Cao-niên bí mật tuyên truyền để gây ở xứ này một phong trào quốc gia chống Pháp, chủ định phân tán lực lượng của đối phương.

Trong lúc này việc kháng chiến và phòng thủ kinh thành Huế vẫn tiếp tục ráo riết khiến cho viên Khâm sứ Pháp De Champeaux phải lo ngại nên cho người sang trách cứ. Tôn-Thất Thuyết lại ngang nhiên cho chúng biết rằng vì quân Pháp hằng ngày diễu võ dương oai chung quanh kinh thành, ông là Binh bộ Thượng thư có nhiệm vụ phải lo việc phòng thủ để cho đồng bào ông được yên lòng.

Tướng Brière de l'Isle thấy lời nói cứng cỏi, nên không thể giở thủ đoạn một cách trắng trợn được, đành phải hạ lệnh cho quân Pháp tập trận xa nơi kinh thành, Bảy giờ, Tôn-Thất-Thuyết mới chịu tháo súng đại bác nhưng lại chuyển đi Tân-sở-Trí vào các pháo đài mới xây.

Tôn-Thất Thuyết lại còn viết một bức thư sang Pháp, tố cáo những việc lạm quyền trái với hiệp ước do các nhân viên cao cấp của người Pháp cai trị ở Việt-Nam. Đồng thời, ông lập một trường diễn võ để huấn luyện quân đội Sơn-phòng, tức là chiến khu lập ở huyện Hương-khe, tỉnh Hà-tĩnh; phía trong tiếp với Quảng-bình và Quảng-trị; phía ngoài liên lạc các miền thượng du của hai tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh và có con đường sang Lào, sang Xiêm.

.....
Ngày 19 tháng 5 năm Ất Dậu (1885), thống tướng De Courcy đem quân vào Huế bàn việc giao thiệp giữa người Pháp và Nam triều. Ông này lại buộc các quan phụ chính đại thần sang tận tòa Khâm sứ hội thương. Bề ngoài là lấy uy thế buộc Nam triều phải ra lệnh cho sĩ phu và dân chúng hoàn toàn phục tùng chính quyền bảo hộ. Bề trong chủ đích là bắt ông Tôn-Thất Thuyết. Vì chúng biết ông Thuyết là người cầm đầu phái chủ chiến. Nhưng ông Thuyết đã rõ biết sự gian xảo của Pháp nên cáo bệnh không đi, để



TÔN-THẤT-THUYẾT

ông Nguyễn văn Trường và Phạm Thận-Duật đi thay.

Trong cuộc hội thương, De Courey yêu sách nhiều điều làm nhục quốc thể Việt-Nam như buộc vua Hàm-Nghi phải bước xuống ngai nhường tiếp khi ông ta đến; và buộc ông Thuyết dù bệnh cũng phải cho người khiêng đến. De Courey lại buộc Nam triều phải mở cửa chính cho cả quân lính Pháp vào triều.

Cuộc hội thương chưa ngã ngũ...

Thì,

Nửa đêm 22 rạng ngày 23, Tôn-Thất-Thuyết ra lệnh tấn công tòa Khâm-sứ.

Bị tấn công thành linh, quân Pháp giữ thế thủ để chờ sáng. Khi mặt trời vừa ló dạng, quân Pháp phản công. Súng đại bác trên đài và trên tàu thi nhau nhả đạn. Hoàng thành nhiều nơi bị phá hủy. Dân chúng bị hại rất nhiều, Hai đạo quân của ta bên trong và ngoài đều bị tan vỡ.

Lúc bấy giờ, Tôn-Thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghi chạy ra chiến khu Hà-tĩnh. Pháp treo giải hai ngàn lượng bạc cái đầu của ông và năm trăm lượng cho kẻ nào bắt được vua

Hàm-Nghi.

Giữa lúc vua Đồng-Khánh đặt mình lên ngai vàng do Pháp dựng nên (14-9-1885) thì Tôn-Thất-Thuyết tung ra tờ hịch Cần vương. Lời lẽ tờ hịch rất lâm ly thống thiết làm cho các văn thân, sĩ phu lúc bấy giờ phải nghẹn ngào sa lệ mà vô gươm vùng lên.



Tạo nên phong trào Cần vương, Tôn-Thất-Thuyết lại sang Tàu cầu viện. Ông bắt đầu đi từ Hương-kê theo đường rừng ra Nghệ-an qua Thanh-hóa, Lai-châu, lên Lào-kay đến Vân-nam rồi sang Quảng-đông.

Băng rừng, vượt núi, lội suối, trèo đèo, tuông bờ, lướt bụi, dày sành, đập sỏi suốt thời gian mấy tháng trời, áo quần rách nát, da thịt trầy trụa, chân căng sưng húp mới đến đất Tàu.

Nhưng thăm thay, bên Tàu, triều đình Mãn Thanh lúc bấy giờ quá suy yếu. Trong thì loạn lạc, ngoài thì các liệt cường Tây phương xâm xé, thân mình còn không giữ được thì còn mong gì giúp đỡ được ai. Vì

thế, cuộc cầu viện của Tôn-Thất-Thuyết hoàn toàn là một ảo mộng.

Trong khi lưu trú ở Tàu, nhìn thấy cảnh tang thương của Tàu, ông biết mình đã tuyệt vọng nên rất lấy làm đau đớn; lại nghe tin nước nhà, Pháp đã đặt xong chế độ thuộc địa thì nổi điên một hóa điên mười. Ông không còn ý định về nước nữa. Về làm gì để nhìn cảnh nước nhà tang tóc, dân chúng lâm than? Bất đắc chí, ông cắt một chồi tranh trên một con đồi ở đất Long-châu.

Rồi suốt ngày, ông hết khóc lại cười, hết cười lại giận, quát tháo chửi rủa ầm ĩ. Có khi giữa đêm vắng canh trường, ông không ngủ, ngồi khoanh tay ủ rũ trong bóng tối dày đặc của chiếc chòi con, thỉnh thoảng lại cắt tiếng khóc nỉ non, lúc lại cười khanh khách, lúc lại kêu hát rừng rợn. Rồi ngoài hai bữa cơm, bữa cháo với muối, ông chỉ vung gươm chém lia chặt lia vào hòn đá. Ông muốn trút mối căm hận vào hòn đá, tượng trưng kẻ xâm lăng.

Dân chúng trong vùng không rõ được tâm sự của ông, chỉ

coi như một người điên, một người tầm thường, nhưng không thấy ông phá phách đánh đập ai mà chỉ thấy ông cứ chém đá, mới kêu ông là « Tả xết lũ » (Đã thạch lão: ông lão chém đá).

Thời gian trôi qua, trên mười năm trời nơi đất khách, sống cô độc, hăm húc, con người yêu nước vong quốc, bất đắc chí ấy thân thể càng gầy mòn như một bộ xương khô.

Nhưng tiếng « xoảng, xoảng » vẫn còn hòa lẫn với tiếng khóc, tiếng cười, tiếng quát... vang lên trong cảnh tịch mịch đìu hiu. Và cho đến một ngày nọ, sau giữa mùa xuân lạnh leo trên con đồi cô quạnh, trong chiếc chòi con xiêu đổ lộng gió tứ bề, tiếng cười tiếng khóc càng khàn giọng, nghẹn ngào rồi tắt hẳn; và một xác người gầy guộc ngã gục bên hòn đá gần mắt một nửa với một thanh gươm chỉ còn bằng một gang tay.

« Tả xết lũ » chết !

Một mối căm hận, tủi hận còn mang nặng xuống tuyến đài !

Làn mưa xuân như bụi mịn, mùnng bao phủ con đồi trên đất

Long-châu. Vài đóa hoa mai trở
muộn héo hắt rơi lá tả bên thân
cây cối cần.

Sĩ phu Trung-hoa cảm mến
người, tuy ngoại bang nhưng
có khí tiết nên làm hai câu đối :

« Vạn cổ lưu danh nơi Trưng-
quân,

Thiên niên hài cốt kỷ Long-châu »

(Muôn thuở danh thơm lưu
Trưng quân,

Ngàn năm xương cốt gởi
Long-châu)

N. T. Q.



* CÔ THƯ KÝ HAY NÓI CHUYỆN

Ông chủ hãng : — Lần nào tôi đi ngang qua bàn giấy của cô, tôi
cũng nghe cô nói điện-thoại.

Cô thư ký : — Thưa ông, tôi trả lời cho khách hàng ạ.

Ông chủ : — Được rồi. Nhưng tôi yêu cầu cô đừng gọi khách
hàng là « anh cưng của em ».

* HÃY ĐẾM LẠI

Một võ sĩ bị đánh bất tỉnh trên « võ đài ». Khi anh tỉnh dậy
đã nghe thấy trọng-tài đếm... 7...8...9... Anh vội nhồm dậy, nắm
tay viên trọng-tài kéo xuống nói nhỏ :

— Xin lỗi ông, tại tôi hơi ngễnh ngãng. Ông có thể đếm lại và
đếm thật to để tôi nghe được không ?

TÚY-KHA (Saigon)



* NGUYỄN-VỸ

CHUYẾN xe lửa đêm
Saigon — Nha - Trang
khởi hành 8 giờ 45 phút,
(theo đồng hồ của tôi). Chắc là
đồng hồ của tôi đi nhanh 15 phút.
nhưng tôi hiểu nó, tôi biết nó
nhiều : cứ mỗi lần tôi nóng-nảy
muốn một việc gì mau lẹ thì nó
chạy rất nhanh, có lẽ đề tôi vui
lòng. Đồng-hồ nhà Ga thì cứ
như bà lão khệ-nệ, hai ngón tay
đen-xì chỉ đúng 8 giờ 30.

Xe lửa bắt đầu chuyển bánh
là trái tim tôi cũng bắt đầu rung-
động. Vì đây là 16 năm tôi mới

có dịp trở lại viếng Nha-Trang,
Nha-Trang mà tôi vẫn yêu-nhớ
từ hồi nào. Nha-Trang là một
cô tình-nhân diễm-kiều duyên-
dáng nhưng không xa-hoa, không
lãng-lơ diêm-dứa, rất giản-dị,
khiêm-tốn, hiền-hòa, ngây-thơ,
thùy-mị.

16 năm qua, tôi cố tìm cơ-
hội trở lại Nha-Trang để tắm
biển, tắm nắng, tắm gió, để ôm
bãi cát Nha-Trang vào lòng, để
hôn ánh-nắng Nha - Trang, để
khiêu-vũ với trùng-dương, nô-dồn
đắm-say trong lòng sóng bạc.

Mãi đến hôm nay tôi mới được đi Nha-Trang ! Mà tôi chỉ có thể tự cho phép tôi đi được 4 ngày thôi. Cho nên tôi phải đi mau cho mau đến Nha-Trang ! Tôi muốn đem cả mùa xuân của lòng tôi tặng hết cả cho Nha-Trang, tôi muốn lúc trở lại Sài-gòn đem về trong hơi thở, trong mạch máu, trên làn da, cả trời mây núi biển của Nha-Trang, cả mùa xuân Nha-Trang trong nắng gió của trùng-dương.

Nghĩ tức cười mấy anh bạn nflu áo tôi chiều hôm qua, bảo tôi :
— Đừng đi Nha-Trang ! Ai ơi, đừng đi Nha-Trang ! Hãy ở lại Sài-gòn, dứttay trong túi quần cùng nhau ta lội trong biển người ở Bonard, để mặc cho sóng gió loạn-cuồng lửa tấp vào các phòng-trà, tiệm rượu !

— Thôi, thôi, các anh ! — tôi bảo họ. — Giờ thoát-ly đã điềm ! Các anh hãy lên đây với tôi thì hơn. Chuyến tàu Ba-mươi Tết sẽ đưa chúng ta đến những chân-trời giải-phóng !

Tôi sực nhớ Nguyễn-Tuân, bạn làng văn hồi "vaug bóng một thời". Một hôm gặp chàng xách va-li đứng thơ-thần trên sân ga, tôi hỏi :

— Đi đâu đấy ?

Chàng cười đáp :

— Muốn đi du-lich chơi mà chưa biết đi đâu.

Chàng lại hỏi tôi :

— Còn cậu, đi đâu ?

— Mình cũng chưa biết.

Một chuyến tàu sắp chạy vào Huế, một chuyến sắp đi Lào-kay, nhưng hai đứa vẫn đứng nhìn đoàn xe lửa với cặp mắt thêm thường, đứng tro-tro, yên lặng một chỗ, không đứa nào nhúc-nhích, giống như hai cây cột trời trồng trước sân Ga. Một lúc tàu Huế huýt còi, xinh-xịch chạy về hướng Nam. Rồi đến tàu Lao-kay cũng huýt còi, bò về hướng Bắc.. Hai đứa sực quay lại nhìn nhau hỏi :

— Sao cậu không đi !

— Không có tiền mua vé mà đi đâu ! Còn cậu ?

— Tớ cũng đến đây xem xe lửa chạy để tưởng-tượng mình đi du-lich, chứ tiền đâu mua vé !

Thế rồi hai đứa không xu nhìn nhau cười hả-hả, xách va-li trở về.. Cả hai hẹn nhau đến khi nào có chút ít tiền sẽ đi du-lich..

Mãi đến hôm nay, tôi mới xách va-li ra Ga Sài-gòn để đi du-lich thật sự. Còn Nguyễn-Tuân mấy năm nay ở mãi Hà nội,

không biết chàng đã đi du-lich được chưa ?

Đêm nay tôi chỉ đi ra Nha-Trang, chứ không phải đi đâu xa, nhưng lòng tôi mở rộng mênh-mông, đầy ánh-sáng rạo-rực như vòm trời kia man-mác đầy sao..

Tôi không hiểu sao Roland Dorgelès đã viết trong quyển « Sur la Route Mandarine » một câu rất dễ thương, mà giờ phút này tôi lại cho là vô-nghĩa : « Partir, c'est mourir un peu ! »
— Đi, là chết trong lòng một ít !
Không ! tôi đi đêm nay, đem theo bao nhiêu huyền-diệu say-mê, là bấy nhiêu hồi-sinh, hoan-lạc. Lòng tôi đang vui mừng, đang rung-bừng, đang vang lừng, như còi tàu réo lên lúc từ-biệt sân ga.

Tôi vút va-li trên nệm giường ngủ, hai tay rành rang dựa vào khung cửa sổ, đứng nhìn lại đô-thành. Tàu chạy ngang qua một con đường, một cô bạn đã đứng sẵn bên lề đường cầm khăn tay vẫy, với nụ cười tạm-biệt. Đây là nụ cười tạm-biệt của Sài-gòn. Một cô bạn đã tiễn trước một ngày, rung rung ngán lệ. Sài-gòn có hai trái tim đang hồi-hộp nhớ thương. Sài-gòn vẫn đẹp như một truyện thần-tiên đầy thơ mộng.

Sài-gòn không có trời, không có mây, không có gió, nhưng Sài-gòn có một nụ cười và một ngấn lệ ngào-ngạt hương xuân. Ai ra đi, để ai ai sầu não bán-khoản... Ai, ai, ai, dù chỉ xa cách mấy ngày, vẫn âm-thầm vấn-vương tình với lụy.

Hay có lẽ đúng chăng, « Đi, là chết trong lòng một ít » ? Tàu đã xa hai trái tim Sài-gòn, mà trên môi tôi còn làm-bầm, rì-rầm như tiếng gió : « Partir, c'est mourir un peu !... » (1)

Tàu hú một tiếng lớn, từ-từ qua ga Hòa-Hung. Tôi kéo tấm cửa kiến xuống, quây vào căn phòng ngủ. Nơi đây có đặt hai bên hai chiếc giường nệm da nhưng kê hai tầng, thành có bốn giường, để bốn người nằm riêng biệt, hai người nằm tầng trên, hai người tầng dưới, tùy theo số thứ-tự đã ghi sẵn trong vé "couchette" của mỗi người. Trong căn phòng này có 3 người đàn ông và 1 thiếu-phụ. Phía bên phải, giường tầng trên số 22, và

(1) Một Nhà-thơ Việt-nam đã mượn câu này và thay đổi một chữ làm câu thơ của mình : « Yêu, là chết trong lòng một ít ».

giường tầng dưới, số 23, đã có 2 người đàn ông chiếm rồi. Phía bên trái, giường tầng trên số 21 lại là của thiếu-phụ. Ừa, thế thì tôi phải nằm giường dưới ư? Tôi khó chịu, coi lại số vé thì, thôi, chết rồi, tôi thật vô phúc trúng phải chiếc giường ghi số 24, nằm ngay dưới cô nàng! Từ bé đến lớn, lần này là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi bị một người đàn-bà lạ-hoặc nằm đè trên bụng! Thật là một việc rui-ro tày trời! Nhưng đành ngậm miệng, chứ kêu mà ai nghe!

Nàng ước độ 23,24 xuân xanh, đẹp, nhưng chắc-chắn không phải là một thiếu-nữ. Nàng có những cử-chỉ rất tự-nhiên, tự-do; ba bốn lần cứ trèo xuống trèo lên mấy bậc thang, chỉ mặc chiếc áo bà-bà với quần lụa trắng mỏng. Lúc lên giường nàng đã cởi áo dài treo nơi mắc áo. Trong phòng có một ngọn đèn điện, gắn trên trần, chiếu xuống một ánh vàng sáng-tỏ, rọi vào ống quần lụa mỏng của nàng. Tôi nằm dưới, mắc-cờ quá, cứ phải quây mặt vào tường và nhắm mắt lại. Mỗi khi nàng trèo xuống thang, đồng-danh bước ra cửa, tôi thú thật, thở nhẹ được một tý. Mỗi lúc nàng trở vào,

trèo lên giường nàng, nằm lăn qua lăn lại thì ngực tôi như bị đè xuống nặng trĩu.

Tôi nghẹt thở, phải lóp-ngóp khom lưng bò dậy, lê giày ra cửa, đứng nhìn trời.

Đêm đã khuya. Sao Bắc-Đầu hắt-hiu như một ngọn đèn treo trước cửa một lầu đài hoang lạnh. Chòm sao Tua lừng-lơ giữa khung trời mơ. Bốn ngôi sao Nam Tào cao vòi-vòi, kết thành hình chữ Thập, đang chiếu xuống miền Nam mù-mịt một Thánh-giá nạm kim-cương.

Và tất cả vòm trời với muôn ngàn tinh-tú kia hình như chạy theo đoàn tàu muốn đuổi con rắn không-lò đang bò lượn trong mông-lung. Thỉnh-thoảng vài ba vũng ánh sáng chập-chờn trong sa-mạc của đêm khuya: có lẽ Thủ-Đức, có lẽ Biên-Hòa, hay một khu trù-mật nào đó. Đoàn tàu đậu lại rồi đi, người xuống kẻ lên xôn-xao từng chập đương như chuỗi dài của thế-kỷ. Tàu đến một ga, nghỉ xả hơi chốc lát rồi lại vùn-vụt chạy đến ga kế cận, cũng như một năm đến đêm giao-thừa, rồi lại kế-tiếp năm sau. Đời sống liên-tục từ thời đại này qua thời đại nọ, chính là chuyến xe lửa chạy từ ga nọ đến

ga kia. Đến mỗi ga, tức là vừa đi hết một chặn đường thế-đạo, bao nhiêu kẻ bán lợi buôn danh, đua nhau người lên kẻ xuống, thay phiên nhau để chiếm một chỗ ngồi hoặc một chỗ đứng trên toa tàu, xô đẩy nhau để tranh dành địa-vị. Cả một đoàn tàu là hình ảnh của một đoàn người, lui-nhui lút-nhút, mờ-mịt như những bóng ma chập-chờn giữa đêm thăm không bến bờ của nghiệp-chưông. Tàu ngừng lại vài phút ở ga, một giai-đoạn vừa kết-thúc, khách lữ-hành của gió

bụi, ai xuống chố, ai lên voi, cũng chỉ thoáng qua một thời vang bóng, rồi bánh xe định-mệnh lại tiếp-tục lăn trên con đường thiên-lý...

Đêm nay đến phút giao-thừa, đoàn tàu đến ga nào đây? Mặc, ta đứng trên cửa sổ lạng-lẽ nhìn những bóng người chen đua lên xuống. Ai ở lại hẳn còn nhớ tiếc? Mà người đi, chắc sẽ không đi xa?

N.V.

(Kỳ sau tiếp)



★ Cho nó lên

Jules Renard, thi-sĩ và triết-học-giả, hay đấng trí lạ. Ông dặn tài xế lái xe ra đợi ông có việc gấp. Tài xế đợi lâu quá không thấy ông xuống, bèn lên lầu thấy Jules Renard đang ngồi làm thơ.
Anh bảo :

— Thưa ông, xe đang đợi ông ở dưới sân ạ.

Jules Renard gật đầu lia lịa:

— Vâng, cho nó lên.

B. T.

Fumée

Là-bas, sous les arbres s'abrite
Une chaumière au dos bossu ;
Le toit penche, le mur s'effrite,
Le seuil de la porte est moussu ;

La fenêtre, un volet la bouche ;
Mais du taudis comme un temps froid
La tiède haleine d'une bouche,
La respiration se voit.

Un tire-bouchon de fumée,
Tournant son mince filet bleu,
De l'âme en ce bouge enfermée
Porte des nouvelles à Dieu.

THÉOPHILE GAUTIER
(1811 - 1872)

Khói

Dưới tàn cây rung-rinh
Một lữ tranh ẩn núp
Khắp lối mọc rêu xanh
Mỏng manh tường gần sập

Cửa sổ còn một cánh ;
Tuy thế vẫn ngày ngày
Như khi trời trở lạnh
Hơi thở nhẹ nhàng bay.

Một làn khói mỏng manh
Một làn khói thanh-thanh
Như mang tin lành đến
Đến tận bầu trời xanh.

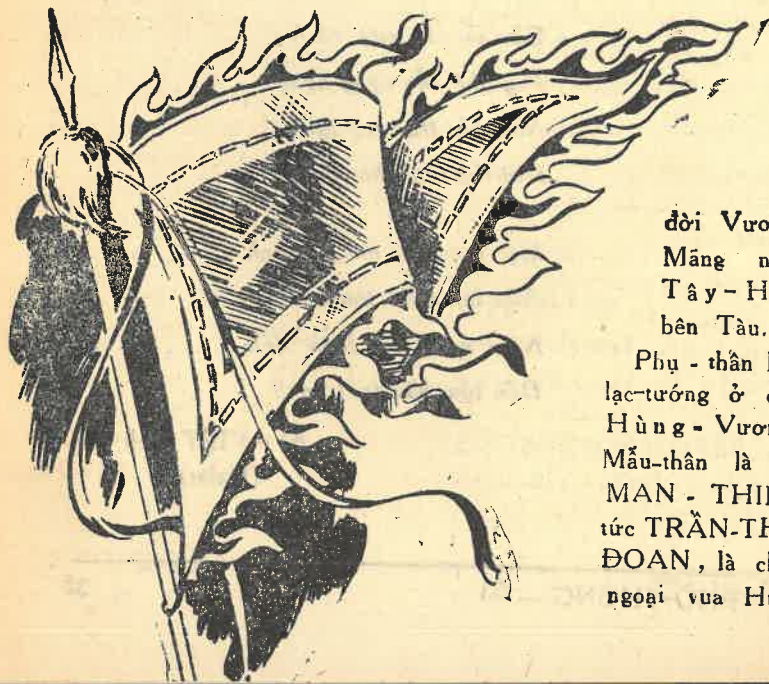
ÁI - VIỆT dịch
(Dalat)



HAI BÀ TRUNG

★ NGUYỄN TRIỆU

N GÀY mồng 6 tháng HAI âm-lịch sắp tới đây là lễ kỷ-niệm Hai Bà Trưng, nên nay chúng tôi xin ôn lại một đôi sử-liệu đặc-biệt về hai Vị nữ anh-hùng dân-tộc Việt-Nam. Hai Bà sinh đôi, đản-sinh ngày mồng 1 tháng 8 năm 14 sau J.C, tức năm CANH THÌN



đời Vương-Mãng nhà Tây-Hán bên Tàu.

Phụ - thân làm lạc-tướng ở đời Hùng - Vương, Mẫu-thân là bà MAN - THIÊN tức TRẦN-THỊ-ĐOAN, là cháu ngoại vua Hùng

Vương, đẹp duyên với Lạc-tướng, sớm hóa chồng nhưng vẫn vui việc tề-gia gây dựng cho hai con là TRẮC và NHỊ đến lúc khôn lớn.

Năm giáp-ngọ, Tây-lịch năm 34, sau J. C., vua Hán Quang-Vô sai Tô-Định sang làm thái-thứ quận Giao-Chi. Định vốn là một viên quan bạo-ngược tàn ác, nhân-dân Giao-chi đều mang lòng oán-giận.

Năm Trưng-Trắc 19 tuổi, xuất giá kết duyên với ĐẶNG-THI-SÁCH, làm lệnh - doãn huyện Chu-Diên (1). Thi-Sách vốn là giòng-giỏi Lạc-tướng nên từ khi quân Tàu sang nước ta, Sách được cử làm lệnh-doãn (2) huyện này, là một trong 10 huyện của quận Giao-Chi.

Hai họ Đặng và Trưng đều là quý-tộc và được đại đa số nhân-dân mến-phục...

Vì thấy quan thái-thứ họ Tô tham tàn, gian-ác, bà Man-Thiện (Mẹ của hai Bà Trưng) dựng cờ khởi nghĩa, Thi-Sách cũng hưởng ứng hiệu-triệu dân-quân, thì lập tức các nơi theo khá đông.

Thi-Sách dấy quân ở huyện Chu-Diên, có bọn gia-tướng là

Đô-Đương giúp sức.

Bà Man-Thiện đóng quân ở Vô-Giang còn hai bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị thì khởi nghĩa ở Hát-Môn.

Năm ấy nông-dân đói kém và lại có nạn lụt lớn nên trong dân-gian đã thốt ra câu ca-dao :

Trời mưa nước chảy sông Đòat (3)

Cỏ lên đê lúa, cá trôi lênh đênh.

Coi thế đủ biết cái nạn lụt lội thời bấy giờ khổ sở ra sao.

Tô-Định lại dùng những chánh sách tham nhũng bóc lột gặt gao. Nông-dân hết sức khổ-cực về địa-tô và lực-dịch cho nên thấy quân của các Lạc-tướng nổi lên, họ kéo nhau đi ứng mộ.

Suốt bốn quận Giao-chi, Cửu-chân, Nhật-Nam và Hợp-Phố đều có nghĩa binh quật-khởi.

Đứng trước ngọn lửa tàn-bạo của Tô-Định, Thi - Sách muốn trước hãy dùng ôn-hòa đối-phó, bèn cảnh-cáo Thái - thú họ Tô bằng những lời tâm-huyết trong bức thư như sau :

«.. Loát nhi Nam-phương, ưc vạn sinh linh giai Triều-đình xích tử. Thừa lưu, tuyên hóa, tất dĩ át dân vi tiên.

Từ kìm vì chánh, trung ngôn gia mưu giả kiến tội; bốn tàu thừa - thuận giả kiến thương; cơ-thiếp đặc dĩ lộng chính, biên bề đặc dĩ thiện quyền!

Tuy ái dân chi thuyết vô thời vô chi nhi tồn hạ chi tâm dã nhật dã liệt! Tuấn dân cao dĩ phong kỳ tài; kiệt dân lực dĩ cung kỳ dực! Tự thị phú cường, lẫm hữu thái-a chi thể; bất tri khuyh bại, thị như triều lộ chi nguy.

Như bất tế chi dĩ khoan, tắc nguy vong lập chí hỉ!

Dịch nghĩa :

Phương Nam tuy nhỏ mọn, nhưng ỨC VẠN SINH LINH cùng là con đò của Triều đình. Kẻ đi tuyên dương đức hóa, cốt phải lấy việc yêu dân làm trước!

Người nay giờ việc hành chánh, bắt tội người nói thẳng mưu hay; thưởng cho kẻ luôn lọt bọ đờ; cho tỳ thiếp được nhúng vào chính sự, cho nịnh thần được chuyên giữ quyền hành; ngoài miệng vẫn xưng xức thương dân, trong bụng chỉ chăm chăm trò bóc lột. Rán mỡ dân để thêm giàu có, Rút sức dân để được thỏa - thuê, cạy

manh giầu tưởng như guom thái-a sắc bén, biết đâu nguy - hiểm khác nào sương sớm rã tan.

Nếu không gấp sửa đổi khoan-hồng thì sẽ gặp ngay bại diệt...

Ngờ đâu lá thư cảnh cáo ấy đối với Tô-Định vô hiệu quả! Vì vậy Thi-Sách cùng bà nhạc-mẫu và hai bà Trưng phải đương đầu bằng cách dùng binh.

Thoạt khi đóng quân ở Chu-Diên, cũng vì trận pháp của Thi-Sách chưa được chu đáo, bị quân Tô-Định đông hơn kéo đến phá vỡ rồi giết ngay trận.

Thế là Thi-Sách đã tự hy-sinh trên bàn thờ Tổ-quốc và đề nhiệm-vụ lại cho bà vợ họ Trưng.

Qua năm sau là năm Canh-tý (Tây-lịch năm 40) Trưng-Trắc cùng em là Trưng-Nhị phát cờ khởi nghĩa, triệu-tập được 8 vạn quân, đóng hành dinh ở hạt Chu-Diên. Rồi ngày mồng 6 tháng GIÊNG bắt đầu ra lệnh, sang ngày mồng 7, hai Bà thao-diễn tướng-sĩ ở bãi Trường-sa (4) và tiến đánh thành Liên-châu là nơi Tô-Định đóng.

Sau khi đánh đuổi được Tô-Định, hai Bà hạ luôn được 56 thành trì, tự xưng làm Vua, đặt

quốc hiệu là "TRIỆU QUỐC" đóng đô ở nơi quê hai Bà là MÊ-LINH (5) và từ đây không chịu nội thuộc nhà Đông-Hán của Tàu nữa.

Đến năm Nhâm - dần (42) Quang-Vô để sai danh tướng là MÃ - VÂN - UYÊN, tự MÃ-VIÊN, đã 70 tuổi, phong cho là Phục-Ba tướng quân cùng Phục-lạc-hầu Lưu-Long, kéo quân sang và tiến thẳng xuống miền Trung-châu, do triền sông Thái-Bình và sông Thương kéo lên đánh thành Mê-Linh.

Hai Bà xuất quân kháng chiến mãnh-liệt.

Lần này, quân Hán thua to, phải rút lui về đóng ở giáp Hồ Lãng-Bạc (6).

Nhưng qua đến đầu năm sau là năm QUÝ-MÃO (43), Vua Đông-Hán cấp 50 vạn viện-binh sang giúp, ngầm lên theo miền duyên hải vào phía Nam nước ta, hợp với binh Mã-Viên.

Hai Bà xuất quân đón đánh nhưng vì quân mới tập hợp và lại ít kém quân Hán nên bị thua chạy lui về giữ đất Mê-Linh.

Mã-Viên lại cho Lưu-Long là phó-tướng đem quân vây đánh.

Nhờ được nơi đó núi sông hiểm trở bao bọc xung quanh. Hai Bà dùng chiến-thuật du-kích làm cho quân Hán nhiều phen vất vả điêu-lih.

Sau quân địch dụ quân Hai Bà đến Cẩm-Kê (7) mới phá tan được (8). Hai Bà tự trầm xuống sông Hát-Giang (9) ngày mồng 6 tháng 2 năm QUÝ - MÃO (Tây-Lịch năm 43) (10).

★

CÁC sử-gia trong nước ta từ nhà Trần, nhà Lê không ngớt ca-tụng và tán-dương công-đức Hai Bà.

Vua Tự-Đức cũng đã có khen và ngự phê trong "Khâm định Việt sử" rằng :

"Hai bà là bọn quần thoa mà có chí-khí anh hùng, làm việc nghĩa-khí kinh-động cả đến Hán triều (bên Tàu). Tuy thế-có, thời trái nhưng cũng đủ làm cho hung khởi lòng người để làm gương sáng trong sử sách!

Kìa những bọn tu-mi nam-tử khép áo làm tôi tớ cho người chẳng cũng mặt dày xấu-hỗ chết được ư...!

Đọc đến đây, ta cũng đủ hiểu.

bồn phận ta phải tôn Hai Bà Trưng lên bực liệt-nữ thứ nhất nước nhà và phải nên ghi nhớ những năm sau Tây-Lịch từ 40 đến 43 vào niên-biểu CHÍNH-THỐNG chớ chẳng phải là thời « *Nội thuộc* » hay cho là « *phản nghịch* ». (12)

Lời bàn của Cụ Ngô-thời-Sĩ trong cuốn « *Đại-Việt sử ký tiền biên* » như sau đây :

Xét từ đời Hùng Lạc về sau, quốc-thống mất đã lâu, đến năm Bà Trưng tự-lập, sử cũ vội cho là chính-thống, nhưng xét ra họ Trưng dựng nước, trước sau có 3 năm vội nổi lên, lại mất ngay, như thế chưa có thể gọi là một nước được. Như thế, theo lối chép sử liệt quốc, chưa niên-hiệu hai Bà vào bên phải, trên niên-hiệu nhà Hán.

Mặc dầu những người Pháp cũng như người Việt đọc sử Pháp thấy chép chuyện bà thánh Jeanne d'Arc mà ta kính-phục, sùng-bái, muốn đem so sánh với Hai Bà Trưng, thế mà trong niên-biểu của trường Bác Cổ (Tableau chronologique des Dynasties annamites của ông L. Cadière đăng trong quyển V trang 77-145 (Bulletin E.F.E.O. tome V) chỉ

thấy chép đời Hồng Bàng từ năm 2879 đến 258 (trước J. C.) đời Thục từ 257 đến 208, nhà Triệu từ 207 đến 111 rồi chép đến thời « *Bắc-thuộc* » từ 111 (trước J. C.) đến 543 (sau J. C.) tức là gồm cả thời Trưng-Vương ở vào thời « *Bắc-thuộc* » sau chép đến nhà tiền Lý (544-548) và thời tự chủ, bỏ sót hẳn không chép đến Hai Bà Trưng !

Chắc là ông Cadière đã theo tài liệu Tàu hoặc sử sách nào khác, nên mới bỏ sót « *Trưng-Kỷ* » một cách hữu tình hay vô ý như vậy !

Nhưng khi nào ta có dịp vào chiêm bái Miếu Hát thờ hai bà Trưng ở làng Hát Môn, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-Tây (Bắc phần) thấy bức hoành-phi 4 chữ lớn ở giữa : « **LẠC HÙNG CHÍNH THỐNG** » thì ta có thể biết ngay được là chính thống hay không ?

Miếu này được lập ngay sau khi Hai Bà tự trầm ở Hát-Giang, đồng thời Mã Viện rút quân về Tàu.

Ngoài cửa miếu ta lại còn thấy 2 cây cột trụ trợ trợ đứng vững cùng thời-gian với 2 câu đối chữ

hoi mờ nhưng cũng còn đọc được :

*Đồng trụ triết hoàn giao lĩnh trí,
Cấm Khê doanh bạc Hát-Giang
trường.*

Nghĩa là :

*Nước Cấm đầy voi giồng Hát
bạc,*

Cột đồng lành gầy núi Nam cao.

Đọc những lịch biểu về cận-đại thì đều đã có ghi Hai Bà Trưng vào chính thống như quyển « *Concordance Calendrier* của G. Cordier và Lê đức Hoạt in tại Hà-nội năm 1935 chép :

Phụ Canh-tý (40) Chung-Vương

Chi Chung-Chắc cập kỷ

Quý-Mão (43) muội Chung-Nhị

et sa sœur Chung-Nhị.

Trong quyển *Synchronisme Chinois* của cha Mathias Tchang S. J. in tại Thượng-hải năm 1905, chép về Trưng-Kỷ :

39 (Kỷ-hợi) Reine Trưng-Vương Trưng-Trắc 1.

40 (Canh-tý) Reine Trưng-Vương Trưng-Trắc 2.

41 (Tân-sửu) Reine Trưng-Vương Trưng-Trắc 3.

42 (Nhâm-dần) Soumisston aux Hán (Hán thuộc).

Quyển Hoàng Việt giáp-tỷ niên-biểu (thượng) viết bằng chữ Hán của Cụ Ngô-bá-Trác.

In tại Huế năm Khải-Định thứ 10 cũng có chép về Trưng-kỷ như sau nhưng hơi có khác về năm :

Canh-tý 40 Trưng nữ Vương nguyên niên.

Tân-sửu 41 Trưng nữ Vương nhị niên.

Nhâm-dần 42 Trưng nữ Vương tam niên.

Quý-Mão 43 Đệ tam thứ Nội thuộc.

Nhân ngày lễ kỷ-niệm Hai Bà vào 22 tháng 3 dl này, sau khi đọc Sử chép, ta cảm thấy khí thiêng bằng bạc còn mãi với non sông Hồng-Lạc mà Hai Bà đã hy-sinh để mở đường độc-lập cho Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê sau này.

✱

CHÚ-THÍCH

(1) Huyện CHU-DIÊN được lập tự đời vua Hán Võ-đế (Lư-Triết) và nay là phủ VĨNH-

TUỜNG thuộc tỉnh Vĩnh-Yên (Bắc-phần).

(2) Tức là chức tri-huyện.

(3) Đoài là tên riêng tỉnh Sơn-Tây (Bắc-phần).

(4) Bãi Trường-sa ở bên sông Bạch-Hạc thuộc Vĩnh-Yên.

(5) Theo sử sách chép thì Mê-Linh là một huyện thuộc quận Giao-Chi. Trong Việt-sử chưa rõ ràng Mê-Linh tức là huyện An-lãng tỉnh Sơn-Tây. Theo Lê-quát-Đôn thì chép Mê-Linh là Phong-châu nhưng cũng còn có nơi nói Mê-Linh thuộc huyện Phúc-thọ và Đường-lâm trong tỉnh Sơn-Tây.

(6) Hồ Lăng-Bạc còn có tên

nữa là Dâm-dâm-hồ ở phía Tây thành Đại-la trước, đến đời nhà Lê đổi tên lại là Tây-hồ, nay là Hồ-Tây gần Hà-nội.

(7) Thuộc tỉnh Sơn-Tây.

(8) Trong miếu thờ Mã-Viện ở Long-châu (bên Tàu) cụ Mai-sơn có đề câu thơ khen tặng sau đây, đầy giọng mỉa-mai:

Quốc thước khoe tài chi tóc bạc
Cân thoa đọ với gái quần hồng

(9) Sông Hát-giang thuộc làng Hát-môn, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-Tây, có miếu thờ Hai Bà gọi là Miếu-Hát, xây cất từ khi Mã-Viện rút quân về Tàu.

(10) Có một đôi nơi chép lầm là mồng 8 tháng 3.



* Nước mắt của đàn bà

Nước mắt đàn-bà có một mãnh-lực ghê hơn một đập nước to lớn.

(Les larmes féminines sont génératrices d'une force plus grande que celle d'un puissant barrage).

J. PECK

CHÍNH TÔI ĐÃ giết chàng

* HOÀNG-THẮNG

CHIẾC xe hồng-thập-tự rú lên những tiếng còi dài đến lạnh mình, băng băng chạy qua các đại-lộ. Lá cờ trắng có chữ thập đỏ bay phấp phật rước gió như muốn gạt mọi xe khác ở lại.

Trong lòng xe, một thanh niên nằm im lìm, đã tái mét, hơi thở mong manh, yếu ớt.

*

Gia đình ông Bùi Văn là một gia đình giàu có ở Sài-gòn. Hai ông bà trông nom một cơ sở xuất-nhập cảng lớn rất được tín nhiệm trong công việc làm ăn.

Hai người chỉ sinh được có một người con gái tên là Thiên-Hương, tuổi mới đôi mươi, còn đi học. Thiên - Thương đẹp-ngoan, dù được cha mẹ nuông

chiều không bao giờ nằng lợi dụng sự tin cậy của bề trên để làm điều chi lầm lỗi.

Ngoài buổi học nàng chỉ ở nhà xem sách vở vì theo ý nàng cũng như ý của cha mẹ, thời buổi này người con gái cần phải có một vốn học vấn cao để đủ sức khi ra đời khỏi ăn bám vào chồng con.

Theo trào-lưu của đợt sống mới, Thiên-Hương cũng như nhiều nữ-sinh khác, ôm mộng được trở nên một nữ tài-tử điện ảnh có tên tuổi. Nàng chăm chú đón mua những tờ tuần báo nói về điện ảnh ở trong nước cũng như ở ngoại-quốc để xem cùng học hỏi.

Nàng thường ao ước một ngày kia tên tuổi nàng sẽ được mọi giới nhắc nhở, nhất là giới trẻ trung cùng lớp tuổi với nàng. Nghĩ tới

lúc hình ảnh mình hiện rõ trên khung vải đại-vĩ-tuyển, trên mặt bìa những tờ tuần báo, Thiên-Hương rạo rức vì sung sướng. Tên nàng sẽ vang dội như những Sophia Loren, Lollobrigida, Brigitte Bardot, Marylyn Montoe, Maria Schell..

Cũng bởi vậy, mỗi lần có tờ tuần báo nào mở mục chọn ảnh đẹp để giới thiệu mầu non điện ảnh, Thiên-Hương cũng gửi mấy tấm hình chụp nghiêng, chụp thẳng để chờ cơ hội may mắn.

Một lần ông bà Bùi Văn thấy hình con gái mình được treo lung lẳng tại các sạp báo, hai người đã nổi giận gọi Thiên-Hương trách mắng. Bà Bùi Văn kể lể, nhân nhó như chính con mình đã phạm một tội lớn, còn Ông Bùi Văn chỉ ngồi thờ ngẩn thờ dài, nói lầm-nhảm : «Hồng, hồng. Con gái tôi thế là hồng rồi.»

Dù bị trách mắng, Thiên-Hương vẫn mơ ước mộng trở thành tinh minh, nhất là hình ảnh nàng đã được mọi người chú ý tới.

Nhận dịp có một hãng phim đăng báo tuyển lựa tài tử màn bạc, Thiên-Hương sốt sắng ghi tên. Nàng được vào chung kết và

được chọn trong số mấy trăm người dự thí. Thiên-Hương hãnh diện với mọi người bao nhiêu, khi về nhà nàng cố giấu kín công việc của mình bấy nhiêu. Nàng sợ cha mẹ ngăn trở bước tiến của nàng trên đường vinh quang.

Trong thời gian tập thử, Thiên-Hương đã được một nam tài tử thăm yêu. Người con trai tên Hòa, ít nói, đôi mắt lúc nào cũng vương buồn. Dù Hòa chưa hề thổ lộ mối tình thầm kín của anh, Thiên-Hương cũng nhận biết qua những cái nhìn say đắm, những tiếng thở dài của người con trai si tình.

Trái tim người con gái hai mươi chưa hề rung động vì mối tình của Hòa, phải chăng nó mong muốn một lời cời mở, những lời nói thơ mộng, dịu dàng và ngọt lịm, chứ không những cái liếc, thờ dài ?

Hòa cũng biết vậy nhưng anh lại không dám thổ lộ với Thiên-Hương, dù anh yêu nàng hết sức. Một bức tường giai cấp đã chặn đứng hai người như một bức tường thành kiên cố. Gia - đình Thiên-Hương giàu quá !

Thiên-Hương đi đóng ciné chỉ vì nàng muốn có tiếng tăm với

thiên hạ, còn anh làm tài tử chỉ vì vấn đề sinh sống. Đồ mờ mờ dưới ánh đèn gay gắt hàng ngàn nến, khô cứng trong những buổi tập dượt chỉ để có tiền sinh sống.

Dù rụt rè Hòa cũng phải quyết định trong tình yêu. Không nói được thì mượn bút thay lời vậy.

Khi trao thư cho người yêu, Hòa ngượng ngùng nói :

— Cô Hương, tôi có lá thư này gửi cô, mong cô nhận và trả lời cho tôi được biết càng sớm càng hay.

Dù chưa bóc thư ra xem, Thiên-Hương cũng đã đoán được ý định của Hòa. Nàng vui vẻ cất vào ví sau khi trao cho bạn một nụ cười cời mở.

Hòa đã chờ đợi. Anh chờ đợi mãi tới khi không chịu đựng được những sự day dứt, nhớ nhung pha lẫn thất vọng trong lòng nên anh đã mượn thuốc ngủ để xóa tan hình ảnh của người đẹp đã ngự trị trong tim anh. Anh có biết đâu rằng, sau khi Thiên-Hương nhận thư của anh, khi nàng về tới nhà, Thiên-Hương đã bị cha mẹ trách mắng và cấm không cho ra khỏi nhà nữa. Hai ông bà được người quen cho hay con mình đã lên đi

tập đóng ciné, nên đã trút hết sự giận dữ lên đầu đứa con gái yêu.

Thế là mộng trở thành nữ minh tinh điện ảnh của Thiên-Hương bị tan như mây khói và nàng cũng không thể nào viết thư trả lời cho Hòa được. Sự mất tự do đã làm cho nàng mất bình tĩnh, nàng không hiểu nổi lòng mình có yêu Hòa hay không.



Một buổi sáng chủ nhật, Thiên-Hương và mấy cô bạn gái ngồi nói chuyện nơi phòng khách. Ông bà Bùi Văn cũng ngồi gần đó uống nước. Chợt Thùy, cô trẻ nhất lên tiếng :

— Nay các cậu đã xem báo hôm nay chưa ? Có một tin quan trọng lắm.

Mấy cô nhao nhao lên hỏi :

— Chuyện gì thế, kể cho bọn này nghe coi.

— Tài tử điện ảnh Văn Hòa đã tự tử.

Thiên-Hương kêu lên :

— Văn Hòa tự tử ư ?

— Phải. Theo như các phóng viên nhà báo tường thuật lại thì tài tử Văn Hòa tự tử vì thất vọng vì tình. Anh ta đã yêu một người, yêu say đắm nhưng không

được cô ta yêu lại.

Thiên-Hương vội nhắm nghiền mắt lại. Tai nàng ù lên không còn nghe rõ lời nói của bạn nữa.

Hình ảnh Hòa chợt hiện ra trước mắt nàng, mặt đỏ gay như người uống rượu, tay cầm phong thư, mồm lắp bắp nói thắm: — *Hương, cô Hương, tôi có lá thư này gửi cô mong cô nhận và trả lời cho tôi được biết, càng sớm càng hay.*

— Các cậu có biết mặt tài tử Văn Hòa không? giọng cô Thùy lại vang lên, hân hân cũng đẹp trai, cổ duyên, nhiều cô mê say hân hân.

— Thế cậu có mê không, một cô hỏi.

— Ô, bây nào, Thùy vội cãi chính. Nếu mình có chẳng nữa, chắc không còn chỗ để chen chân.

Những tiếng cười vô tư của các cô gái vang lên rộn rã. Thiên-Hương cảm như là những tiếng búa nện mạnh vào thái dương mình. Như không tự chủ được lòng mình, Thiên-Hương hét lớn:

— Thôi tôi van các chị đừng nói tới Văn Hòa nữa. Đừng nói nữa.

Mấy cô bạn gái giết mình ngay

nhiên. Ông bà Bùi Văn nghe con hét vang cũng giết mình quay lại nhìn. Thiên-Hương mặt tái mét, mồ hôi lấm tấm nổi trên trán. Nàng lăm bằm, đôi mắt nhìn thẳng như nhìn vào cõi xa xăm nào:

— Chính lỗi tại tôi. Chính lỗi tại tôi. Chính tôi đã giết chàng. Mọi người nhao nhao hỏi:

— Chính Hương đã giết Văn Hòa? Tại sao lại có chuyện lạ vậy?

Bà Bùi Văn cũng hỏi vội:

— Con nói sao?

Không trả lời ai, Thiên-Hương chạy vào phòng ngủ lấy lá thư màu xanh của Văn Hòa gửi cho mình ra, nàng lạnh lùng trao cho Thùy:

— Thùy đọc to lên để mọi người cùng hay lá thư của Hòa gửi cho tôi thì sẽ biết rõ tại sao Hòa tự tử.

Cô Thùy vội cầm lấy lá thư đọc:

« Cô Thiên-Hương,

« Đối với cô, tôi không phải là người xa lạ. Hai chúng ta đã từng tập dượt vai trò của mình trong một tháng đồng. Chắc Hương cũng đã rõ tính nết của

tôi rồi nhỉ.

Trong thời gian gặp Hương, tôi đã hiểu Hương mà mến Hương. Từ sự hiểu biết đến mến và yêu không bao xa: tôi đã yêu Hương. Hòa đã yêu Hương rồi, Hương à... Hòa yêu Hương lắm.

Đã nhiều lần Hòa muốn thú thật mối tình với Hương nhưng Hòa lại rụt rè không dám. Hòa tự nghĩ: « Nếu nói rồi mà Hương không yêu Hòa thì sao? Còn mặt mũi nào mà nhìn Hương nữa. Nhất là Hương đẹp, nhà Hương giàu, trái lại Hòa nghèo quá. Sự cách biệt giàu nghèo giữa hai chúng ta có thể được san phẳng không nhỉ? »

Hòa đã tự hỏi như thế nhiều lần và không tìm được câu giải đáp.

Nhưng rồi Hòa cũng phải thú thật tình yêu với Hương vì Hòa không thể giữ kín mãi trong lòng được. Hòa phải nói cho Hương biết.

Hòa chỉ mong sao không bị Hương hắt hủi thì Hòa vui biết chừng nào. Hòa mong Hương trả lời, ngán cũng được, miễn có câu « Hương cũng yêu Hòa » là đủ.

» Nếu không nhận được thư của



Hương — nghĩa là Hòa không được Hương yêu — thì Hòa buồn lắm, buồn có thể chết được, vì không có Hương, Hòa không còn thiết sống nữa.

Hòa chỉ mong sao khỏi phải ngâm lên hai câu thơ của thi sỹ Thế Lữ:

*Yêu là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu...*

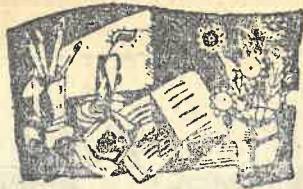
Thôi thư đã dài, Hòa xin tạm ngưng bút và mong chờ tin Hương".

HÒA.

Thùy vừa đọc xong, Thiên-Hương tiếp luôn, giọng ướt át: — Thế là Hòa đã chết rồi, chỉ vì tôi đã không trả lời chàng, dù rằng tôi cũng chưa biết trả lời ra sao?

Giữa sự im lặng bao trùm mọi người, nàng nói thêm:

— Phải, chính tôi đã giết chàng.



Bao la

Trời mở rộng màn mây xanh tím hướng
 Sáng hôm nay nắng đỏ sắc vàng châu.
 Swong ngời lên, bi chuỗi ngọc nhiệm mầu
 Quàng quanh cổ những nàng Hoa Công chúa.
 Bay lá lướt theo làn mây trắng lụa,
 Đàn chim câu xinh xắn rả nhau về.
 Hồn khai nguyên trong một phút say mê
 Thăm nhắc nhớ : « Nàng Xuân chằm chằm nhớ »
 Mắt đã chán nhìn nhíp đời hoa lệ
 Tôi đến tìm bên bể một niềm vui.
 Dáng trùng dương lan rộng đến chân trời
 Làn sóng biếc mơn man từng núi thềm.
 Ôi lòng lấy nắng đầu Xuân nước ngâm !
 Đàn chim âu lướt gió, vút trời cao
 Ngoài khơi xa thuyền trắng ghé nơi nào ?
 Bướm căng gió gọi tình yêu viễn xứ.
 Tôi muốn đi ! Cùng trời mây tâm sự ;
 Vượt trùng dương trong đêm tối mịt mùng,
 Giữa trăng rằm tỏa sáng mấy tầng không
 Hay những sáng mùa Xuân hồng rạo rực.
 Trời bao la xóa mờ trùn bực tức,
 Sóng dạt dào xoa dịu vết đau thương ;
 Mộng và Thơ giao cảm suốt đêm trường,
 Hoa nước mắt khô rồi, không nở nữa.
 Cả lâng lâng và niềm say chan chứa
 Đến ấm thấm trong sóng gió ngàn khơi,
 Lòng bỗng dựng rộng lớn cả bầu trời
 Nghe hạnh phúc dù mới là mơ ước.

THANH-NHUNG

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XXV

Cái chết của Công-Lý

(Tiếp theo P.T. số 52)

THIỆU-SƠN

BÁO Công-Lý ra vốn
 vện được 11 số. Hiện
 nay chỉ còn sót lại có 3, 4 số
 còn nằm trong tủ sách của tôi.
 Tôi đọc lại số chót là số 11,
 ngoài bài kỹ thuật cuộc tiếp
 rước ông Hàn Duhamel còn
 có nhiều bài có thể làm cho
 nhà cầm-quyền không vừa ý
 như bài xã-luận và cuốn Phim
 Hằng ngày.

Trong bài xã-luận nói đến
 vai tuồng của hạng Thượng-
 lưu trí-thức chúng tôi nói thẳng
 tới cái Hội-Nghị Đalat sẽ nhóm

hợp vào cuối năm (1947) và
 cái Hội-nghị đó sẽ thỉnh-nguyện
 Hoàng-Đế hồi-loan để nhận
 lãnh sự độc-lập và thống-nhứt
 do Cao-ủy Bollaert giao-trả.
 Chúng tôi viết : « Nghe nói Hội-
 nghị Đalat sẽ nhứt-định vào tháng
 12 dương-lịch và từ đây tôi đã
 phải chuẩn-bị ráo-riết để tấn-công
 hòa-bình... Hay để diệt-trừ quân
 phiến-loạn thì cũng thế.

Hỡi các nhà thượng-lưu trí-
 thức sẽ được « chằm » nay mai !
 Xin các ngài dự-bị để ra dẹp
 loạn, cứu dân. »

Trong cuốn Phim Hằng ngày

chúng tôi đề-cập tới một bài của anh Rictus trên báo L'Union francaise. Rictus chính là bút-hiệu của ông trùm thực-dân De La Chevrotière. Anh Rictus thuật chuyện Hung-gia-Lợi một kẻ đặt tạc-đạn bị bắt, bị xử liền và bị treo cổ trong ngày đó. Anh vỗ tay khen ngợi cách xử đoán giản-tiện và mau chóng như thế rồi anh phiền-hà sao ở đây người ta lại quá chậm - chạp và quá nhơn - từ. Chúng tôi đưa ra những bằng chứng rằng người ta không quá chậm-chạp và nhơn-từ như anh tưởng. Người ta chỉ làm bộ nhơn-từ đó thôi. Chúng tôi kết-luận :

« *Này anh Rictus ơi : Người ta không cần phải nghe lời anh khuyên-báo mà người ta cũng làm vừa ý anh nhiều lắm rồi. Những oan-hồn uổng-tử của dân-tộc V.N. đang nguyên-rũa những kẻ đã đang tay sát-hại họ. Ai kia trách anh chế dẫu vô-lừa. Nhưng chúng tôi lại khen anh thật-thà đấy ! Nói trắng-trợn như anh còn hơn dùng những lời văn-hoa giả-dối, còn hơn nói tới sự-mạng khai-hỏa, văn-minh. trong khi đang tấn-công, tàn-sát.* »

Ngoài ra chúng tôi còn cho sắp chữ lớn để ở trương đầu một

khẩu-hiệu như sau : « *Dân-tộc Việt-Nam làm chủ lãnh-thổ Việt-Nam, đó là Công-ly* ».

Nhưng báo vừa ra ngày thứ sáu 21/11/47 thì cũng liền trong ngày hôm đó chúng tôi nhận được thư của bộ Thông Tin cho hay rằng báo Công - Lý bị rút giấy phép. Đồng thời mười mấy tờ báo ở Saigon cũng chịu chung một số phận. Người ký tên cho phép chúng tôi ra báo là ông Trần-văn-Ân. Mà người ký giấy đóng cửa chúng tôi cũng vẫn là ông Trần-văn-Ân, một nhà văn, một nhà báo, một bạn đồng-nghiep, một bậc đàn-anh.

Tôi đã nhiều lần được gặp ông Ân. Ông là người có học, có tài, có tác phong văn-nghệ trong những cuộc tiếp - xúc với làng văn, có cách đối-xử tế-nhị và rất nhiều mánh-lời ngoại-giao. Ông có cây viết sắc bén và có tài nguy-biện.

Khi ông chưa gặp thời thì ông là một tay đối-lập hàng-hái. Khi ông đã tham-chánh thì cũng hàng-hái để diệt-trừ đối-lập. Từ ngày ông cho phép tôi ra báo luôn luôn ông tỏ ra dẽ-dãi và tử-tế với tôi. Ông hay gọi tôi là « đồng-chí xã-hội » và sẵn - sàng

tiếp tôi mỗi khi tôi có việc cần nói với ông.

Nhưng sau khi tôi bị ông rút giấy phép thì ông cũng rút luôn sự dẽ - dãi đối với tôi. Tôi kiếm gặp ông, ông không tiếp. Tôi kêu nài về sự đóng cửa báo Công - Lý thì ông nhấn ra nói rằng đó là do lệnh của Thủ-Tướng và muốn kêu nài thì cứ kêu nài thẳng với Thủ-Tướng...

Từ đó tôi không gặp ông nữa. Mãi tới năm 1956 tôi mới lại gặp ông ở Đền-Lao Gia-định cùng với một số trí-thức bị dính với Bình-Xuyên.

Tôi được hưởng một chế-độ ưu-đãi đặc-biệt. Ông Ân và các bạn của ông chịu một chế-độ gắt hơn. Chúng tôi không được tiếp-xúc với nhau, nhưng chúng tôi vẫn thông-cảm lẫn nhau và nhiều khi ở xa ngó nhau chúng tôi cảm thấy gần-gũi với nhau hơn là khi ở ngoài đời, tự-do đấy mà vẫn cách-biệt đấy.

Tết đến, thầy chú dẽ-dãi hơn và kỷ-luật cũng bớt gát phần nào, tôi mon-men đến gần anh Ân để chúc mừng năm mới thì được nghe anh nói câu này : « Phải chi chúng tôi được ở

ngoài đời để viết báo Xuân và đọc báo Xuân. Lúc này tôi nhớ nhứt những cái đó. »

Mấy năm nay tôi đã được đọc báo Xuân và viết báo Xuân. Nhưng tôi lại ngậm-ngùi thương nhớ người rất tha-thiết tới những cái đó nhưng vẫn chịu thềm, chịu khát trong cảnh dũ-ly lâm than. Người đó không phải là ông Tổng-Trưởng Trần-văn-Ân, người đã giết chết Công-Lý. Nhưng người đó là anh Trần-v-Ân một bạn đồng nghiệp, một bậc đàn anh, một nhà báo kỳ-cựu, một nhà văn có tài. Có tài và cũng có tình, nhứt là trong những lúc anh thất thời và đau-khổ.

★

Không được gặp ông Tổng-Trưởng Bộ Thông-Tin, chúng tôi đành phải đi thẳng lên Thủ-Tướng. Phái-đoàn chúng tôi gồm có 4,5 người, cả Pháp lẫn Việt. Trưởng phái-đoàn lại vẫn là anh Hervochon. Anh Nolmas tỏ thái-độ không vui, lấy tình đồng-chí anh rầy-rà chúng tôi dữ. Nhưng lần này không phải là chúng tôi đến kêu-nài với anh mà là chúng tôi muốn gặp Thủ-Tướng để đưa lời kháng-nghị.

Trung-Úy Đôn có phận-sự mở cửa nước chúng tôi vào tới văn-phòng Thủ-Tướng. Ở đây, ngoài Thủ-Tướng Xuân còn Tổng-Trưởng Nguyễn - khác - Vệ, kiêm phó Thủ - Tướng. Mọi lần Thủ-Tướng niềm-nở với chúng tôi bao nhiêu thì lần này ông tỏ ra lạnh-lùng ghét-bỏ chúng tôi một cách quá sỗ-sàng. Chúng tôi vừa đặt dít ngồi xuống là được nghe liền những lời mắng nhiếc và được chứng-kiến một cơn thịnh-nộ của nhà Tướng. Ông nói : « Các anh nói các anh là những người xã-hội nhưng kỳ-thiệt các anh là những thằng cộng-sản do-dây. » Ông còn nói nữa. Ông còn nói nhiều. Ông hàm-hừ. Ông la-lời. Sự giận dữ đã làm cho ông mất bình-tĩnh, và cố-nhiên là mất cả thể-thống lẫn lễ-độ. Trái lại với ông, chúng tôi nhẫn-nại chịu đựng và ráng kềm cho khỏi có những phản-ứng phát lộ ra ngoài. Khi Thủ-Tướng đã dứt lời, anh Hervochon liền hỏi lại : « Xin Thủ-Tướng cho biết ngài đã nói hết chưa? » Ông nói : « Rồi. » Lúc đó anh Hervochon mới chậm-rãi trả-lời.

— « Chúng tôi là một chánh-dảng hợp pháp, có quyền hoạt-động ở Pháp và ở đây. Chúng

tôi là những người Xã-hội, có lập-trường khác hẳn với lập-trường của những người cộng-sản. Ông chửi chúng tôi là những tên cộng-sản do-dây. Đó là một lời nhục-mạ nghiêm-trọng. Chúng tôi sẽ công-bố những lời nói của ông và xin ông hãy đo - lường cái trách-nhiệm về phần ông phải chịu. »

Mặt Thủ-Tướng đỏ gay bỗng tái lợt và Thủ-Tướng không kiếm ra lời để nói lại. Cũng may là có ông Nguyễn-khắc-Vệ đứng ra hòa-giải và nói với chúng tôi :

«—Thủ-Tướng quá nóng giận nên có nói những lời sơ-thất ; xin các anh đừng phiền, đừng chấp và cũng đừng công-bố ra làm gì. Chẳng qua là tại hai bên đều chưa hiểu rõ nhau. Tôi hy-vọng rằng chúng ta sẽ tìm hiểu nhau thêm nữa và chắc chắn chúng ta biết nhau hơn, gần nhau hơn và rất có thể hợp-tác với nhau để làm-việc cho xứ-sở. » Rồi ông quay qua nói với tôi : « Việc báo Công-Lý bị rút giấy phép chẳng qua cũng chỉ là một sự hiểu lầm. Tôi hy-vọng được tiếp riêng anh và nói chuyện với anh

nhieu hơn nữa. Để khỏi mất ngày giờ của các đồng-chí khác, tôi xin mời anh sáng mai sẽ một mình anh tới nói chuyện với tôi ở đây. Chúng ta sẽ tìm hiểu nhau thêm và cũng sẽ lo giải-quyết vấn-đề báo Công-Lý của anh nữa... »

Tôi đáp : « Nếu do một sự hiểu lầm mà Thủ-Tướng nóng giận thì chúng tôi đâu có buồn. Nhưng, chúng tôi chỉ buồn rằng những đồng-chí Pháp của chúng tôi đã phải nghe những lời thóa-mạ không nên có ở cửa miệng một đồng-bào của tôi, nhất là đồng-bào đó lại chính là Thủ-Tướng. Tôi tưởng rằng các anh là những người có lý-tưởng cao-cả, đã chiến-đấu và hy-sinh cho cái lý-tưởng đó rất nhiều, các anh có thể là nạn-nhân của thực-dân, của đế quốc, mà các anh không thể là nạn-nhân của đồng-bào, của những người Việt-Nam yêu nước và muốn cho nước nhà được tự-do và độc-lập... »

Không-khí dịu dần. Thủ-tướng có lẽ cũng đã thấy mình giận bậy nên cũng trở lại vui-vẻ, niềm nở và già là với chúng tôi. Trước khi kiêu-từ tôi có hứa với Phó Thủ-Tướng là sáng mai sẽ trở lại dinh Gia-Long để nói chuyện với ông và hy-vọng

rằng sẽ được thấy báo Công-Lý sống lại để tiếp-tục làm việc cho công-lý.

Liên tiếp luôn hai ngày sau tôi ngồi nói chuyện tay đôi với ông Nguyễn-khắc-Vệ. Ông cho tôi biết nhiều chuyện, đưa ra nhiều bằng-cớ để chứng-tỏ cái thiện-chí của các ông. Nhưng ông cũng không quên nói rằng các ông đã gặp nhiều trở ngại, nhiều khó-khăn. Chẳng những anh em kháng-chiến không hiểu các ông mà ngay đến người Pháp cũng làm khó-dễ các ông rất nhiều. Cố-nhiên là các ông ở vào một địa-vị rất khó-khăn vì người Pháp lợi-dụng các ông để thực-hiện những âm-mưu của họ chứ đâu phải là họ thành-thật muốn giao-trả độc-lập cho dân-tộc Việt-Nam.

Và một khi chính các ông đã « kẹt » như thế thì cũng không nên buộc các ông phải ký một giấy phép mới để cho báo Công-Lý được sống lại mà tiếp-tục cuộc tranh-đấu theo quan-điểm của mình.

Công-Lý đành chịu chết và chết luôn. Nhưng anh nó, tờ Justice vẫn còn sống và còn tiếp-tục tranh-đấu trong những điều-kiện càng ngày càng khó-khăn.

(Còn nữa)

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Hai sắc hoa ty-gôn

Một mùa thu trước mỗi hoàng-
hôn,

Nhật cánh hoa rơi chẳng thấy buồn.

Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đường.

Người ấy thường hay ngắm lạnh-
lùng

Giải đường xa vút bóng chiều
phong,

Và phương trời thăm mờ swong
cát,

Tay vót dây hoa trắng cạnh lòng.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thờ dài trong lúc thấy tôi vui,

Bảo rằng: " Hoa dáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi! "

Thơ đó nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan-tác của sinh ly,

Cho nên cười đáp: " Màu hoa trắng
L chát lòng trong chẳng biến suy."

Đâu biết lần đi một lữ-làng,
Dưới trời đần khỗ chết yêu

đường.
Người xa xăm quá, tôi buồn lắm
Trong một ngày vui pháo nhuộm

đường.

Từ đây thu rồi, thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.

Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
Người ấy, cho nên vẫn hững-hờ.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt-lẽo của chồng tôi,

Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tâm bóng một

người!

Buồn quá! Hôm nay xem tiểu-
thuyết,

Thấy ai cũng vì cánh hoa xưa,
Nkund hồng, tựa trái tim tan vỡ,
Và đỏ như máu máu thấm pha!

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi,
Một mùa thu trước rất xa xôi,

Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Làm lữ tình duyên cũ mất rồi!

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu hoa đỏ rụng, chiều thu.

Gió về lạnh-lẽo chán mây vằng,
Người ấy ngang sông đứng ngắm

đò.

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?

Có thăm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng!

T.T.KH.

★

Mùa Thu năm 1937, tờ tuần
báo "Tiểu-Thuyết Thứ Bảy" có

đăng một truyện ngắn nhan đề là
" Hoa ty-gôn " của Thanh-Châu,

một biên tập viên của báo ấy. Ít
ngày sau, bỗng có một thiếu-phụ

mang tới tòa-soạn tuần-báo nói
trên (tức là Nhà Xuất Bản Tân-

Dân ở 93 phố Hàng Bông, Hà-
Nội) một phong thư dán kín để

gửi cho ông chủ-bút, bên trong
có bài thơ " Hai sắc hoa ty-gôn "

với tên tác-giả viết tắt: T.T.KH.

Thế rồi bài thơ ấy được đăng
lên, và không ngờ làm nổi sóng

gió trong làng thơ Bắc-hà hồi đó.
Người ta xôn-xao bàn tán.. Ai

cũng muốn biết người đàn bà lỡ
duyên đau khổ đó là ai và
" người ấy " của nàng là người
nào?

Bây giờ mấy ông trong tòa soạn,
Tiểu-Thuyết Thứ Bảy mới tiếc

không được gặp nàng khi tới đưa
thư. Còn người nhận thư thì cố

mọi ký-ức và cho biết lơ-mờ rằng
nàng vóc người bé nhỏ, có vẻ

thùy-mị. Người ta chỉ biết về
tác-giả bài thơ " Hai sắc hoa ty-

gôn " có thể; còn tất cả là bí-
mật và phải đợi thời-gian trả lời.

Nay ta hãy phân-tích xem bài
thơ này hay ở chỗ nào và được

truyền tụng vì lẽ gì?

Trước hết ta phải thành-thực
nhận rằng bài thơ này — về ý

cũng như lời — không có gì đặc
biệt mới lạ. Đại ý: Một mùa

thu xưa, cô em có yêu một người.
Cả hai thường hay hẹn hò tình

tự dưới giàn hoa ty-gôn. Trong
khi cô em say vui với mối tình

đầu thơ mộng, thì " người ấy "
lại hay thờ dài lo lắng xa xôi, vì:

" Hoa dáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi! "

Cô em ngây thơ không tin...

Nhưng rồi việc phải đến đã đến:
Chàng ra đi, nàng ở lại. Rồi nàng

phải đi lấy chồng, và dĩ nhiên nàng
không yêu chồng vì quên làm sao

được mối tình đầu thơ mộng ấy!
Người chồng cũng biết mối tình
thắm kín của vợ, nên trong tình

chấn gối vẫn tỏ vẻ hững-hờ. Điều đó, càng làm cho cô em đau buồn nhớ đến người xưa. Buồn quá, cô đọc tiểu-thuyết để tìm khuấy khỏa, và một hôm đọc truyện « Hoa ty-gôn » trong tờ tuần báo nọ, cô thấy tác-giả cũng ví hoa ty-gôn như « trái tim tan vỡ », cô bỗng nhớ lại lời người yêu xưa và cảm-xúc dâng lên nghẹn-ngào, lòng thơ bồi-hồi lai-láng, cô cầm bút gieo vần kể lại mỗi tình dang dở đều thương xót cho mình và cho cả người yêu không biết giờ đây ở đâu và ra sao ; rồi, cuối cùng, cô chua xót nghẹn-ngào tự hỏi :

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi ! Người ấy có buồn không?*

*Có thắm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng !*

Thật là một đề-tài cũ kỹ. Câu chuyện tình tan vỡ dở dang kiểu này hồi đó đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần qua những truyện dài, truyện ngắn. Ý thì thế. Còn văn : không có những hình ảnh tân kỳ, những chữ dùng táo bạo, những nét sáng đột ngột làm cho độc-giả phải chú ý và tăng sức hấp dẫn cho bài thơ như những tia sáng long-lanh làm tăng giá trị cho ngọc báu.

Vậy mà sao nó lại gây được sự

nhớ trong giới thi văn ?

Ấy là do những yếu-tố sau đây

1) Bài thơ này đã ra đời đúng lúc, nghĩa là đang khi văn-chương cũng như tâm hồn người ta (nhất là giới thanh-niên) đều ngã theo khuynh - hướng lãng-mạn. Mơ-mộng được nâng-niêu, đau thương được ấp-ủ, người ta thích đọc những truyện thương tâm cũng như thích ngâm những vần thơ áo-não, vì người ta quan-niệm theo Alfred de Musset rằng :

*Les plus désespérés sont les chants
les plus beaux !*

(Lời ca diễm tuyệt là lời bi ai !)

2) Hồi ấy, thanh niên nam nữ ưa xây mộng nhưng lại thường bị vỡ mộng yêu đương. Vì thế, danh-từ « vỡ mộng » đã thành ra lời nói đầu lưỡi. Sở dĩ vậy là vì khuôn phép gia-đình còn khắt khe, nếp sống xã - hội còn bó buộc, không được cởi mở lỏng lẻo như ngày nay. Trong xã-hội thời bấy giờ, những mối tình dang dở, những cuộc hôn-nhân miễn cưỡng, những trường - hợp như trường-hợp T.T.KH. không hiếm. Lời than thở của T.T.KH., vì vậy, cũng là lời than thở của cả một thế-hệ thanh niên.

3) Bài thơ vừa đăng lên báo.

lập tức một số nhà thơ, nhà văn có thái-độ mập - mờ nửa kín nửa hở, làm như chính mình là « người ấy » của T.T.KH. Nhiều người đem trích đăng lên báo, nhiều người làm thơ tặng nàng. Nhất là sau khi « Bài thơ thứ nhất » ra đời, với những câu :

*Ở lại vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh,
Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo,
Yêu bóng chim sa, nắng lướt mình.*

*Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai mang lại cánh hoa tim.*

*Cho tôi ép nốt dòng dư lệ,
Nhờ xứng thành thơ khúc chút
duyên.*

thì mấy chữ « dòng dư lệ », « người vườn Thanh » đã trở thành nguồn thi hứng cho nhiều nhà thơ và được nhắc nhớ đến luôn luôn như những điệp khúc trong một bài hát.

Nguyễn-Bính viết bài « Dòng dư lệ » tặng T.T.KH., với những câu :

*Sầu thương quyến lấy hồn tôi,
Đêm qua người đọc thơ người xa
xăm.*

*Một nghìn năm, một vạn năm,
Còn tâm vẫn kiếp con tâm vương
tơ.*

*Tặng ai gọi một dòng thơ,
Hay là dòng nước mắt
thừa đêm qua.*

*Tôi quên sao được con người
vườn Thanh !*

J. Leiba thì dựa cả bài « Hai sắc hoa ty-gôn » lên Ngọ-Báo, đề tặng người yêu xưa, kèm theo bên dưới là bài thơ của ông, với những câu :

*Anh chép lời thơ tự trái tim
Của người thiếu - phụ lơ-làng
duyên.*

*Lời thơ tuyệt vọng ca đau khổ
An-ừi anh và để tặng em.*

Vì người ta làm rùm beng như thế, nên người không chú ý cũng phải chú ý, người chưa được đọc thơ T.T.KH. cũng phải tìm đọc, và con người T.T.KH. bỗng trở nên một bí-mật hấp-dẫn, kêu gọi trí tò-mò của mọi người. Giữa cái thời thanh-bình và lãng-mạn ấy, mấy bài thơ nhỏ của cô gái vườn Thanh quả đã gây được xôn-xao như hòn đá ném xuống mặt ao tù phẳng lặng.

4) Nhưng sự thành công cũng

như chân giá trị của thơ T.T.KH. chính là sự thành-thực, rất thành-thực.

Giữa thời-kỳ lãng-mạng cực thịnh ấy, hầu hết mọi bộ môn văn nghệ đều lấy đau thương làm nguồn cảm-xúc, nên người ta thường mắc cái tật «bé xé ra to» ! Do đó, thơ văn thường kém thành thực và sướt-mướt giả tạo. Giả tạo một cách đáng ghét như những cô cậu viết thư tình cố gò cho thật lâm-ly thống-thiết, rồi lấy «compte-goutte» nhỏ nước vào làm như vừa viết vừa khóc, nước mắt rùng-rùng chảy nhờo cả chữ, thật là «lời lời tâm huyết, hàng hàng châu rơi» !

Vì thế, đọc thơ văn hồi ấy ta thường luôn luôn gặp những chữ «ôi !» «than ôi !» mà thường ít thấy rung động, nếu không dè-dặt, nghĩ ngờ !

Trái lại, đọc thơ T.T.KH. ta nhận thấy ngay nàng thành-thực lắm. Mỗi lời thơ như thốt tự đáy tim, mỗi hàng chữ như một dòng lệ nóng. Ta được chứng-kiến một chuyện tình có thực, một chuyện tình của thời-đại. Ta mở lòng cho cảm thông với một tâm hồn đau khổ. Ta rung động, xót thương người trong cảnh mà không

ngại bị đặt tình thương vào chỗ vu-vơ. Đọc thơ T.T.KH., ta có cái thích thú như lượm được một hạt châu thực — hạt châu thiên-nhiên — trong đồng hạt châu nhân tạo.

Ngoài ra, ta còn thấy T.T.KH. có tài làm thơ dễ dàng, lưu loát. Vốn sẵn tài ấy, lại nhờ xúc động chân thành, nên lời thơ cứ dễ-dàng trào ra ngọn bút. Ta có thể đoán chắc rằng nàng làm bài thơ này không khó, không lâu và ít phải sửa chữa gọt rũa. Vì thế, lời thơ càng thành thực tự nhiên. Nhờ vậy mà chuyện là chuyện tình cũ, ý không độc đáo, lời chẳng tân kỳ thế mà có sức gợi cảm mang mang, gây buồn thấm-thía. Những câu sau đây xứng-đáng là những câu thơ tình muôn thuở :

*Đâu biết lần đi một lữ-làng,
Dưới trời đau khổ chết yêu đương
Người xa xăm quá, tôi buồn lắm
Trong một ngày vui pháo nhuộm
đường...*

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt-lẽo của chồng tôi
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn giấu trong tâm bóng một
người !*

và :

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?*

Cho hay thơ hay không cần phải lập dị, cầu kỳ ; không cần phải khoác những lớp lạ-lùng bí hiểm ! Giản-dị và thành-thực đủ là những yếu tố tạo nên cái gì bất hủ vậy.



Sau bài « Hai sắc hoa ty-gôn », T.T.KH. còn có ba bài thơ nữa : *Bài thơ thứ nhất*, *Bài thơ đau áo* và *Bài thơ cuối cùng*. Chúng tôi sẽ đề cập đến những bài ấy trong kỳ sau với đầy đủ chi-tiết để bạn đọc hiểu rõ thêm về T.T.KH., một bí-mật trong làng thơ mà nhiều người muốn biết.

BÀNG-BÁ-LÂN



★ **CÁI CÒI XE**

Ông Ba Tèo có cái xe hơi muốn bán. Có ông thợ máy muốn mua, lấy xe hơi chạy thử một vòng. Lúc về người thợ bảo :

— Xe của ông máy móc, thùng xăng, cửa kính, bánh xe cái gì chạy cũng kêu rầm rầm, chỉ tiếc có cái còi xe là không kêu.

★ **CHUYỆN MỸ**

Hỏi : — Một người Mỹ giàu và một người Mỹ nghèo, khác nhau thế nào ?

Đáp : — Khác nhau là người Mỹ nghèo tự rửa chiếc xe Cadillac của mình.

một người mẹ gương-mẫu, — một bậc phụ-nữ tài giỏi vào bậc nhất

trong Lịch-sử nước Anh và Lịch-sử nhân-loại.

18 TUỔI LÊN NGÔI

KHÔNG ai ngờ một cô Công-chúa từ nhỏ tới giờ chỉ biết cúi mũi vào sách học, bỗng được lên ngôi Vua, đã tỏ ra một thái-độ bình-tĩnh và oai-ngghi như Công-chúa Victoria.

Ngày 20 tháng 6 năm 1837, hồi 5 giờ sáng, công chúa còn đang ngủ trong lâu đài Kensington, thì Giáo-chủ ở Canterbury và viên Thị-Vệ Đại-thần của Anh-triều đến gõ cửa. Mẹ của công-chúa là Nữ Công-tước Kent vội-vàng đánh thức con gái dậy. Nàng điem-nhiên khoác tạm chiếc áo dài, và thông-thả đi một mình ra phòng khách.

Viên Thị-vệ Đại-thần quỳ xuống trước mặt công-chúa và kính-cần báo tin đề nàng biết, theo Hiến-pháp Anh, từ giờ phút này nàng là Nữ-Hoàng của Anh-quốc. Nàng mỉm cười duyên-dáng gật đầu, không nói một lời. Cô Công-chúa 18 tuổi không ngạc nhiên,

không tỏ vẻ vui-mừng, không sợ-sệt.

Đúng 11 giờ, Thủ-tướng Melbourne đến rước nàng, tới chủ-tọa Hội-dồng Chính-phủ đầu-tiên của nàng. Tất cả Triều-đình đều hồi-hộp đợi-chờ, bỗng hai cánh cửa mở rộng, lính thị-vệ hô to : « Nữ-Hoàng ! », toàn thể các vị Tổng-trưởng, Đại-trưởng, Đô-Độc đều đứng dậy : từ ngoài cửa bước vào một thiếu-nữ, thướt-tha mảnh-khảnh, đề-tang cho cha, đi mảnh-dạn, điem-nhiên, đến ngồi trên Nga-vàng. Với một giọng thật rõ-ràng, thật chững-chạc, và êm-đềm duyên-dáng, nàng đọc bài huấn-từ đầu-tiên đề khai-mạc. Hội-dồng chính-phủ.

Xong, vẫn nét mặt điem-tĩnh và dịu-hiền không thay đổi, vị Nữ-Hoàng trẻ tuổi chào mọi người, rồi bước ra về giữa những cặp mắt ngạc-nhiên và kính-phục của tất cả các nhân-vật chính-phủ.

Ngoài đường, dân-chúng vỗ-tay reo-mừng âm-ĩ, và bài quốc-chiêu « Cầu Chúa Cứu Nữ-Hoàng ! » — *God save the Queen !* được hát lên, vang dậy cả kinh-thành London và khắp nước Anh.

Về tới Cung Điện, vừa gặp mẹ, nàng hỏi :

— Má ơi, hôm nay con đã thật là Nữ-Hoàng nước Anh rồi phải không ?

— Con đã thấy rõ rồi.

— Thế thì Má hãy để con ngồi một mình trong một tiếng đồng-hồ.

Ai cũng biết từ lúc nhỏ đến bây giờ, công chúa Victoria luôn-luôn ở bên cạnh Mẹ. Lúc học, lúc chơi, lúc ăn, lúc nghỉ, đều có Mẹ kèm bên cạnh. Nữ công-tước Kent săn-sóc cho con gái từng ly từng tý, nhất là về trí-dục và đức-dục. Nhưng bây giờ Công-chúa đã thành ra Nữ-Hoàng, cử-chỉ đầu-tiên của nàng là tỏ cho Mẹ và mọi người thấy rõ rằng nàng sẽ là một vị Nữ-Hoàng cương-quyết, thông-minh, không chịu ảnh-hưởng của ai hết, chỉ biết quyền-lợi của Nước của Dân

và danh-dự và bổn-phận của một vị Quốc-trưởng. Sau khi suy-nghĩ một tiếng đồng-hồ, nàng truyền-lệnh đưa Mẹ sang ở một lâu-đài khác, để nàng ở một mình trong Điện. Nàng muốn vị Nữ-Hoàng phải tự mình quyết-định mọi việc quan-trọng trong Nước, không nên có Mẹ, hoặc người nào khác ở bên cạnh và bày biều nọ kia.

Mới 18 tuổi, vừa lên ngôi, Nữ hoàng Victoria đã có ý thức rõ-rệt về trách-nhiệm nặng-nề của mình đối với quốc-gia và dân-tộc, trước mặt thế-giới.

Bà mẹ đã nuôi và dạy nàng từ nhỏ đến lớn, bây giờ đã hết nhiệm-vụ, và không được xen vào việc nước. Đối với ông bác ruột của nàng là vua Léopold của nước Belgique, nàng cũng có thái-độ cương-quyết như thế. Và sau này ngay đối với chồng, người chồng rất yêu là Albert, nữ Hoàng Victoria cũng không bao giờ để cho xen vào việc triều-chánh.

Và cô gái 18 tuổi ấy một mình đã nắm vững vận-mệnh của đại-cương quốc Anh trong 46 năm trời.

- VỢ CỦA MÌNH ĐÂY, ALBERT

BA năm đầu từ khi lên ngôi, Nữ - hoàng Victoria chưa muốn lấy chồng. Tuy lúc bấy giờ nàng đã có một người yêu trong đám các người anh họ của nàng, là Hoàng - tử Albert, con ông Bác ruột, Léopold, Vua nước Belgique, nhưng nàng không nghĩ đến chuyện hôn nhân. Nàng yêu Albert nhất trên đời, và hồi 17 tuổi nàng đã chép trong nhật-ký : « Ta yêu anh Albert nhiều lắm, nhiều lắm, nhiều hơn hết thấy các người anh họ khác. Albert đẹp quá, đẹp quá, với đôi mắt xanh xanh, đôi môi ngon lành, hai hàm răng trắng nõn, trắng nõn... »

Nhưng khi lên ngôi rồi, Victoria do-dự chưa muốn lấy chồng. Nàng muốn một mình đóng vai Nữ-Hoàng trong một thời-gian hoàn-toàn tự-chủ, không bị một thế-lực nào, hay một ảnh-hưởng nào làm sai lạc nhiệm-vụ khó-khăn và quan-trọng của nàng.

Đã nhiều lần, nàng đã tỏ cho vị Thủ-tướng lão-thành của chính-

phủ thấy ý-chí cương-quyết của nàng muốn làm theo ý mình, miễn là không trái với Hiến-pháp và không hại đến quyền lợi của Quốc-gia.

Nhưng được ba năm, Chính-phủ, Dân-chúng, Triều-đình, ai nấy cũng yêu cầu Nữ-Hoàng lo việc gia-thất, đề củng-cố ngai-vàng.

Năm 1840, nàng bằng lòng kết-hôn với hoàng tử Albert, người anh họ của giòng dõi Saxe-Cobourg ở Đức. Albert là một chàng trai giàu tình-cảm nhưng nghiêm-khắc, thiết-đời sống gia-đình, ưa âm-nhạc, thích giao-du với các văn-ngệ-sĩ tài-hoa, nhưng lại ghét đàn-bà và nhất là những đàn-bà hay làm dáng, hoặc lẳng-lơ. Có những đêm đại-hội, Nữ-hoàng khiêu-vũ cho đến sáng, còn Albert thì mười giờ tối đã nằm ngủ trên ghế tràng-kỷ trong Điện. Albert muốn tham-dự vào việc nước nhưng Nữ-Hoàng Victoria cho biết rằng Hiến-Pháp của Anh-

Quốc không cho phép điều đó, và nàng cứ đề chàng ở ngoài rìa việc chính-trị.

Thỉnh-thoảng, Albert thấy cần nói với vợ một đôi ý nghĩ của chàng về một vấn đề quan-trọng, Nữ-Hoàng mỉm cười âu-yếm bá cồ chông, vuốt ve chông, và lầm-bầm những câu : « Mình đáng yêu lắm... Em yêu mình lắm... Mình cưng của em... ». Như thế, tức là Nữ-Hoàng thích nói chuyện yêu đương và hạnh-phúc gia-đình với chông hơn là nói chuyện chính-trị. Albert hiểu ý vợ, đành làm thinh vậy. Ai cũng biết Nữ-Hoàng yêu chông say mê, và đối xử với chông hoàn toàn là một người vợ dịu hiền tưng-phục, trung-thành và tận-tụy. Một hôm, Albert giận vợ, bỏ vào phòng riêng, đóng chặt cửa. Nữ-Hoàng Victoria cũng tức giận chạy theo, gõ cửa. Trong phòng,

Albert hỏi :

— Ai đấy ?

Victoria đáp :

— Mở cửa cho Nữ - Hoàng nước Anh.

Albert không thèm mở, làm thinh. Một lúc lâu, Victoria lại gõ cửa. Lại có tiếng Albert hỏi :

— Ai đấy ?

— Vợ của mình đây, Albert !
Mở cửa cho em !

Bấy giờ Albert mới mở cửa cho vợ. Victoria phục người chông cương-quyết, liền ôm lấy chông, hôn lấy hôn để, rồi xin lỗi chàng. Từ đó về sau, Nữ-Hoàng Victoria thinh - thoảng nghe lời chông về một vài vấn-đề quan-trọng khó giải-quyết. Trong tập nhật-ký của bà, bà có ghi : « Albert rất quý-báu của ta, Albert mà không ai so-sánh được... »

(kỳ sau tiếp)



★ Không có tên

— *Này em, tên em là gì ?*

— *Tôi không có tên.*

— *Sao vậy, thế mà em gọi em là gì ?*

— *Đạ, má em chỉ gọi em là... thẳng ngực.*

MỘT CHỨC VỤ NGOẠI GIAO
KHÓ NHẤT THẾ - GIỚI

TỔNG THƯ - KÝ LIÊN HIỆP - QUỐC

★ ERNEST HAVEMANN
● TRẦN-PHONG dịch



Ô.HAMMARSKJOELD (Tranh khôi-hải của Sennep trong Point de Vue-Images) Ô.H. đang tìm biện-pháp giải-quyết vấn-đề nội-chiến ở Congo :

— Mỗi làng có một Tổng-Thống, ừ, thì cũng được! Chứ mỗi túp nhà lá có một Tổng-Thống, thì quá lè!

LTS.— Tình hình thế giới ngày càng trở nên rối ren: những vụ khủng hoảng ở Trung Đông, cuộc chiến tranh Algérie, hội nghị Tối cao tan vỡ, vụ Congo và Katanga, rồi lại cuộc biến chính ở Vương Quốc Lào... Tất cả mọi người đều hướng về Liên Hiệp Quốc để chờ đợi một hành động hữu hiệu cho nền hòa bình của thế giới khỏi nguy hại. Và cũng ở trong lòng chức quốc tế lớn lao và phức tạp này, người quan trọng nhất không phải là ông Chủ Tịch Đại Hội Đồng, Ông Chủ Tịch Hội Đồng Bảo An, mà lại chính là ông Tổng

TỔNG THƯ KÝ LIÊN HIỆP QUỐC

Thư Ký. Ngày nào, trên báo chí, chúng ta cũng thấy nói đến một cái tên tắt: « Ông H. » Người đó là ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Dag Hammarskjöld, một người vô cùng hoạt động và hết sức bận rộn theo với nhịp căng thẳng của tình trạng quốc tế. Chúng ta hãy đọc bài dưới đây để tìm hiểu về Ông.

BẮT cứ một nhân vật nào đã giữ cái trọng trách ngoại giao đều khó tránh khỏi bị có kẻ yêu người ghét. Tuy nhiên, hiện nay trên thế giới có một nhà ngoại giao độc nhất, vì vai trò ngoại giao khó khăn của mình, đã trở thành sắt đá trước những lời chỉ trích phê bình từ khắp mọi nơi trên thế giới. Người đó là ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Dag Hammarskjöld, con người lúc nào cũng giữ một vẻ dịu dàng và nhã nhặn.

Việc ông Hammarskjöld bị thiên hạ công kích dữ dội thật là một điều mỉa mai vô cùng. Bởi vì chính cái con người sống độc thân và gốc tích Thụy Điển ấy thực ra đã hành động tích cực hơn bất cứ một nhân vật nào khác để cố giữ cho chiến tranh khỏi bùng nổ trên cái thế giới bất yên của chúng ta ngày nay. Nếu trước kia, ông Hammarskjöld cứ đi theo khuôn mẫu của mình thì ngày nay, ông đã trở thành một vị giáo sư làm việc yên tĩnh ở một trường Đại Học nào rồi thay vì lao mình vào những cơn phong ba bão táp của nền chính trị quốc tế như ngày nay. Ông Hammarskjöld luôn luôn tự coi mình như là một nhân vật trung gian của

Liên Hiệp Quốc, một trái độn vô tư, không thiên vị giữa Đông và Tây, giữa Ả Rập và Do Thái. Kết cuộc là, ông đã có những cuộc trao đổi quan điểm thật gay gắt với nhà lãnh đạo Ai Cập Nasser và một nhà ngoại giao Do Thái đã có lần phải nói: « Con người Thụy Điển này thật rất xảo quyệt ». Người Mỹ thì trách ông là đã quá mềm mỏng với Cộng Sản, và Cộng Sản thì lại buộc tội ông đã trắng trợn thân Tây Phương.

Nhưng vì ông Hammarskjöld đã cương quyết trung thành với vai trò của mình là làm một nhà trọng tài vô tư không sợ một áp lực nào nên ông đã được mọi người nhiệt tâm vì nể, kính trọng. Năm 1958, sau một cuộc bỏ phiếu, toàn thể Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã đồng thanh bầu ông làm Tổng thư Ký thêm một nhiệm kỳ nữa. Một trong những người cộng sự với ông đã nói: « Ông được tái cử làm Tổng Thư Ký vì tất cả mọi chính phủ trên thế giới đều tin nhiệm ông. Họ có thể không đồng ý với ông, nhưng họ đều tuyệt đối tin ở lòng ngay thẳng của ông. »

Nói đến cá nhân ông, thì ông

là người rất hợp với cái chức vụ nhiều khi bạc bẽo này. Ông thuộc một gia đình đã được vua Charles IX của Thụy Điển phong làm Hiệp sĩ từ năm 1610 để thưởng cho một công trạng của tổ phụ ông hồi đó. Giòng họ Hammarckjoeld đã nổi tiếng trong chính trường Thụy Điển. Thân phụ ông là Thủ Tướng Thụy Điển hồi Đại Chiến thứ nhất, và người đã tự coi như mình có bổn phận giữ không cho Thụy-Điền bị lôi kéo vào vòng chiến. Ông Dag Hammarckjoeld ngày nay đã thụ hưởng được của thân phụ ông một tinh thần rất cao về kỷ luật và sự tận tâm làm việc.

Ngày nay, mỗi khi bị thế giới chỉ trích điều gì, ông Dag Hammarckjoeld thường hay kể lại một lời nói của thân phụ ông khi xưa. Có lần, trong một cơn khủng hoảng ở Trung Đông, ông đã nói: « Thân phụ tôi vẫn thường bảo rằng trung lập không phải là nói «Có» với cả hai bên, nhưng mà là nói «Không» với tất cả hai bên. » Một lần khác, đề đối phó với một tình trạng căng thẳng khác, ông đã nói: « Thân phụ tôi thường hay bảo rằng một nhà ngoại giao phải có can đảm tỏ ra

mình vừa không biết vừa ngu ngốc ».

Ông cũng thừa hưởng được của thân mẫu ông, một người đàn bà thuộc giòng họ quý phái của Thụy-Điền, cái tính ham chuộng triết-lý, thi văn. Ông bắt đầu sự nghiệp sang chức giảng sư ở Đại Học Đường Stockholm. Nhưng rồi ông nhảy sang ngành công chức, làm thư ký cho nhà Ngân Hàng Thụy-Điền (về sau ông giữ chức Chủ tịch ban Giám Đốc Ngân Hàng), Thứ Trưởng bộ Tài Chánh Thụy-Điền năm 31 tuổi, và sau cùng làm quyền Trưởng Phái Đoàn Thụy-Điền tại Liên-Hiệp-Quốc. Ông được bầu làm Tổng Thư Ký Liên-Hiệp-Quốc năm 1953, một chức vụ ngoại giao mà người ta vẫn bảo là « khó khăn nhất thế giới ».

Khi giữ chức vụ này, ông vẫn thường là thượng khách của các nhân vật nổi tiếng trên thế-giới. Nhưng cứ xét theo lẽ lối sống thích hội họp đông đảo của người Mỹ, thì người ta vẫn bảo ông là một người hết sức cô đơn. Một người đã từng làm việc với ông lâu năm thường nói: « Hiểu được Ông không phải là dễ ». Ông làm việc rất siêng năng tại văn phòng

của ông ở tầng lầu thượng tòa nhà kính vĩ-dại của Liên-Hiệp-Quốc, nhưng cứ khi nào rảnh, ông lại thích lên ra một mình thơ thẩn tại nhà riêng ở đường Park Avenue để dùng cơm một mình và làm việc một mình hoặc là đọc sách. Ông là một người nghiện đọc sách, hiểu được 7 thứ tiếng. Một lần, sau khi đã hoàn thành một công tác ngoại giao khó khăn để giải quyết một tình trạng căng thẳng ở Trung Đông và trên đường về Nữ-Ước, ông đã đề hết thì giờ trong cuộc hành trình để dịch một tác phẩm của Albert Camus, nhà văn Pháp được giải thưởng Nobel, ra tiếng Thụy-Điền.

Các phóng viên báo chí ở Liên-Hiệp-Quốc nói rằng hiểu được ông, nói thật khó quá, vì ông thường hay dùng thứ ngôn-ngữ tốc ký khó hiểu. Cứ mỗi khi cho là thính giả đã hiểu được điểm chính câu chuyện là ông chỉ tiếp thêm: « Văn văn và văn văn ». Tuy nhiên, nhiều khi ông cũng cố ý nói như thế để người ta không khám phá được ý kiến của mình nữa. Một nhân vật Ai-Cập ngưỡng mộ ông đã nói: « Ông là một nhà ngoại giao không hề bao giờ nổi giận, không bao giờ bị phạt lòng,

và nhất là không bao giờ, không bao giờ chịu nói «không» hay «có». »

Hoạt động đáng ghi nhớ nhất của Ông là việc mở lại kinh đào Suez cho việc thông thương quốc tế sau trận tấn công chớp nhoáng hồi năm 1956 của Anh Pháp. Ngay từ khi các đội quân chiếm đóng kinh Suez chưa rút đi, ông Hammarckjoeld đã nhìn thấy trước là Liên Hiệp Quốc rồi sẽ phải can thiệp việc vớt những tàu bè bị đắm nằm trong kinh, và ông biết là tất sẽ phải nhờ đến những quốc gia trung lập. Chính tự ông đã thuyết phục được hai công ty vớt tàu, một của Hòa-Lan, một của Đan-Mạch để sẵn-sàng làm công việc đó. Khi vấn đề kinh Suez được đưa ra trước Đại Hội-Đồng, thì một đội vớt tàu của các nước Bỉ, Đức Ý, Nam Tư, và Thụy-Điền đã sẵn sàng để nhận công việc. Người ta ước lượng chi phí về việc này sẽ lên tới 40 triệu đô-la và phải mất 6 tháng mới làm xong, nhưng thực ra chỉ mất có 5 tháng và phí tổn tất cả là 8.200.000\$ đô-la mà thôi.

Sự thay đổi lớn nhất về vai trò của ông đã nổi bật lên lần đầu

tiên vào cuối năm 1954, khi Liên-Hiệp-Quốc thảo luận về vấn đề 11 phi công Mỹ bị Trung-Cộng cầm tù và bị cáo là làm gián điệp trong trận chiến tranh ở Cao-Ly. Liên-Hiệp-Quốc không tìm được một giải pháp nào mới mẻ, và chỉ biết giao cho ông Tổng Thư Ký để cố gắng làm thế nào đem được những phi công đó về.

Ông Hammarskjöld đã hành động như thường lệ : Ông ngồi một mình suy nghĩ và lý luận về tất cả mọi yếu tố liên hệ. Rồi ông kết luận rằng : gửi một bức thư suông cho Trung-Cộng tất sẽ bị thất bại mà thất bại sẽ là một thiệt hại lớn về uy tín của Liên-Hiệp-Quốc. Muốn thành công, ông thấy cần phải đích thân sang Trung - Cộng du thuyết.

Rồi ông quyết định đi (mặc dầu ông miễn cưỡng) theo như lời ông nói với các bạn hữu. Ý kiến ngoại giao mới mẻ này là cả một sự lạ với bản chất ông, vì như vậy là ông sẽ đặt ra một thông lệ mà rồi những lần khác có thể ông sẽ bị bắt buộc phải làm như thế nữa. Và nếu Trung-Hoa Cộng Sản từ chối không chịu tiếp ông thì sao ?

Nhưng, mọi người đều biết, trong chuyến đi đó, ông đã thành

công rực rỡ. Các phi công bị cầm tù đã được Trung Cộng trả tự do, và cũng do thành công đó mà ông đã phục hồi lại uy tín cho Liên Hiệp Quốc rất nhiều.

Năm 1956, khi Anh Pháp và Do Thái tấn công vào Ai Cập. Liên Hiệp Quốc và Ông đã phải đứng trước một cuộc khủng hoảng lớn lao chưa từng có. Khi hay tin cuộc tấn công xảy ra, ông đã thức trắng một đêm không ngủ vì xúc động. Sáng sớm hôm sau, ông thảo một bài diễn văn đầy ý nghĩa để đọc tại Hội Đồng Bảo An họp ngày hôm đó. Ông tuyên bố rằng một ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc chỉ có thể làm việc được nếu tất cả các quốc gia hội viên thành thực tôn trọng tuyên ngôn của mình là từ bỏ mọi sự sử dụng võ lực để giải quyết các sự tranh chấp và phải tin tưởng nơi sự thương thuyết. Nếu các quốc gia hội viên giữ một lập trường khác, thì ông xin họ cứ « tự tiện hành động theo như ý muốn. » Ý ông muốn đe dọa sẽ từ chức. Các đại biểu vội vàng bỏ phiếu tín nhiệm ông và 2 ngày sau, Đại Hội Đồng ngưng bản mà Hội Đồng vừa quyết định.

Trong những ngày kế tiếp sau đó như trong một cơn ác mộng, ông Hammarskjöld đã phải làm việc suốt ngày đêm để cố thu xếp thực hiện việc đình chiến. Ông cũng tập hợp được một đội quân quốc tế gọi là 'đội Cảnh Bị Liên Hiệp Quốc để tuần tiễu dọc biên thùy Ai Cập — Do Thái và giám sát thỏa hiệp ngưng bắn.

Mặc dầu ông được nổi tiếng vì những thành tích của ông trong các cơn khủng hoảng quốc tế như vậy, nhưng người ta vẫn nói rằng trong số những hoạt động của ông cống hiến cho Liên Hiệp Quốc, phải kể đến hai hội nghị quốc tế về « nguyên tử phụng sự hòa bình » mà ông đã giúp đỡ không ít vào sự triệu tập. Trong những cuộc hội nghị ấy, các khoa học gia của cả hai khối trong và ngoài bức màn sắt đã cộng tác với nhau trong một tình thân hữu rõ rệt và trong hy vọng của tương lai.

Một ý kiến đáng khâm phục mà lại rất thực tế nữa của ông là ý kiến thành lập một tổ chức gọi là Quốc Tế Hình Chánh Sự Vụ. Mặc dầu ông vẫn muốn thấy các nước hậu tiến được giúp đỡ về phương tiện và tài chánh để cải tiến và mở mang, ông vẫn

nhận thấy rằng sự viện trợ tài chánh sẽ bị hoàn toàn phí phạm nếu không được họ quản trị hữu hiệu. Vì thế ông có ý kiến thành lập một tổ hợp các viên chức hành chánh giỏi muốn sống và phục vụ tại các vùng hậu tiến cho đến khi các quốc gia này được huấn luyện đầy đủ để thay thế. Vì sự tiến bộ kinh tế phải tùy thuộc nhiều ở vấn đề « biết làm » cũng như về tài chánh, nên ý kiến này của ông là một điều rất đáng được thực hiện để giúp nâng cao trình độ sinh hoạt trên thế giới.

Khác hẳn với những người khác thường ủng hộ Liên Hiệp Quốc, ông Hammarskjöld là một con người thực tế. Ông không tin rằng thế giới có thể xây dựng được trong đầu hôm sớm mai. Quan niệm của ông về Liên Hiệp Quốc vì về những thành quả đạt được của tổ chức này rất là nhún nhún. Có lần ông đã nói : « Liên Hiệp Quốc giống như một cuộc thí nghiệm còn non nớt về các cuộc điều giải quốc tế. Tuy nhiên ông cho đó là một khả năng tốt nhất được thành hình để cố gắng gạt bỏ những hiểm họa của chiến tranh. Ông nói : « Nếu chúng ta thất bại trong cuộc thí nghiệm này, thì có Trời biết đến bao giờ nhân loại mới lại có dịp để mà thực hiện một công cuộc như thế nữa. »

LOUIS LUMIERE



★
NGƯỜI
ĐÃ
PHÁT
MINH
RA

Cinéma

NHỮNG PHIM ĐẦU-TIÊN

PHIM • *Giờ tan sở của Thợ-Thuyền hãng Lumière.* chớp lần đầu-tiên trước công chúng, tuy chỉ được vốn-vẹn có 35 người xem, (bán được 35 cái vé), nhưng được 35 khán-giả ấy hoan - hô nhiệt-liệt. Thế rồi do lời đồn đãi và tuyên truyền miệng, bắt đầu từ hôm sau, công chúng nô-nức kéo nhau đi coi « *Cinématographe Lumière* » mỗi ngày mỗi đông thêm.

Phim « *Giờ tan sở của thợ - thuyền hãng Lumière* » hơi ngắn, hai anh em ông Lumière quay thêm phim thứ 20/ : *Querelle de bébés* (Trẻ em cãi lộn), 30/ *Le bassin des Tuileries* (Hồ nước của điện Tuileries), 40/ *Le train* (Chuyến xe lửa) 50/ *Le Régiment* (Đoàn lính) 60/ *Le maréchal fer-rant* (Thợ bịt móng ngựa), 70/ *La partie d'écarté* (Sòng bài các-tê) 80/ *Mauvaises herbes* (Cỏ xấu), 90/ *La Mur* (Vách-tường), 10/ *La mer* (Biển), toàn là phim ngắn khôi - hài, để cho khán giả cười chơi.

Mỗi phim ấy dài 16 thước,

chớp được 2 phút. Mỗi buổi chớp liên tiếp 10 phim lâu được 20 phút. Rồi ngưng 10 phút để cho người thợ « máy » nghỉ tay vì máy phải quay tay chứ không phải chạy bằng điện. Trong khi ngưng 10 phút đó thì khán-giả nào đã coi xong phải đi ra để lớp khán-giả mới vào xem. Người mua vé chỉ vào xem được 20 phútthời, hết 10 phim thì đi ra để lớp người khác kể tiếp. Trước cửa rạp, có dán giấy ghi giờ như sau đây :

Buổi sáng, chớp từ 10 giờ đến 11 giờ 30 — (3 xuất mỗi xuất 20 phút và nghỉ 10 phút)

Buổi chiều, từ 2 giờ đến 6 giờ 30.

Buổi tối, từ 8 giờ đến 11 giờ. Như thế, mỗi ngày chớp được 18 xuất, mỗi xuất 20 phút, và phòng rạp chỉ có thể chứa được 120 khán - giả mà thôi. 120 khán-giả này cứ 20 phút lại thay phiên kể tiếp, thế mà suốt ngày người ta phải đứng nối đuôi dài đến các đường phố khác, để chờ

mua cho được một cái vé « Cinématographe Lumière » ! Có điều đáng chú ý là hai anh em ông Lumière không cần làm quảng-cáo cho món nghệ-thuật mới sáng-tạo của mình, và các báo ở Pháp cũng như ở Âu-Mỹ đều tỏ vẻ rất dè-dặt với phát-mình mới tuy nó đã làm xôn-xao dư luận và đã được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh.

Tờ báo *Le Radical*, xuất-bản ở Paris ngày 30-12-1895, (hai hôm sau bữa chớp phim đầu tiên), có viết một bài nhan đề là: *Le Cinématographe, une merveille photographique* (Cinéma, một kỳ-tài của nhiếp-ảnh) Đại-khái như sau đây:

« Chiều hôm qua, ở số 14 Đại-lộ Capucines, có xảy ra một việc phát-mình mới lạ, chắc chắn là một việc mới lạ ly-kỳ nhất của thời-đại chúng ta. Người ta chụp hình các cảnh linh-động, rồi rọi những hình ấy trên một tấm vải trắng căng trên tường, trước mắt ta, to bằng tấm drap trải trên giường nằm. Bất cứ là những cảnh gì, và những đám đông người đang làm gì, đều chụp được cả và chiếu ra rõ-ràng, lớn y nguyên như thật, có cả bóng tối, ánh sáng, trời, mây, phố-phường, gióng hệt như cảnh thực-tế. Đặc-

biệt nhất là cảnh giờ tan sê của thợ-thuyền ở cái hãng phát minh ra máy nọ, y như thật vậy. Chỉ đáng tiếc một điều, là danh-từ *Cinématographe* mà người phát-mình đã đặt ra, nghe nó lủng-cũng làm sao ấy! »

Mặc dầu các nhà báo rất ưa đi coi biểu diễn môn nghệ-thuật có « danh-từ lủng-cũng » ấy, nhưng họ vẫn dè-dặt chưa dám tin rằng đó là một nghệ-thuật huyền-diệu đang hứa hẹn một tương-lai rực rỡ không ngờ.

Mãi 25 năm sau, Pierre Scize mới tuyên-bố: « *Ci-nê-ma mở màn cho một nhân loại hoàn-toàn mới hẳn* ».

Chính hai anh em Auguste và Louis Lumière cũng không tin tưởng triệt để vào sự phát-triển mãnh-liệt của Ci-nê-ma từ thế kỷ XX. Có một nhà báo hoài-nghi hỏi Louis:

— Ông có tin rằng cái nghệ-chụp hình ciné-ma của ông có thể bền được chăng?

Louis Lumière chỉ trả lời:

— Tôi không biết trước được ông ạ. Có thể được 6 tháng, có thể được 1 năm. Hoặc là lâu hơn hoặc là không đến.

Được 6 tháng. Rồi được 1

năm. Rồi mỗi ngày mỗi phát-triển mãi... cho đến ngày 17 tháng 3 năm 1926, Hội-đồng thành phố Paris tổ-chức một buổi lễ long trọng gắn một bảng bằng cẩm-thạch trên mặt tiền căn nhà số 14 Đại-lộ Capucines, khắc mấy giòng chữ vàng sau đây:

« *Ici, le 28 Décembre 1895, eurent lieu les premières projections publiques de photographie animée à l'aide du Cinématographe,*

CINÉMA BÀNH TRƯỞNG KHẮP NƠI NƠI..

Thấy nghệ-thuật ciné có nhiều phát-triển khả-quan, một nhà tư-bản hợp-tác với hai anh em ông Lumière mở ra rạp chớp-bóng thực-thọ đầu tiên, ngày 25-1-1896, tại thành-phố Lyon, số 1, đường Cộng-hòa. Louis Lumière phải một cộng-sự viên đi chụp hình khắp Âu-châu, nhất là các hình thời-sự, để về làm phim. Người phóng-viên trẻ tuổi ấy tên là Promio, rất hăng-hái, thông-minh, và đi đến đâu, anh ta chụp-hình rồi chớp luôn ở đó để công-chúng xem. Anh ta bắt đầu đi Espagne, sang Anh, Belgique, và Suède. Tại

appareil inventé par les frères Lumière.

(Nơi đây, ngày 28 tháng 12 năm 1895, đã chớp lần đầu tiên trước công-chúng những hình ảnh linh-động, nhờ máy ci-nê-ma, do anh em ông Lumière sáng-chế ra)

Hôm gắn tấm bảng kỷ-niệm ấy, thì xi-nê-ma đã được 31 năm. Đến nay nó đã được 66 năm, và người ta cũng chưa biết trước rồi từ đây về sau xi-nê-ma sẽ còn tiến tới đâu nữa!

kinh-đô, Stockholm đang có Hội-chợ Triển-lãm, do Vua xứ Suède khánh-thành. Promio chụp hình buổi khánh thành lúc 11 giờ sáng, thì 7 giờ chiều chớp luôn phim thời sự ấy trong Hội-chợ. Vua Suède ngạc-nhiên và vui thú vô cùng. Xong, chàng qua Allemagne, Italie và chàng đi tới đâu thì mở « Rạp ci-nê-ma » ở đó. Dân-chúng nô nức đi xem đồng nghệt.

Người ta còn ghi lại trong lịch sử ci-nê những ngày sau đây:

Ngày 7-2-1896: ci-nê mở tại London lần đầu tiên.

ĐỜI SỐNG CÁC DANH NHÂN THẾ GIỚI

Ngày 18-2-1896 : ci-nê mở tại Bordeaux

Ngày 29-2-1896 : ci-nê mở tại Bruxelles

Ngày 30-4-1896 : ci-nê mở tại Berlin.

Louis Lumière lại phái người thợ Mesguish đem Ci-nê-ma sang truyền-bá bên Mỹ-quốc. Ngày 18-6-1896 là buổi chớp bóng đầu tiên ở Mỹ, tại rạp hát *The Koster - and Beats Theater*, ở New York được người Mỹ hoan hô nhiệt-liệt. Sau buổi chớp dân-chúng Mỹ vỗ tay dậy rạp, đồng thanh hát bài *la Marseillaise*, Quốc-thiệu Pháp, và công-kênh anh thợ Mesguish lên vai như một vị anh-hùng. Louis Lumière phái thêm 21 người thợ opérateurs sang Mỹ, và đem theo đủ các khí-cụ để mở 3 rạp chớp bóng trong thành phố New York. Kế tiếp các rạp chớp bóng được mở tại Washington, Boston, Philadelphie, Chicago, Saint Louis, Baltimore.

Ở Baltimore, không có phòng nào rộng đủ chứa một công

chúng quá đông-đúc. Vị Linh-mục đã phải cho mượn nhà thờ để làm rạp chớp bóng.

Nhưng, sau đó không lâu, người Mỹ biết rõ được phương pháp xi-nê-ma, liền tự chế tạo ra máy và phim và chỉ 4 tháng sau khi chàng thanh-niên Mesguish đem ci-nê-ma từ Pháp sang, chàng rất dỗi ngạc-nhiên trông thấy tại Broadway đã có những rạp chớp bóng thấp đèn điện sáng trưng với những câu quảng-cáo sau đây :

American Pictures !

America for American !

(Chớp Bóng Mỹ ! Nước Mỹ của người Mỹ)

Ngày 28 tháng 7 năm 1897, Mesguish buồn-bã xuống tàu về Pháp, bí quyết của cinéma đã bị người Mỹ biết được rồi. Buồn cười hơn nữa, là khi vừa chân ướt chân ráo ở Mỹ về chàng lên Paris đã thấy ngay ở góc Đại-lộ Montmartre một rạp xi-nê của Mỹ với quảng cáo: « X; nê Mỹ ! Nhiều cảnh dật gân »

(Kỳ sau hết)



TRUYỆN NGẮN NGOẠI-QUỐC

QUÂN THÙ

★ NIRMAL KUMAR MUSTAPHI

● LƯƠNG-TRỌNG-MINH dịch

MỌI người đang tuân tự giải tán. Riêng Herman vẫn còn đứng sừng-sững giữa đoàn người đã tản mác. Huấn-từ của vị chỉ-huy vẫn còn canh-cánh bên tai chàng :

« Quân đội đã rèn luyện các anh nhằm phụng - sự một mục đích cao-cả là bảo-vệ danh-dự cho Tổ-quốc. Quân đội chờ ở mỗi người các anh chỉ bắn một viên đạn là hạ được một quân thù đảm một lưới lê là trúng ngay tim chúng. Tôi chúc cho mọi người có một cái nhìn chắc-chắn và những bàn tay rắn chắc, vững-vàng ! » Herman lầm-nhầm :
— Mất tinh và tay vững.

Mắt tinh và tay vững ! Rồi chàng nghiêng răng, bước nặng nhọc, lướt giữa rừng cò.

Một buổi chiều thu mát lạnh. Lá vàng rơi lác đác. Herman ngẩn-ngờ nhìn từ đầu trại đến cuối trại của mình — xung quanh cánh đồng bao la — Nơi đây, khói bay nghi-ngút, xa lạ lắm với mái nhà thân mật của Herman, Thế mà bây giờ được lệnh phải ra mặt trận, chàng luyện tiếc kỷ-niệm ấm cúng mà phải ra đi. Chàng tâm sự với những bạn đồng đội cảm-nghĩ chân thành, âu kín tự đáy lòng mình.

— Bạn chỉ có cái luyện - tiếc độc nhất hiện nay là chưa hạ được quân thù. Trong quân-đội, không có chỗ « dặt đứng » cho tình-cảm, Billy nói thế.

Và đồng đội có vẻ đồng ý lắm.

Herman lắm bầm một cách khó chịu như để xin lỗi :

— Đôi lúc, tôi cũng hơi « cảm-tình » nhưng cái đó chỉ phảng-phất, mơ hồ. Rồi chàng tư - lự nhìn đồng - hồ : chỉ còn không đầy 2 giờ nữa thì bắt đầu xuất quân.

Đến giờ chuẩn bị... Herman nói như vậy. Đồng đội theo chàng đến trại lính.

Herman đã sẵn-sàng. Màn đêm buông xuống, chàng cảm thấy xung quanh mọi hoạt động bồn chồn, nóng-nảy.

Chú ý nhìn, chàng nhận ra những chiếc xe vận-tải lờ-mờ ẩn hiện trong màn đêm.

Chàng lấy những bao-tay bằng da và dút tay vào. Herman lùi-dù tiến lại chiếc xe vận - tải và đứng dừng sau những chiếc xe ấy.

Xa xa, rõ thật là xa, những bánh xe rít lên. Giờ xuất - quân đã điếm. Chàng miên-man nghĩ-ngợi như thế.

Rồi Herman tiến đến một chiếc xe đã đầy áp cả lính. Chàng hết sức trông - mong một chuyển đi dễ chịu, rộng - rãi, có thể duỗi thẳng cẳng mà thực tế phũ - phàng trái ngược ; chân tay chàng bị ép sát với nhau.

Herman và đồng đội thấy rằng ở tiền tuyến mọi vật không giống như ở trại. Thật không thể tin được. Những sở-thích cầu - kỳ của đồng - bọn trong thời huấn-luyện, giờ đây đã mâu-thuẫn một cách rất buồn chán.

Chàng thở dài áo-nào.

Sống ở tiền - tuyến rút gọn đến một sự sống thuần túy, đến bản-năng tự-vệ rất cổ-sơ và tàn.

nhãn một cách thú-vật.

Bọn chúng đang dùng một bữa cơm kham - khổ trong một địa-điểm trú-ẩn.

Họ không buồn nói chuyện vì còn hồi tưởng những kỷ - niệm nên thơ, mới-mẻ ở hậu-cứ.

Bỗng có một tiếng rú ghê hồn xé tai, một trái phá nổ. Những thành hầm trú-ẩn rơi xuống đất. Herman tiếp tục ăn trong bóng tối, chàng cảm thấy đồ ăn lẫn lộn đất cát, làm cho chàng lên ruột nhưng chàng cố nuốt, đó là nếp sống hay ít ra, khía cạnh sự sống của tiền-tuyến.

Cơn mưa bom xối-xả vừa dứt. Tiểu đoàn của Herman được lệnh tiến quanh qua nhiều « lô cốt » của địch-quân.

Chúng vẫn tiến. Bất chợt, từ chiến tuyến địch quân, một vòm lửa bùng lên, lan rộng ra, và người ta có thể nom thấy rõ mồn-một mọi cảnh - vật. Những miệng đại-bác địch-quân bắt đầu khạt đạn, dầy sát khí.

« Tả xung hữu đột, đều là đại bác !!

Herman nhớ như đã đọc câu đó ở trong một quyển sách nào đây ? Chàng thăm nghĩ đó không phải là một sự tưởng tượng,

mơ-mộng của thi-sĩ. Billy đi sát bên chàng, vừa nghiêng răng vừa nói :

— Tụi chó-má ! Nếu ông mà thộp được cổ... thì ông... thì ông... ! »

Một viên đạn vô tình trúng ngay bộ ngực của Billy, cắt đứt ngang lòng cảm-thù chan - chứa của chàng.

Nhanh như cắt, Herman quì xuống và sờ thân-thể Billy, không một phản-ứng nào. Trong chớp mắt, chàng cảm thấy sự chết chóc thật là man-rợ, hẳn-học làm sao.

Chàng nghe văng-vẳng bên tai một giọng nói thì-thầm : « không nên bắn một viên đạn mà không hạ được quân thù ! » Chàng bật lên như lò-xo sút chốt và chạy nhào tới. Quanh chàng, nền trời tối sẫm, mênh - mông vô tận điểm vài ngôi sao nhấp-nhánh. Cũng thăm thẳm như nền trời, mặt đất bị tàn phá nham-nhổ vì bom đạn. Herman bò tới. Chốc - chốc, những tạc đạn xé không khí của miệng súng đại bác sáng rực lên, những súng cối nổ liên hồi. Và trong cảnh - tượng hỗn độn đó vang lên những tiếng rú, tiếng kêu thê thảm, tuyệt-vọng !

Hai đầu gối của Herman toát thịt, loài xương mà chàng vẫn không thấy đau. Chàng nằm chỉ cách ổ súng máy địch quân chừng 30 thước.

Chàng bò áp sát lại. Bây giờ, chàng nhắm một bóng đen. Chàng cảm sẵn quả lựu đạn đã rút chốt. Thành linh, tia sáng rực lên, chiếu rõ mọi vật và địch - quân nhả đạn ngay chàng. Một cơn mưa đạn rít lên, liền sau đó, ổ súng máy nổ tung.

Quả lựu đạn đã trúng đích. Đó là chàng hay là địch-quân? Chàng run lên cầm-cập chưa từng thấy.

« Làm tròn bốn phận ! » Herman nghĩ thế ! Và chàng toại nguyện lắm. Chàng dừng lại để dồn nghị-lực. Sau đó một phút, chàng bắt đầu tiến.

Được vài bước, chàng lao-đảo và ngã quỵ xuống một cái hục bị bom tàn phá. Chàng bỏ nhào, mặt chúm xuống bùn. Herman cảm thấy hai đầu gối đau nhói như muốn gãy ra.

Chàng vội nuốt « tiếng kêu đau thương » như muốn thoát ra khỏi cổ họng. Chàng bóp chặt đầu gối để xem thử có bớt đau hay không.

Như có gì làm ướt tay chàng : đầu gối đang chảy máu. Chàng uể-oải dựa vào thành hố.

Đất ướt rơi xuống như máy vét bùn, ướt thủy-lôi.

Một thứ nước bọt mằn-mặn đầy ắp cả miệng. Chàng thấy choáng-váng mặt mày...

Khi tỉnh dậy, trời ửng sáng. Vừa chớp mắt, chàng tự nhủ : phải sờ thử đầu gối !!!

Bị thương nặng, nhức nhối lắm ! Chàng thử đứng dậy nhưng hai bàn chân chỉ hơi cử động được. Chàng tuyệt vọng, muốn khóc.

Chàng thầm nghĩ : « Mối... hôm qua... đây mà !!. Chàng đưa mắt tìm súng. Mũi lưỡi-lê hiện ra trên đầu chàng. Chiếc súng đã rơi trên miệng hố khi chàng bỏ nhào. Vũ khí cách tay chàng độ vài phân.

Không làm gì được hơn. Chàng mở hộp lương-thực - chàng muốn ăn một vài món nhưng vừa nhai miếng đầu chàng ngừng lại.

Chàng nghe một tiếng động mơ-mờ và kéo dài, mỗi lúc một gần. Sau vài giây đồng-hồ, một khuôn mặt hiện ra trên miệng hố. Herman trông thấy chiếc mũ.

Chàng biết rằng đó là quân địch. Tự nhiên, chàng muốn với lấy cây súng, chàng cố gắng đến nỗi quên hẳn đầu gối bị thương.

Chàng té chúm xuống đáy hố với một tiếng kêu thảm thương.

Tỉnh lại, chàng thấy một vẻ mặt lo âu đang nghiêng xuống, đó là khuôn mặt của người tù trên miệng hố dòm xuống khi này.

Chàng thấy rõ và sực nhớ lại. Kẻ thù lấy ra một bình nước và đưa cho chàng uống. Herman nhìn gã sững sốt.

— Vâng ! anh bạn già ơi ! Người địch-quân ôn tồn bảo thế.

Rồi nâng nhẹ đầu Herman bằng cánh tay trái của mình.

Herman nhìn xuống, hai đầu gối chàng đã được băng bó sơ sài bằng những mảnh dẻ vụn.

— Chắc Bạn đau lắm ! Địch-quân hỏi. Herman có thể tin rằng một kẻ thù của chàng nói như vậy không ?

Chàng cố tạo lấy một bộ mặt danh thép và ít thông-cảm, nhưng vô hiệu !

Mắt chàng hoa lên, nhìn đăm đăm kẻ thù, và ứa lệ.

— Chân của bạn như thế này thì nguy lắm. Chúng ta phải đi

tìm Bác-sĩ !

— Làm sao được ? Herman hỏi.

— Chứ anh không thể nói ước chừng trạm cứu-thương của anh ở đâu bay sao ?

Herman tưởng chàng trai này đùa mình. Herman giận-dữ trả nhời :

— Anh chắc biết rõ cái gì sẽ xảy ra cho anh, nếu anh...

— Vâng ! Tôi sẽ bị bắt và có thể bị giết kẻ vừa nói vừa mỉm cười. Nhưng tôi đã làm tròn bổn-phận của tôi.

Herman cảm thấy chàng đã dùng những chữ đó. Chàng vừa nhớ lại và thấy thèn-thẹn.

Kẻ thù với một cử động dứt khoát, quả-quyết, gỡ mũ của mình ra chụp trên lưỡi-lê và giơ súng lên trời.

Trong vài phút chờ đợi, chàng hạ súng xuống. Chàng quăng súng xuống đất, đội mũ lại và siết chặt quai mũ xuống dưới cằm.

— Bạn ơi ! Bây giờ, bạn hãy nói trạm cứu thương của bạn ở đâu ? kẻ thù ôn tồn bảo vậy.

— Anh định làm gì cơ ? Herman nói với vẻ ngạc nhiên.

— Ừ ! bạn cứ nói đi ! Rồi ta sẽ trông thấy... Kẻ thù vừa nói

vừa mỉm cười hiền-hậu.

— Bạn hãy tìm chóp gác chuông nhà thờ phía Bắc, quân-y chúng tôi ở gần đó.

Cẩn thận, cứu-nhân đứng dậy, liếc mắt nhìn quanh để tìm kiếm.

Mất vài phút, chàng mới tìm ra chóp gác chuông nhà thờ.

Quả thật, nhà thờ cách đó một quãng xa mà lại phải vượt qua chiến-tuyến địch.

Cứu-nhân quỳ xuống bên Herman :

— Chắc bạn sẽ bị đau lắm, nhưng không còn cách nào hơn được !

Kẻ thù nâng nhẹ Herman lên và để chàng nhẹ-nhẹ trên miệng hổ. Đoạn anh ta cũng nhảy lên và nằm sát bên Herman :

— Bây giờ, Bạn hãy chằm chằm trườn lên lưng tôi và nằm ngay trên đó !

Màng nặng Herman trên lưng, kẻ thù bò về phía nhà thờ xa-xăm.

Chàng tiến tới... lâu lắm ; đã là gối, rách bàn tay, xé mặt.

Chàng chảy máu nhiều, Herman cũng thế.

Kẻ thù âm thầm chịu đựng đau nhức nhưng chàng cảm thấy vô cùng sung-sướng.

Khi bò gần đến gò mả, chàng chằm chằm lẫn xuống đất.

Kẻ thù của Herman, ngồi dậy tươi-tĩnh mặc dầu máu và bùn bết đầy mặt, thân-thể. Herman có cảm-giác là mình biết rằng thế nào là một Thiên-thần.

Nhưng nỗi đau xé ruột của chàng không thể chịu đựng vì máu đỏ thấm cả dề băng.

Herman cố-gắng trả lời bằng một nụ cười TRI-ÂN nhưng chàng vịn mình dưới một cơn đau dữ dội. Rồi... chàng ngất đi.

Khi tỉnh lại, thấy vài người bu xung quanh anh ta. Chàng không còn nhớ gì nữa.

Herman mệt nhọc, cố gắng tập trung tư-trởng và chợt hỏi :

— Nào chàng trai kia ?

— Thôi đừng để ý đến hắn làm chi, suýt nữa... nhưng nay người ta đến kịp và người ta đã « THANH-TOÁN » nó rồi !. Một thằng « chó má » dám to gan đến rình xung quanh Bệnh-Viện của chúng ta.

Herman cảm thấy trống-rỗng Quay mặt đi, chàng muốn khóc thét lên nhưng không làm sao khóc được. Mắt chàng ngó lên chóp gác chuông nhà thờ. Và... chóp gác chuông nhà thờ bị phá hoại phần nửa chói lên trong ánh-nắng huy-hoàng.



MÌNH ơi, xứ Congo là xứ nào ở đâu, hả mình ? Hồi em học trường Gia-long trong chương trình Địa-dư mấy cô giáo không có dạy, sao bây giờ ngày nào các báo cũng nói tới ? Giặc gì ở đó mà cứ giặc hoai vậy ? Ai đánh ai ? Tại sao đánh ? Mà sao lại có Liên-Hiệp-Quốc đem quân tới đó nữa ? Đọc tin thời sự Công-gô trong các báo từ mấy tháng nay, mà em cứ mù tịt chẳng hiểu gì về Công-gô cả !

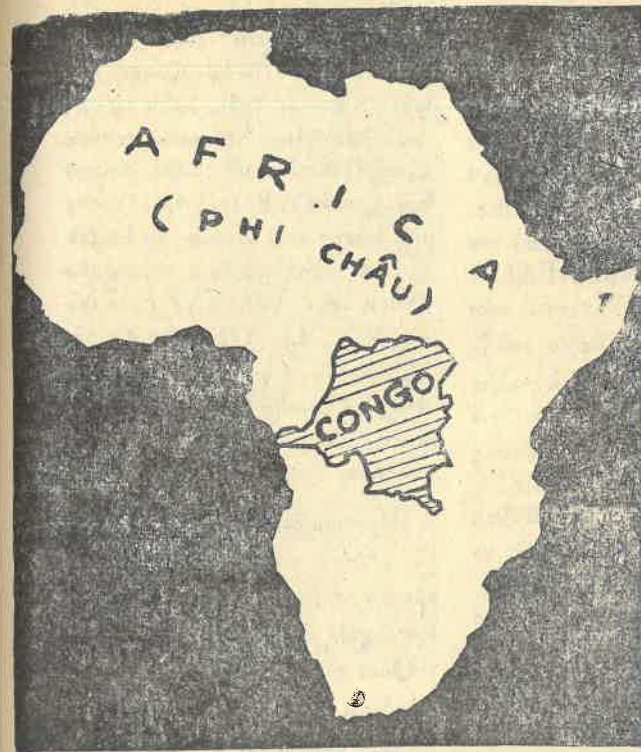
— Em không biết xứ ấy ở đâu, là tại hồi còn đi học em lười biếng không có học rồi đổ thừa cho các cô giáo không dạy ! Trong chương-trình Địa-lý ở Đệ-nhất-cấp phải có ghi xứ Congo chứ không có sao được ? Congo là một xứ rộng lớn, đâu phải nhỏ.

— Vậy mà em cứ tưởng là một hòn cù-lao của tụi Mọi da-đen ăn thịt người.

— Đúng là quê-hương của nhiều giống Mọi da-đen mà có một số trên ba triệu ở rừng-rú thích ăn thịt người. Nhưng là một xứ lớn của lục-địa Phi-Châu, rộng đến 2 triệu 385000 kilômét vuông, rộng hơn 7 lần nước Việt-Nam ta, tuy dân-số chỉ có 14 triệu người,

— Một quốc-gia độc-lập như Việt-Nam ? Có từ hồi nào ?

— Từ giữa thế-kỷ XIX trở về trước trên Thế-giới không ai biết đến xứ Congo. Các nhà Địa-lý học Âu-Mỹ chỉ biết có một con sông lớn, tên là sông Congo, có rất nhiều thác rất nguy hiểm, chảy qua một vùng rừng núi hoang-vu, bao-la bát-ngát, ở miền nhiệt-đới, giữa Africa (Phi-Châu). Người ta chỉ biết vậy thôi, chứ chưa có người nào dám mạo hiểm đến đó, vì sông hồ thì đầy những cá sấu, rừng núi sâu rậm là nơi cư-trú của rất nhiều các bộ-lạc mọi-rợ, hoàn-toàn dã-man, hầu hết là những giống dân ăn thịt người. Sông Congo dài đến 4650 kilômét (Sông Cửu-Long dài 4500 km.) bắt nguồn từ trong tim sâu của châu Phi, chảy ào-ạt ra Đại-Tây Dương với một cửa biển rộng 13 kilômét, cứ mỗi giây đồng hồ trút xuống bể 80.000 mét khối nước. Từ các thế kỷ XVII, XVIII, các nhà thám hiểm Tây Âu đã khám-phá và khai-thác nhiều đất-đai của Châu Phi nhưng chưa ai dám dò-dẫm đến sông Congo, chúa tể của vùng nhiệt-đới man-rợ mà các giống người ăn lông ở lỗ còn sống như thời kỳ Đá mài. Mãi đến năm 1875 một ông Nhà báo nước Anh,



chấn là phải bỏ mạng ở đây cả mười. Stanley không nản-chí, viết thư đề nghị với hai nhà Báo triệu phú ở Mỹ, báo NEW YORK HERALD và báo DAILY TELEGRAPH chịu tiền phí tổn cho ông đi làm một cuộc phóng-sự điều-tra tại một vùng mà từ xưa chưa có ai đặt chân đến. Hai nhà báo Mỹ nhận lời và cuộc

tên là John Stanley, vừa là một người thích đi du lịch các nơi xa lạ, lại có óc thám-hiểm, muốn tổ chức một cuộc hành trình trên sông Congo, tiến sâu vào nội-địa để khám-phá các nơi hoang-dã ấy. Ông không có tiền và ở Âu châu không ai dám bỏ tiền ra để ủng hộ một cuộc mạo-hiểm nguy nan như thế mà mười phần chắc

du - lịch thám hiểm của STANLEY đã khởi từ năm 1875, suốt hai năm ròng-rã, đầy những hiểm trở kinh-khủng, bao nhiêu lần suýt chết, cho đến 1877. STANLEY đã thành-công rất vẻ-vang và đã công bố cho thế-giới văn-minh biết vô-số những tài-liệu ích-lợi về địa-dư và khả-năng khai thác những tài

nguyên bắt tận của các vùng đất đai sông Congo. Năm 1878 STANLEY xuất bản quyển *Through the Dark Continent*, (*Khấp qua Hắc-Địa*). Hiện nay trên sông Congo có một thác nước lớn nhất mà người ta đặt tên là STANLEY-FALLS (Thác STANLEY) và một thành phố lớn ở Congo tên là STANLEYVILLE, để kỷ-niệm cuộc thám hiểm đầu tiên của Stanley và để ghi ơn ông. Nhưng có điều bất ngờ của lịch-sử, là Stanley, người dân của nước Anh được hai nhà Báo Mỹ bỏ tiền ra cho đi khám phá sông Congo, mà rốt cuộc người được thế giới công-nhận là chúa-tể của xứ Congo lại là Vua nước Belgique (Bỉ) !

— Sao lạ vậy, Minh ?

— Bởi vì Quốc-vương nước Belgique lúc bấy giờ, tên là LÉOPOLD II, là một nhà chính trị khôn-ngoan, và sáng-suốt, Vừa sau khi Stanley thám-hiểm Congo trở về Âu-châu, vua Léopold II thấy Congo là một vùng đất rộng lớn chưa ai khai-thác, liền lập ra một cơ-quan, gọi là « Ủy ban nghiên cứu Congo », dưới

quyền điều-khiển của Vua, và phái Stanley trở lại Congo với một phái đoàn thám-hiểm người Bỉ, để thiết-lập một cơ-sở chính trị tại Congo, trực thuộc Hoàng Gia Belgique. Phái-đoàn này thu phục được một số dân các bộ lạc mọi và thành lập một tiểu quốc lấy tên là *ETAT INDÉPENDANT DU CONGO* (Quốc-gia độc-lập Congo), mà thuộc riêng về *Hoàng-triều Cương-thổ của vua Belgique (Domaine de la Couronne Belge)*.

Bảy năm sau, năm 1884, theo lời yêu-cầu của Vua Léopold II, các nước Mỹ, Pháp, Đức, Anh Portugal, Espagne, nhìn-nhận « Quốc-gia Độc-lập Congo » là một lãnh thổ riêng của Vua Belgique, Léopold II. Năm 1908, trước Quốc - Hội Belgique, Vua Léopold tuyên-bổ tặng đất Congo cho nhân dân Belgique. Ngày 18 - 10 - 1908 quốc - gia độc - lập Congo, Hoàng-triều Cương-thổ của Vua Léopold II, được chính-thức đổi làm Thuộc địa của xứ Belgique và sửa tên lại là « CONGO BELGE ». Theo trào lưu chung của các thuộc-địa Á,

Phi từ sau Đệ-nhi thế chiến, mặc dầu ở Congo không có cuộc khởi - nghĩa đấu - tranh bằng súng-đạn, ngày 1-7-1960 Congo được giải-thoát khỏi chế - độ thuộc địa, và đ ợ c chính - thức trở thành một nước Cộng - hòa



● KASAVUBU

độc-lập. Tổng-thống là Joseph KASAVUBU, nguyên trước kia là một linh-mục da đen của Đạo Gia-tô, sau bỏ đạo Gia-tô theo đạo Tin-lành. Thủ-tướng là Patrice LUMUMBA, lúc nhỏ theo học các Cha của Đạo Gia-tô, nhưng sau lại ghét Đạo và bỏ Đạo, rồi làm công-chức Bưu-điện tại Stanleyville. Về học-lực,

Kasavubu cũng như Lumumba đều chưa có cấp bằng Trung-học.

Ở Congo, trình-độ văn minh của dân-chúng còn quá thấp, nên Kasavubu và Lumumba được coi là những bậc trí-thức thượng-lưu, và được dân-chúng cử lên hai chức-vị Tổng-Thống và Thủ - Tướng của nước Cộng - Hòa mới thành lập. Tuy là hoàn-toàn độc-lập, nhưng trong Hiệp-ước thân-thiện ký với nước Belgique, chính Tổng-Thống và Thủ-Tướng Cộng-Hòa Congo đã yêu



● PATRICE LUMUMBA

cầu Trung-Tướng Bỉ là Janssens ở lại làm Tổng-tư-lệnh Quân-Đội Cộng-Hòa Congo, để huấn-luyện và tổ-chức Quân-đội cho họ.

Vua *Baudouin* của Belgique thân-hành sang Congo để chính thức tuyên-bố Congo độc-lập, và được dân chúng nhiệt-liệt hoan-hô nhà Vua. Lễ ăn mừng Độc-lập được Tổng-Thống Ksavubu và Thủ-tướng Lumumba cho tổ-chức suốt một tuần lễ. Các dân bộ-lạc các nơi tụ-hợp về các thành-phố lớn để ăn mừng, ôm nhau nhảy múa khắp các nẻo đường, chung-quanh các đồng lửa cháy phừng phực ngày đêm, tiếng trống da cá sấu và da bò rừng với tiếng phèng la inh òi vang dậy cả sông núi nước Cộng - Hòa Congo. Vua Baudouin hân-diện vui mừng trở về Belgique, mặc dù nhà Vua bị một người dân Congo, một viên công chức nhỏ, dợt cắp chiếc gươm quý-báu của Ngài (để làm kỷ-niệm), chiếc gươm mà ngài đang đeo bên hông trong lúc đi duyệt đoàn quân danh-dự của Cộng-hòa Congo đón chào ngài. Vua Baudouin vừa đi về xong, lễ ăn

mừng Độc-lập còn đang rộn-rịp thì bỗng dừng, ngày 7-7-1960, binh-sĩ Cộng-hòa ở trại Thysville nổi lên làm loạn. Họ đòi chính-phủ Cộng-hòa tăng lương, và đuổi tướng Tổng-tư-lệnh Yanssens cùng các sĩ-quan của người Bỉ, để quân-đội Cộng-hòa hoàn-toàn do sĩ quan Cộng-hòa chỉ-huy. Các viên cai đội của họ tự lên làm Thiếu-Úy Trung-Úy, các viên Thiếu-Úy Trung-Úy lên làm Trung-Tá Đại-Tá. Một thiếu-tá lên làm Trung-Tướng Tổng-Tư-Lệnh. Chính Phủ Cộng-Hòa chưa quyết-định và mặc dầu Tướng Yansseno từ-chức, quân-đội Cộng-Hòa Congo cũng nổi lên làm loạn, và ủa ra các phố, bắn giết những kiều-dân ngoại-quốc, đốt nhà, cướp của, hãm hiếp đàn-bà da trắng, nhất là những người Bỉ. Cuộc đổ máu bắt đầu từ đây. Vì các vụ nổi loạn bất ngờ này mà Liên-Hiệp-Quốc phải can-thiệp. Muốn giữ địa-vị, Thủ-tướng Lumumba liền theo khuyến-hướng của Quân-đội, kêu gào đuổi hết người Bỉ và người da trắng ra khỏi xứ Congo. Nhưng ngày 13-7-1960 tại tỉnh

KATANGA (ở miền đông Congo) một viên Thư-ký kế toán giúp việc cho các hãng kỹ-nghệ của người Bỉ, tên là TSHOMBÉ nhiệt-liệt đã kích Lumumba, tuyên-bố tách ra khỏi Congo, thành-lập Chánh-phủ độc-lập KATANGA với thủ-đô ELISABETHVILLE. Kế tiếp, tỉnh KASAI cũng tuyên-bố độc-lập, với thủ-đô LULUABOURG và Tổng-thống KALONDJI. Toàn thể xứ Cộng-hòa Congo có 6 tỉnh, hiện nay mỗi tỉnh đều tuyên-bố độc-lập riêng và mỗi tỉnh có một Chính-phủ riêng, với một Tổng - thống riêng. Nghĩa là nước Cộng-Hòa Congo hiện có 6 Chính-phủ và 6 Tổng-Thống!

— Thế thì Chính-phủ Trung-Uơng ở đâu?

— Chính-phủ Trung - Uơng ở tỉnh LÉOPOLDVILLE, với thủ-đô LÉOPOLDVILLE, Tổng-Thống Kasavubu.

— Còn Lumumba?

— Thủ-tướng Lumumba bị lính của Chính-phủ Léopoldville bắt hồi cuối năm 1960, đem giam tại tỉnh Katanga, rồi bị thủ-tiêu hồi đầu năm 1961 vừa xong.

— Tại sao họ lập ra nhiều Chính-phủ làm chi thế, hả Minh?

— Nguyên do chính, là tại vì xứ Congo có 120 Bộ - Lạc Mọi khác nhau, và từ hồi xưa, trước khi Belgique đến mở mang khai-thác, các bộ-lạc ấy đã chuyên-môn đánh giặc lẫn nhau và thù-dịch lẫn nhau rồi. Như hiện nay Bộ-lạc *Balubas* đang quyết sống chết với Bộ-lạc *Lulus* và nội chiến do đó mà kéo dài mãi đến nay chưa chấm dứt. Đã thế, các nước ngoài lại lợi dụng tình thế Congo mà mua chuộc phe đảng. Nga và Mỹ đã âm-thầm, — nhiều khi công khai ủng-hộ các nhân vật thù địch nhau, để gây ảnh hưởng. Liên-Hiệp-Quốc cũng ngầm-ngấm chia ra hai ba phe: phe theo Mỹ, phe theo Nga, phe trung-lập. Ông Dag Hammerskjold, Tổng-thư-ký L.H.Q. đã cố gắng theo chính sách trung-lập, để giải-quyết vấn-đề nội-loạn Congo, nhưng chỉ thụ-hoạch được một vài kết-quả tạm thời mà thôi. Phe Mỹ và phe Trung-lập nhiệt-liệt ủng-hộ ông, nhưng phe Nga thì nhiệt-liệt công kích và tìm đủ các thủ-đoạn để gạt ông ra ngoài.



DAG. HAMMERSKJÖELD

— Mình à, thế tại sao chính người Congo lại không đoàn-kết với nhau để tránh nội loạn và để xây dựng, mà lại chia xẻ ra sáu bảy chính-phủ để người ngoại-quốc xen vào gây thêm rối loạn?

— Thì lúc này anh đã nói với em rằng trình-độ văn-minh của dân Congo hãy còn thấp kém cho nên người ngoại-quốc mới lợi dụng được tình thế mà xui-giục nội-loạn. Em nghĩ coi : một nước Cộng-Hòa Congo, Dân số được trên 14 triệu người (Đông hơn dân số Cộng-Hòa Việt-Nam), mà không có được 1 giáo-sư, 1 luật-sư, 1 kỹ-sư, 1 bác-sĩ, 1 kiến trúc-sư, thì lấy gì mà xây dựng ? Xây-dựng với ai ? Năm 1954, trường Đại-học duy-nhất của Congo ở Lovanium mới mở cửa, chỉ có 11 sinh-viên Congo ghi tên nhập học, trong số đó chỉ có 2 sinh-viên y-học. 2 sinh-viên này sang mùa hè năm 1961 sẽ thành bác sĩ, là 2 vị bác sĩ đầu tiên của Congo, thì hai chàng đã bị chết trong cuộc nổ-súng ở Léopoldville hồi tháng 7-1960. Còn 9 sinh-viên khác học về kỹ-sư mỏ, và Luật-học thì không có giáo-sư dạy, (vì giáo-sư ngoại quốc bị quân lính Congo đuổi đi hết, vợ các Giáo-

sư thì bị dân chúng hãm hiếp, và có lẽ bắt ănthịt !) 9 cậu sinh-viên kia đành phải bỏ học, bây giờ được bổ làm Đại-Sứ và Lãnh sự ở các nơi và đại-diện cho Cộng-hòa Congo tại Liên-hiệp-quốc. Tổng-Thống Kasavubu (vị linh mục Tin-lành) không có người để lập chánh phủ, phải đánh điện tín gọi hết thảy 12 sinh-viên Congo du-học ở Belgique về làm 12 ông Bộ-trưởng !

Tất cả nhân viên chính-phủ Congo hiện nay, kể cả bà con, anh em, bạn bè, mới học chút ít, của các nhân vật cao-cấp, được đem vào làm Đồng lý văn-phòng, Tổng Giám-Đốc, chủ-sự v.v... gom-góp hết lại chỉ được 1500 người ! Lương trung bình của mỗi Bộ trưởng, hoặc Đồng lý văn phòng, Tổng giám Đốc... là 80.000 N. F., và tất cả đều có mỗi người một chiếc xe hơi Mỹ với một tài-xế thật keng, đeo đủ thứ mẽ-day tòn-ten trước ngực !

Bà Tú cười :

— Em muốn sang Congo quá; Mình ơi !

— Tại sao ?

— Em sang nhập-tịch dân Congo, chắc em cũng sẽ được làm Tổng-Thống !

— Ủ thì em muốn làm Tổng-Thống, cứ qua Congo mà làm, khỏi tranh-giành với ai !

— Mình cho phép em đi không ?

— Cho.

Bà Tú cười ha-hả, khoái-chí lắm :

— Thế thì bây giờ em đi nấu hai chén chè đậu xanh để đãi Mình đã nhé ?

— Hoàn-hồ bà Tổng-Thống Ka-Sa-Vu-Bu !

Điều Huyền



★ DANH NGÔN

Muốn nói điều gì phải nói, lúc nào phải nói, thì tốt hơn là đừng có lúc nào nói cả.

(Pour dire ce qu'il faut dire au moment où il faut le dire, le mieux est de rester presque tout le temps sans rien dire).

J. R.



(Tiếp theo P.T. 51)

MATISI vội vàng mang bức thư tới trình ông Đại-sứ. Ông này vội trải tấm bản đồ nước Roumanie trên bàn rồi hỏi miền Isvor thuộc nơi nào. Ông Đại-sứ cho hay hiện giờ quân Nga đang ở phía bắc miền Moldavie, trận tuyến chạy dài qua miền Isvor, dân chúng phải tản cư trước là đúng. Matisi nghĩ tới cha mẹ, chị gái, em gái,

TRUYỆN DÀI NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN 4 KỶ ĐĂNG HẾT



Người lữ hành C Ô Đ O C (l'homme qui voyagea seul)

Constant-Vicgil Gheorghiu

★ HOÀNG-THẮNG lược-dịch

em trai đang thất thểu trên con đường vô-dịnh với chiếc xe bò dựng đồ đạc, rồi anh lại nghĩ tới toán người Nga di-cư trên những cánh đồng cỏ khô cháy miền Ukraine.

Matisi bèn nhờ ông Đại-sứ giúp cách tìm cho được nơi ở hiện tại của cha mẹ anh. Ông Đại-sứ liền đánh điện tín về Bucarest. Ông ta hứa chỉ trong vòng vài hôm anh sẽ biết được tin.

NGƯỜI LỮ HÀNH CÔ ĐỘC

Traian trở về phòng làm việc. Nhìn đồng thư từ trên bàn: thiệp mời của Sứ-quán Finlande, một thư yêu cầu được dịch cuốn sách nói về đời sống dưới tàu ngầm ra tiếng Tiệp-khắc, một thiệp mời dự đại-nhạc hội, Traian chán nản gạt bỏ. Anh thẩn thờ bước ra phố nhưng rồi quay trở lại. Anh muốn gọi điện thoại về nước nhưng đường dây đã bị cắt vì bom đạn.

Chờ mấy hôm không thấy tin trả lời, Traian xin phép nghỉ để về nước tìm gia-đình. Thấy anh định lấy xe hơi để đi, ông Đại-sứ khuyên anh nên đi bằng xe lửa. «Ngoài Zagreb, chỗ nào cũng có du-kích của Tito. Chúng sẽ bắt anh nếu anh đi bằng xe hơi». Traian không chịu nghe lời. Theo anh, có đi xe hơi mới dễ tìm được gia-đình. Anh từ biệt ông đại-sứ để về nhà sửa soạn đi vào lúc ba giờ sáng.

Lúc này quân Nga đã chiếm đóng một phần lớn nước Roumanie rồi, cả miền Isvor, miền Bessarabie cũng thuộc ách Cộng-Sản. Có chuông điện - thoại reo. Traian được ông Đại-sứ cho hay nước Roumanie đã đầu hàng, nhà vua đã hiệp tác với nước Nga. Ông còn

khuyên Traian sửa soạn mọi thứ cần dùng để chờ chính phủ Croatie bắt vì từ giờ phút này, chính phủ hoàng gia Roumanie đã tuyên chiến với nước Đức và khối Trục.

Traian trở lại sứ-quán. Theo lệnh Đại-sứ anh đốt hết những giấy tờ. Vào khoảng nửa đêm cô Borislava rời cô Hedwiga cùng tới. Hai cô nghe đài phát thanh nên biết tin nước Roumanie đầu hàng nước Nga. Hai cô giúp Traian đốt giấy tờ. Anh chỉ còn giữ lại những bài thơ của riêng anh mà thôi. Nhìn đồng giầy ngàn ngụt cháy trong lò, Traian nghĩ tới nước nhà cũng đang ngàn ngụt cháy, Anh khóc nức nở, hai cô gái cũng khóc theo khi nghĩ tới nước Roumanie sống hải hùng dưới ách thống-trị của Cộng sản.

Khi trở về nhà, Traian thấy bạn anh, Jugo Oswaldini, giám-đốc nghi-lễ của bộ ngoại - giao, từ Croatie cùng vợ đang đứng chờ anh.

— Bắt đầu từ hôm nay, nước Roumanie đã ở trong tình trạng chiến tranh với xứ Croatie, nhưng chúng ta vẫn là bạn, Hugo Oswaldini nói.

— Chúng tôi tới đây giúp anh để dọn dẹp đồ đạc, bà Oswaldini

nói thêm. Anh phải thu xếp ngay đi. Phái đoàn ngoại giao nước Roumanie sẽ bị giam giữ vào hồi sớm mai không chừng.

Traian mở máy thu thanh nghe. Ngay lúc này, vua Roumanie đang tuyên bố biết ơn nước Nga, rồi tới ông Juliu Maniu một nhà chính trị có tiếng tăm cũng tuyên bố cảm ơn bọn Xô-viết. Traian vội tắt máy. Anh cảm thấy lúc này anh cô-độc hơn bao giờ hết.

— Hãy can đảm lên anh Traian, Hugo Oswaldini nói, rồi mai đây bọn Xô-viết sẽ tới chiếm đóng nước Nam-trư chúng tôi. Nhờ vũ-khí của nước Mỹ, bọn chúng sẽ tràn tới đây và tràn khắp mọi nơi. Lúc đó tới bọn chúng tôi cũng theo gót cuộc đày ải của anh.

DẤ bốn năm trôi qua từ khi Traian rời khỏi Zagreb. Traian bước xuống ga Kronberg, gần Francfort-sur-le-Main cốt tìm nhà người đại diện tòa thánh Vatican. Lúc này anh đề râu, vẫn chiếc kính cận nhưng mắt đã võ. Traian mặc bộ quần áo nhà binh của quân đội Mỹ. Lúc này anh có thói quen khi bước anh kéo lê đôi giày. Hồi bị giam anh phải đi giày không có giày buộc nên bắt buộc

phải kéo lê để khỏi bị tuột, giờ dù giày đã được buộc kỹ càng anh cũng không bỏ được thói quen đó. Lúc này Traian nói rất thạo tiếng Đức.

Nơi vườn nhà Ông đại-diện tòa thánh, Traian thấy có chiếc xe hơi nhỏ của Mỹ. Hồi ở trong nhà giam, Traian thường nhận được những món quà tặng do ông Đại-diện Octavian Barlea mang tới bằng chiếc xe nhỏ này. Khi gặp Ông Octavian Barlea anh cho Ông ta hay anh mới ở nhà tù ra. Anh cảm ơn ông về những tặng phẩm mà anh được nhận do ông mang tới cho các tù binh. Anh còn cho hay anh đang viết dở cuốn sách mô tả một người tiếp xúc với phương Tây, đặt tên là *Giờ hiện tại*. Cuốn sách dày 1.200 trang. Anh yêu cầu đức cha Barlea giúp anh sự ăn uống trong lúc anh hoàn tất cuốn sách.

DỰC sự giúp đỡ của đức cha Octavian Barlea, Matisi sốt sắng viết không kể ngày đêm. Sau mười hôm, viết Traian chợt nhận thấy mắt mình mờ hẳn đi. Trường một quá độ nên mắt mới thế anh vội đi ngủ nhưng sáng hôm sau trở dậy anh vẫn như

chấy có đám sương mù ẩn hiện trước mặt. Nhìn trong gương anh thấy nơi con mắt có những đốm đỏ như máu nhưng không phải máu. Nó như những sợi thịt đang che kín con người anh. Traian hoảng sợ vội tới bác sỹ thử mắt.

Cuộc giải phẫu được thực hành ngay. Khi Traian ra về, bác sỹ khuyên anh nên ăn thật nhiều cà-rốt, ông hiểu anh trước là tù binh, vì bị ăn uống thiếu thốn không đủ chất sinh tố nên mắt anh mới xảy ra thế.

Ngay chiều hôm đó, Traian rời khỏi Heidelberg để tới làng Sekenheim. Anh mang theo đường, bột cacao, cà-phê và thuốc lá Mỹ (nhưng món này của đức cha Barlea cho anh) để xin đổi lấy cà-rốt.

Lúc ở nhà, khi làm việc, anh vừa ăn cà-rốt vừa viết tiếp tập *Roman de l'heure présente*.

Cứ hai lần trong tuần lễ, anh tới làng Sekenheim để đổi lấy cà-rốt, ba lần một tuần anh tới bác-sĩ chữa mắt. Sau khi cô y tá tuyên bố mắt anh đã khỏi hẳn, anh thở dài nhẹ nhõm nhưng dù sao, mỗi khi màn đêm rủ xuống, trong bóng tối, anh không nhìn rõ được mọi vật.

Khi viết xong, Traian viết thư cho một người bạn làm báo ở Vienne dịch cuốn *Roman de l'heure présente* ra tiếng Đức. Nếu in tiếng Roumanie, không có một người Âu-châu miền Tây nào đọc hết, phải in bằng tiếng Đức, nhưng Traian không biết làm cách nào để gửi đi được tập bản thảo của anh. Nếu nhà cầm quyền chiếm đóng bắt được anh sẽ bị tù. Đang nghĩ cách thì có tiếng gõ cửa. Không có ai đến nhà anh bao giờ. Traian vừa ngạc nhiên, vừa lo ngại. Đó là một đồng bào của anh. Chắc có chuyện gì nên hẳn mới tới. Hẳn nhìn chăm chú tập bản thảo của anh rồi nói : « Tôi làm việc cho C.I.C ». Traian biết ngay hẳn làm ở ban mật-vụ của quân đội chiếm đóng Mỹ-quốc tại Đức. Hẳn cho hay có người bảo anh viết cuốn sách chống Mỹ-quốc. Traian vội cải chính nhưng hẳn xua tay nói tiếp :

— Mặc dầu anh có viết để chống hay không điều đó không quan trọng. Việc làm của anh cũng không quan trọng. Điều quan trọng là có người tố cáo anh. Ban C.I.C. phải giữ anh để tìm hiểu. Cuốn sách của anh dày độ 400 trang hả ? Muốn dịch xong

400 trang cũng mất tới một năm. Trong thời gian đó thì anh hãy nằm tạm trong tù đã. Nếu họ nhận thấy không có gì cả, anh sẽ được tha, còn như anh chống đối ư, anh sẽ bị xử theo luật. Tôi đến báo trước cho anh hay anh sẽ bị bắt hoặc hôm nay, hoặc ngày mai. Và anh có biết tại sao tôi cho anh hay không? Vì anh đã từng ở tù lâu rồi, nếu bây giờ mà lại ở nữa thì thiệt khổ. Anh cũng biết những nhà tù của Mỹ chứ...

— Nếu vậy tôi phải làm gì bây giờ, Traian hỏi.

— Anh phải trốn ngay lập tức.

Trước mắt Matisi như hiện ra một con đường mới, dài vô-tận, không có đích. Dù là tù nhân của Mỹ, anh cũng không được miễn trừ di-chuyển. Hồi bị tù, anh đã bị chuyển tới hai mươi trại giam khắp vùng Tây Đức.

— Tôi không biết tôi phải đi tới đâu, tôi cũng chẳng muốn đi đâu cả. Tôi chẳng có giấy tờ gì, không cả tiền, hỏi đi đâu bây giờ.

Matisi chợt nghĩ tới người Nga ở thành Sébastopol vì không muốn đi nữa, đã tự chết cùng với đồn binh nổ tan bởi mìn của quân Đức phá hủy.

— Anh phải trốn ngay nếu không xe jeep của họ sẽ đến lối, anh đi.

Traian vội mang tập bản thảo tới nhà đức cha Octavia Barle^a anh gửi ông tập bản thảo cùng nhờ ông chuyển hộ tới cho người bạn ở thành Vienne. Anh cũng cho ông hay anh sẽ sang Pháp ở.

Khi Traian Matisi đi rồi, cũng từ ngày đó, đức cha Barle không hề nghe nói tới anh nữa.

MỘ T ngày Matisi xuất hiện. Trong anh khác hẳn,

quần áo lịch-sự, Anh cùng người bạn Pháp, tên Robert tới dự cuộc diễn thuyết. 4.000 thính giả chờ đợi anh tới một cách nồng-nhiệt. Traian vẫn có cố tật là kéo lê đôi giày. Rất nhiều phóng viên, nhiếp ảnh viên Pháp và ngoại-quốc chờ-đợi anh tới để phỏng vấn, chụp hình đăng báo.

Từ khi cuốn phim *Roman de l'heure présente* xuất hiện, mọi giới đều hâm mộ tài anh.

Khi Traian ra mắt chào thính-giả, từng tràng pháo tay vỗ liên hồi để chào mừng anh. Anh nghĩ nếu cha anh được chính mắt trông thấy cảnh này thì người vui mừng biết mấy...

Sau đó, Traian lại tiếp-tục viết cuốn *Deuxième point de vue*. Công việc kéo dài trong ba năm. Khi cầm cuốn sách mới trong tay do người đưa thư mang tới, Traian tự nhủ: « Bây giờ ta phải nghỉ mới được. Lần đầu tiên trong đời ta, ta phải nghỉ ».

Ngay lúc đó có tiếng điện thoại reo vang.

— Matisi, có một việc rất quan trọng, anh phải tới tôi ngay lập tức, lời nhà Đại văn-hào.

TRAIAN bình thần đi tới nhà Đại văn-hào tận xóm La-tinh.

— Tôi tìm anh vì tôi muốn hỏi anh một chuyện rất quan hệ, giọng nhà Đại văn-hào run rẩy khi nói với Traian.

Tự nhiên Traian thấy thương hại ông ta khi ông mất bình tĩnh. Nhà Đại văn-hào này chưa hề ở trong tù lần nào nên ông ta không giữ được bình-tĩnh. Chỉ có những người đã từng mất tự-do mới quen bình thần trước mọi vấn-đề.

— Tôi bây giờ như bị đứng trước ngã ba đường. Tại sao hồi anh đưa cuốn *Roman de l'heure présente* cho tôi coi, anh đã không nói cho tôi biết là anh đã từng viết

những cuốn nói về phát-xít? Anh có còn nhớ là anh đã viết cuốn *Reporter sur les rives du Dniestez*, cuốn *Guerre de Crimée*, cuốn *Guerre dans un sous-marin*?

— Tôi nhớ, Traian đáp, nhưng cuốn đó không phải nói về phát-xít. Sở dĩ tôi không nói cho ông hay vì tôi nghĩ rằng những cuốn đó không có giá trị về nghệ-thuật.

— Trường-hợp của anh đã làm cho anh và tôi phải xa nhau. Danh tiếng của tôi, sự nghiệp của tôi bắt tôi phải chống đối anh. Tôi tiếc rằng tôi đã quảng cáo cho anh rất nhiều về cuốn *Roman de l'heure présente*. Tôi xử tốt đối với anh rất nhiều, thế mà giờ đây tôi phải tuyên-bố cho báo chí hay tôi không còn liên đới, dính dáng với anh nữa. Nhưng lời tôi tuyên-bố về anh, về cuốn sách của anh là hồi tôi chưa biết dĩ-vãng của anh, giờ đây tôi đã biết rõ, tôi rất tiếc những gì tôi đã viết về anh.

— Nếu tôi nhận thấy một cuốn sách hay, tôi đọc với sự thích thú, tôi dành cho nó một chỗ xứng đáng trong văn-học và không hề hỏi xem tư-pháp lý-lịch của tác-giả cuốn sách đó thế nào. Nếu tôi thích một cuốn sách nào đó và sau

tôi biết tác giả chỉ là kẻ bịp bợm tôi vẫn quý mến cuốn sách đó như thường. Tôi say mê bức tranh đẹp dù rằng kẻ vẽ ra nó là một tên trộm cắp. Tôi thích những bài thơ của thi sĩ Verlaine dù về sau tôi biết ông ta bị ở tù và hành hạ vợ.

— Trường hợp của anh lại khác. *Chính-trị!* Anh biết chứ? Trong cuốn *Reporter sur les rives du Dniester* anh đã tán dương, khen ngợi những người Đức. Thiệt là quái gở. Tôi có bản dịch cuốn đó, tôi đọc vài đoạn cho anh nghe.

Traian chợt nghĩ tới những người lính Đức mà anh đã gặp ở Baltzi, những người lính đã giúp anh tìm xe để tiếp tục lên đường. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh tiếp-xúc với họ. Anh đã có một ý-niệm tốt đẹp đối với họ khi họ giúp đỡ anh.

— Anh có nhận thấy là quái gở không khi anh tỏ ra có thiện cảm với những người lính Đức ở Baltzi?

— Không, tôi không nhận thấy như thế. Chính họ đã giúp đỡ tôi, kiếm xe cho tôi đi công-vụ, họ là những người rất đáng mến. Những người lính Đức đã giải phóng nước

chúng tôi khỏi ách Sô-viết. Cũng người lính Đức, ở bên Pháp là kẻ chiếm đóng, nhưng ở Bessarabie là người lính giải phóng...

— Có thể, nhà Đại-văn-hào nói, nhưng dù sao tôi vẫn thấy là quái gở khi khen ngợi bọn Đức. Đáng lẽ anh phải nói cho tôi hay những chuyện đó ở trong sách của anh, vậy tại sao anh không cho tôi hay?

— Tục-ngữ có câu: *Đừng bao giờ nói tới chuyện gây thù trong nhà người thối cổ.* Trường hợp của tôi bây giờ cũng thế. Tôi có sự khuyết-diêm là không tinh-y khi nói với ông, về người Đức. Họ đã chiếm đóng nước ông, họ đã gây nhiều sự đau khổ cho nước ông, họ đã làm cho nhiều người Pháp phải đổ máu, tôi cảm-thông nội đau khổ đó, nhưng những người lính Đức đó đã giải phóng đất nước chúng tôi. Còn một diêm này nữa: nếu tôi có nói tới những người Đức, tôi cũng có nói tới những người Nga, là đồng-minh của nước ông nhưng cũng chính họ đã dìm nước chúng tôi trong sự thất vọng, trong biển máu... Vào thời kỳ đó, ông đã là bạn đồng minh với bọn lính Nga-Sô, bọn đã tàn sát

#

người dân Bessarabiens chúng tôi.

— Trong những tác-phạm của anh, anh có một thái-độ chính trị, một thái-độ thân người Đức.

— Tôi có thái-độ chống đối bọn Hồng-quân đã chiếm đóng đất nước chúng tôi.

— Dù sao chẳng nữa, tôi cũng phải tuyên-bố cho báo chí hay tôi không còn dính dáng tới anh nữa. Trong những cuốn sách trước của anh, có nhiều trang anh viết với sự hân-học, Thiệt là quái gở...

— Trong những cuốn sách đó, có nhiều trang tỏ vẻ hân học với sự chiếm đóng ngoại-quốc, thái-độ đó không có gì quái gở cả. Thái-độ của những người Pháp khi nổi lên chống sự chiếm đóng của người Đức có phải là quái-gở không? Thái-độ của tôi đối với bọn chiếm đóng nước tôi cũng thế. Thật là quái gở nếu tôi hợp tác với bọn chiếm đóng, nghĩa là bọn Nga-Sô. Thiệt là quái gở nếu tôi không tức giận khi thấy bàn thờ Tổ tiên, Thượng đế để chúng tôi bị ô uế.

— Có một sự mâu-thuân toàn thể giữa những cuốn sách đầu tiên và cuốn *Roman de l'heure présente* mà anh đã tỏ ra nhân-

đạo, tốt. Thiệt không thể tưởng được cũng chính kẻ viết cuốn *Roman de l'heure présente* lại đã viết những cuốn *Reporter sur les rives du Dniester*, *La Guerre dans un sous-marin*, *La Guerre de Crimée*. Cũng chỉ là một người Thiệt không thể tưởng tượng được.

Có tiếng gõ cửa. Matisi sung-sướng khi thấy có người tới đề cuộc tranh-luận được cắt đứt. Một người hầu phòng mang vào những tập báo xuất-bản buổi trưa. Nhà đại-văn-hào thấy lời tuyên bố của ông không chịu trách-nhiệm về lý-lịch tư-pháp của tác-giả cuốn *Roman de l'heure présente* được đăng nơi trang nhất, bốn cột, của báo *Paris-Press*, ông bình tĩnh liền.

— Bây giờ anh nghĩ sao?

— Tôi chẳng nghĩ gì cả, *Matisi* đáp.

— Tại sao lại không? Phải làm một cái gì chứ. Anh phải cải chính. Anh phải chối bỏ, những cuốn sách đó đi. Phải làm ngay bây giờ.

— Tui chẳng có chuyện gì cần phải cải chính cả. Nếu tôi là người Pháp và nếu tôi đã tán dương những người lính Đức

trông coi về sự giao-thông, có thể tôi là một kẻ phản quốc. Nhưng tôi nói những người lính Đức đã giúp chúng tôi giải phóng xứ sở khỏi ách thống trị của ngoại-bang. Tôi là một tên phản quốc nếu tôi tán-dương bọn lính Nga-Sô hoặc bạn chúng. Vậy cải chính chuyện gì? Chẳng lẽ tôi lại cải chính là tôi đã tức giận, hồi tôi hai mươi hai tuổi, khi khi tôi nhìn thấy những nhà thờ được dùng làm những nhà hát? Thiệt là quái gở. Sự tán-dương của tôi thường tình lắm.

Khi Traian về tới nhà, có tiếng chuông điện-thoại reo vang. Một người bạn anh cho hay, theo luật lệ nước Pháp, anh có một thời hạn ba tháng để cải-chính những lời đăng trên báo. Những tờ báo công-kích anh phải đăng lời cải chính của anh.

— Cải chính cái gì? Traian hỏi.

— Anh trả lời những câu họ viết chống anh. Tôi tin rằng những lời tán dương của anh với những lính Đức là không đúng.

Traian phải nói cho người bạn Pháp hay, những lời đó là hoàn toàn đúng.

— Có nhiều điều người ta không nên nói, không nên viết. Anh nên nhớ là chuyện đó gây nên

một ấn-tượng không đẹp.

— Nếu anh nói ở Bucarest rằng anh đứng về phía hàng ngũ hồng quân, anh cũng bị ở trong trường hợp phiền phức. Vậy mà anh lại là bạn những người lính Nga-sô.

— Dù sao cũng phải cải chính. Phải giữ cảm tình của những độc giả tây phương đã từng bị ách chiếm đóng của bọn lính Đức, nếu không họ sẽ ghét anh. Anh cũng biết rằng mọi người đều có cảm tình với anh khi anh xuất bản cuốn *Roman de l'heure présente*. Thiệt là tai hại nếu để họ nản lòng.

— Vậy phải làm sso?

— Phải cải chính.

— Cải chính rằng tôi đã tức giận bọn lính ngoại quốc xâm-chiếm nước tôi? Cải chính rằng tôi đã căm thù bọn phá phách nhà thờ? Cải chính rằng tôi đã tức giận bọn Sô-viết đã đẩy ải một phần ba dân số nước tôi trong có một năm trời? Không thể được. Tôi căm thù chúng. Tại sao tôi phải nói trái ngược lại? Tại sao tôi phải nói dối? Nói rằng tôi không có tức giận để giữ sự cảm tình của độc giả? Không. Không bao giờ.

Matisi cúp máy điện thoại. Lại

có tiếng chuông reo tiếp nữa. Có thể là những người bạn khác gọi điện thoại tới đề khuyên anh cải chính. Chắc chắn là những người bạn muốn anh viết rằng anh không bao giờ tức giận, căm thù khi nhìn thấy những thành phố thân yêu của nước anh bị đốt cháy, bị phá hủy bởi bọn du-kích, không tức giận khi những người con gái miền Bessarabie bị bọn lính Nga hiếp. Anh nhất định không cải chính khi những điều đó thật hoàn toàn. Nếu những người bạn Pháp quay lưng lại anh, chống đối anh, anh sẽ rời bỏ để đi ngay.

MỘT buổi sáng, Traian tới nhà xuất bản. *Không ai có thể chịu đựng nổi, mỗi buổi sáng phải gánh chịu những lời chỉ-trích, chống đối, ông Laurent nói: "Chưa bao giờ tôi thấy có một chiến-dịch chống một nhà văn. Lần đầu tiên, báo chí của phe hữu cũng viết những bài giống như báo chí phe tả. Thường thường, khi những người cộng sản chỉ-trích một người nào trên báo chí của họ, cơ quan báo chí của phe hữu lập tức bênh vực người đó ngay. Nhưng riêng với anh, tất cả đều nhục-mạ anh. Đã bốn tháng, không một ngày ngưng chỉ-trích.

Tôi sợ anh không chịu đựng nổi" — Hồi tôi bị giam cầm, bọn lính đã tịch thu giày và tất của tôi. Chúng bắt tôi đi chân đất trên những hòn đá sắc cạnh. Để tiêu-khiển, chúng lấy kính của tôi và bắt tôi đi mặc dù tôi không trông thấy gì ngoài hai bước. Chúng đánh đập tôi, bắt tôi nhịn đói đến nỗi tôi phải bứt đất, có khi cạy vữa tường để ăn. Bọn lính thấy thế lại bắt tôi há mồm để chúng thay nhau nhò nước miếng vào miệng tôi. Tôi vẫn chịu đựng được. Khi tôi được thả ra, tôi đã tự nguyện sẽ chịu hết mọi sự nhục nhã và bất công.

Một cô thư ký mang vào phòng khách một xấp thư. Traian bóc lá thư đầu. Một độc giả gửi thư sỉ vả tác giả kèm theo một trang xé trong cuốn *Roman de l'heure présente*. Một lá thư khác của một ký giả Hollande tố cáo Traian đã là sĩ quan S.S. thời chiến tranh.

Từ sau hồi nhà Đại-văn-hào tuyên bố trên báo chí, Matisi tự nhiên thấy mình được thiên hạ gán cho nhiều chức quá. Nào sĩ quan trong quân đội Đức, chỉ huy trưởng trại tập-trung, v.v... Tất cả báo chí trên thế giới, như báo chí Mỹ, Đức, Portugais, Scandi-

naves đều trích đăng những bài báo ở Paris chống Matisi. Traian không còn muốn đọc tiếp những thư khác nữa.

Về tới nhà, anh thấy rất nhiều thư để nơi cửa. Anh tiếp tục đọc. Có một nữ ký-giả đã kết tội anh là người đã xúi giục những vụ tàn-sát người Do-Thái ở Bessarabie. Riêng có một lá thư của một tờ chức văn-hóa Argentine mời anh sang bên đó để diễn-thuyết. Traian không ngờ anh còn được chỗ mời trong lúc anh bị toàn thể báo chí nhục mạ, kết tội. Anh vội gọi điện thoại cho Laurent hay. Ông ta khuyên Traian nên đi. «Anh sẽ lên đênh trên mặt biển hàng hai mươi ngày, như vậy anh không có báo chí để xem và cũng đỡ bức mình.» Traian vội gọi điện thoại tới Buenos-Aires cho hay anh nhận lời sang bên đó.

Khi Traian tới hãng bán vé tàu, anh đã bị người bán vé nói khích: « Ông sang thăm Péron chăng ? »

— Không, tôi được 1 tờ chức văn-hóa công-giáo mời sang diễn-thuyết, Traian nhũn nhặn trả lời.

— Ở bên Argentine chỉ có chế-độ độc-tài. Mọi tờ-chức đều của Péron tờ-chức. Tất cả những

tờ-chức khác đều bị giải tán, những người lãnh đạo đều bị giam trong những trại tập trung.

Bên đó, người nào không phải là phát-xít đều bị bắt giam hết. Hồi này không ai có can đảm tới xứ Argentine. Người ta ngại có sự rủi ro. Chỉ có những người của Péron đi mà thôi.

Chiếc tàu Bretagne cập bến Buenos-Aires hồi bảy giờ sáng, sau mười chín ngày lênh đênh trên biển cả. Hàng trăm người đang đứng chờ đón Traian nơi bến. Chợt một người trong đám đông gọi Traian và nói bằng tiếng Roumanie có ý muốn được nói riêng với anh trước khi anh tiếp xúc với mọi người. Khi câu đã bắt xong, người lạ mặt tiến lên trước, nói khẽ với anh, khuyên anh đừng có tuyên-bố về chính-trị. Traian ngạc nhiên hỏi người đó có phải là người của ty Công-an hoặc của tờ-chức mời anh không.

— Điều tôi là người của ai, điều đó không quan trọng, chỉ biết rằng chúng tôi là người bạn tốt của anh. Chúng tôi chỉ khuyên anh đừng có nói về vấn-đề chính trị. Người lạ mặt nói xong, từ biệt Traian rồi biến vào trong đám người đông đảo.

Sau khi để cho các phóng viên phỏng vấn, chụp hình xong, Traian về khách sạn Continental, nơi ban tờ-chức dành cho anh. Traian cảm thấy dễ chịu khi thấy không có ai hỏi anh về vụ báo chí đã kích anh bên Âu-châu. Họ chỉ hỏi về cuốn *Roman de l'heure présente*, cuốn *le Deuxième point de vue*, về đời sống của anh. Phái đoàn tiếp đón anh, trong lúc ngồi uống cà-phê nơi khách sạn với anh cũng không hề hỏi tới cuộc bút chiến đó.

Bên Argentine, Traian có tới hàng triệu độc giả. Nhiều người gửi thư tới anh, mong được tiếp chuyện anh. Trong phòng khách tập nập người ra vào. Một buổi, có một người tài-xế mang vào cho anh một cuốn sách nhan đề *Audela de l'heure présente*. Tác-giả là một vị bộ-trưởng trong chính-phủ hiện-tại. Traian định, khi xong hết những buổi nói chuyện, anh sẽ tới thăm ông ta.

Nhà-văn bộ-trưởng tiếp Traian rất ân cần, nồng hậu. Ông ta nói với Matisi về thơ, ca - kịch, Thượng-đế. Khi ra về ông bộ-trưởng hỏi anh khi nào sẽ yết-kiến Tổng - thống. Traian biết Tổng - thống Argentine có đọc sách của anh.

Sáng hôm sau, Traian được văn

phòng Phủ Tổng-thống cho hay Tổng-thống tiếp anh vào hồi bảy giờ thiếu mười lăm sáng tại điện Casa Rosada. Traian biết ở bên Argentine, các ông bộ-trưởng đều làm việc vào lúc bảy giờ sáng.

KHI Traian tới dinh Casa Rosada, anh được Tổng-thống dang rộng tay đón. Matisi ngượng - nghịu đứng im không nhúc-nhích. Tổng-thống nắm tay anh nói: «Lại đây người bạn. Tôi rất sung sướng được anh tới thăm tôi». Đã mười năm từ khi Traian rời khỏi Bucarest, chưa lần nào anh được người đời đón tiếp anh một cách thành thật, nhiệt thành. Giờ đây, Tổng-thống Argentine đã tiếp anh bằng cả một tấm lòng. Tổng-thống nói chuyện với Traian về những cuốn sách anh xuất bản. Ông nói về xứ Argentine. Nhiều lúc liếc nhìn đồng hồ Traian thấy mình ngồi lâu quá, anh muốn đứng dậy để cáo lui nhưng chính Tổng-thống đã giữ anh ngồi lại để nói tiếp. Traian biết một vị Tổng-thống lúc nào cũng bận việc, vậy mà anh đã ngồi nói chuyện hơn một tiếng đồng hồ rồi.

Traian được Tổng-thống cho phép được tự do đi thăm các nhà

từ trong xứ, được nói chuyện với bất cứ một tù nhân nào, được xem hồ-sơ của họ. Chiếc máy bay của Tổng-thống được để dành riêng cho anh đi đây đi đó : «Thiệt là đáng phục khi đi có một mình, nhưng cũng thiệt là khó khăn, anh bạn ạ. Nếu một ngày nào đó, anh cảm thấy mệt mỏi rồi, anh nên nhớ ở đây anh có những người bạn sẵn sàng dành cho anh một căn nhà để anh nghỉ lưng, một miếng đất để anh đặt chân.»

SAU khi diễn-thuyết ở thành phố Rocario, cách thủ-đô Buenos-Aires 500 cây số, Traian quay về nơi trú-ngụ. Anh bị cảm sốt nên muốn trở về Âu-châu càng sớm càng hay. Traian tới gặp Nhà-văn bộ-trưởng để cáo từ. Khi được biết gia-đình Traian còn kẹt ở Roumanie, ông cho hay ông có thể tìm được họ và dẫn họ tới nơi ở của Traian.

— Anh viết rõ tên họ, tuổi, đàn ông hay đàn bà những người thân thích của anh. Thế là đủ. Chúng tôi hứa chắc chắn với anh là chúng tôi sẽ dẫn họ tới nơi nào mà anh muốn họ ở. Nếu anh muốn, anh viết thêm cả tên tuổi những người trong họ anh, những bạn bè của anh nữa.

Phi-cơ đỗ xuống phi-trường thành-phố Lisbonne. Matisi đặt chân xuống mảnh đất của nước Portugal, lòng bồi hồi cảm động. Tất cả những người Âu-châu khi đi xa về đều có cảm giác chung như vậy. Ở bên kia địa-lục, không có ai hỏi hành khách có phải ở Pháp, Đức Espagne hoặc Roumanie tới nhưng họ hỏi có phải ở Âu-châu tới không. Giờ đây Traian đã trở lại Âu-châu rồi. Anh mua một tờ báo Portugais. Trong tờ báo có một bài trích trong tờ báo Pháp đã kích anh nhưng Traian cũng không thấy khó chịu nữa. Máy bay tiếp tục bay nốt đoạn đường.

Khi Traian về tới nhà, nơi ngoại ô thành phố Paris, trời đã tối hẳn. Khi mở cánh cửa, Traian cảm động khi nghĩ tới một ngày nào đó, cha anh, mẹ anh, những người em của anh cũng đặt tay lên quả nạm cánh cửa để mở cửa.

Hai tháng trời xa vắng, trong phòng của Traian đầy thư từ, báo chí. Vẫn những lời lẽ hân học, chỉ trích. Có nhiều tờ báo phê-bình Traian gay gắt khi anh sang thăm nhà độc tài Argentine. Chỉ có ba lá thư là khuyên anh nên can đảm, an ủi anh.

Traian muốn nói chuyện với một

người nào đó. Anh muốn gọi điện thoại cho một người nào đó để báo tin cho họ hay anh đã trở về, nhưng anh không có một ai để nói cả. «Paris có tới năm triệu người mà ta không thể nói với một ai cả câu «*Tôi rất sung sướng được gặp lại anh*».

Ngay lúc đó, Traian nhận thấy không phải anh chỉ có một mình. Có tiếng chuông gọi cửa. Một người thanh niên, ngoài hai mươi tuổi, hỏi anh : «*Có phải ông là ông Traian Matisi không?*» Người thanh niên xin lỗi vì anh ta đến quá khuya. «*Tôi mới ở Roumanie về. Trước hết tôi mong rằng ông đừng nghi tôi là người cộng sản. Tôi lợi dụng có sự mời đi dự Hội-nghị Hòa-bình tổ chức tại Roumanie nên tôi đã đi*».

— Anh đã đi Bucarest và mới trở về đây? Traian ngạc nhiên hỏi. Trong mười năm qua, câu chuyện đó không bao giờ có thể có được. Như từ khi ở Argentine trở về, Traian tin rằng những chuyện đó có thể có được. Những người mà anh đã ghi tên, một ngày gần đây cũng sẽ ở Roumanie tới như chàng thanh niên lạ mặt này.

Người thanh niên cho hay ở

Roumanie mọi người đều cô độc sách của anh, nhưng đọc dấu điểm. Mọi người đều có nói tới anh. Một vị mục-sư có nhờ mang về cho anh một phong thư.

— Thiệt là nguy hiểm khi nhận trao thư cho ông, nhưng tôi đã hứa nhận. Vị mục-sư ở Bucarest có dặn dò tôi, nếu chẳng may phong thư có bị tịch thu thì tôi phải báo cho ông hay : gia đình ông ở Isvor đã tàn cư khi trận-chiến xảy ra tại đó. Sau chiến tranh, mẹ, chị và em ông đã trở về làng, riêng cha ông không có trở lại. Không một ai biết ông ở đâu. Ngay khi gia đình ông trở về làng, mọi người đã bị bắt và bị đày sang Nga. Tất cả những người trở về làng đều bị bắt và đày sang Nga. Theo tin của những tù-nhân thì mẹ ông và một người em gái ông đã chết trong lúc bị giam giữ. Hiện nay ở Isvor không còn có ai trong gia đình ông cả.

Traian cảm thấy như máu trong người anh không còn chảy nữa. Anh đau khổ đến lặng người. Anh cầm chai rượu cognac rót đầy ly uống. Lời mẹ anh như vang bên tai : «*Mẹ biết con sẽ trở về, nhưng mẹ sợ rằng con sẽ về muộn*». Matisi gục đầu

xuống cánh tay khóc nức nở và tiếp đi trong cơn mệt nhọc.

Khi Traian thức giấc thì trời hừng sáng. Đèn trong các phòng vẫn bật sáng trưng. Theo phong tục bên Roumanie, ở Isvor, khi trong nhà có người chết, người ta để đèn sáng suốt ngày đêm. Trong nhà của Traian có nhiều người chết. Anh cũng để đèn sáng trưng. Nếu tắt đèn hết ánh sáng thì là mang tội. Trong nhà có người chết không được đội mũ, không được cạo râu, nếu đội mũ, cạo râu là có tội.

Traian ra phố, đầu không có mũ, râu không cạo. Anh phải trở về nhà ngay vì mọi người nhìn anh như nhìn con quái vật khi thấy anh không cạo râu. Bà quản gia trao cho anh một tờ điện tín do cha Jean gửi, cho hay cuộc diễn thuyết định tổ chức ở Rennes phải hủy bỏ vì dân chúng chống anh, kẻ đã cộng-tác với địch.

Traian ngược nhìn trời cao, rồi nhìn vào trong nhà đầy ánh sáng báo hiệu có người chết. Anh lầm bầm : « Mình hợp tác với địch, vậy kẻ địch đó là ai ? »

Mọi bạn ngồi chơi, Traian

nói, mong bạn bỏ qua khi tôi tiếp bạn giữa trưa mà đèn nền sáng choang. Tôi cảm ơn bạn đã tới an ủi tôi, bạn Dionisos a.

Gặp Dionisos, một nhà triết-học, Traian tranh-luận với ông ta về chuyện hợp tác với nước Mỹ. Anh nhận thấy không lúc nào bằng lúc này chỉ có nước Mỹ mới có thể cứu được mọi người. Chỉ có họ mới phá hủy được những nhà tù, bức màn sắt.

Matisi và Dionisos tiếp tục tranh-luận khi họ ở ngoài phố. Hai người đứng dừng lại nơi lề con đường La Reine. Nơi đây xe cộ chạy đông như mắc cửi. Họ chờ đợi để băng qua lộ.

— Bắt đầu từ hôm nay tôi không còn đi một mình nữa, Traian nói.

Khi hai người băng qua đường, một chiếc xe cam-xông vút nhanh qua phía trái. Matisi bị xe đụng phải. Khi mở bừng mắt, Traian thấy mình nằm trong chiếc xe cứu-thương. Chiếc xe đang phóng rất nhanh. « Ta lại đi một mình rồi, Traian thầm nghĩ, nhưng có lẽ đây là chuyến đi cuối cùng của ta. Hoặc ta chết, hoặc ta còn tiếp tục sống.

chuyến đi cứu-thương này nhất-định là chuyến đi cô-độc chót của ta ».

Mắt Traian chợt mờ đi. « Có thể ta chết mất, nhưng ta không muốn chết bây giờ. » Traian cảm thấy yếu hơn. Tiếng còi xe hơi rú lên như càng lúc càng xa đi. Qua khung cửa sổ, Traian nhìn thấy cánh rừng Boulogne, căn nhà của văn-sỹ André Malraux. Anh tiếp đi vì mệt nhọc. Lúc tỉnh lại, anh thấy mình ở trong căn phòng trắng toát. Chung quanh anh có nhiều người mặc đồ trắng.

Họ đang bàn luận. Một người nói : « Phải giải phẫu lập tức cùng làm tờ ghi tên bệnh nhân nhưng người này không có giấy tờ. Ở trong túi chỉ có một tờ điện tín với địa chỉ mà tên đã bị xé. Tờ điện tín này là tờ căn cước độc nhất của hắn. Đây căn cước của hắn : *Đừng tới diễn-thuyết ở Rennes nữa. Dân chúng sẽ nổi giận nếu anh tới.* Cha Jean ».

HOÀNG-THẮNG dịch

(1961)

Xưởng cơ máy NAM-HƯNG

190 Đại-lộ Nguyễn-văn-Học
(Cầu Bông-Ky) GIA-ĐỊNH

**Chuyên môn mua bán các sắc gỗ sưa,
gỗ xẻ đủ cỡ để kiến-trúc.**

— Bán sỉ và bán lẻ. Giá phải chăng.



Chủ-nhân sẵn sàng phục-vụ quý-vị khách hàng

Sách báo mới

★ Bút-Hoa và Xuân-Mộng

của Phan-Mạnh-Danh (1866-1942)

Hai Tập thơ cổ có giá-trị đặc-biệt, tựa của Phạm-Quỳnh, do ông Phan-Thế-Roanh, Giáo-sư Đại-học Sài-gòn, trưởng nam của nhà Thơ quá-cổ, gởi tặng. Trong bài tựa, Phạm-Quỳnh có viết : « Ông Phan-mạnh-Danh cóp nhặt đến hơn ngàn câu thanh-tạo diễm lệ trong thơ cổ chữ Hán, đối-chiếu với hơn ngàn câu bóng-bẩy chải chuốt trong truyện Kiều của ta... , rất có công phu, thật cũng tài-tinh, âu cũng là để thỏa cái thị-hiếu văn chương, biểu lộ cái cốt-cách phong-nhã của một khách chơi thơ sành-sỏi vậy.

★ Điền-cổ của Phan-Thế-Roanh,

(Giáo-sư trường Đại-học Sư-phạm Saigon)

Một tập « Truyện và thơ thường dùng làm văn-liệu », sưu-tầm đầy-đủ, văn-chương bóng bẩy, nhẹ-nhàng, rất có ích cho sự học-hỏi.

★ Chinh-phụ ngâm khúc

của Đặng-trần-Côn và Đoàn-thị-Điễm. *Femme de Guerrier*

Élégie — Traduite en français, par Tuần-ly Huỳnh-Khắc-Dụng.

Bản dịch Pháp-văn, do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản, in lần thứ hai, 1961.

Văn-tài của bạn Tuần-ly Huỳnh-khắc-Dụng, hiện làm Chánh-Án Tòa Lao-Động, không cần phải giới-thiệu nhiều. Ngòi bút của ông về Pháp-văn cũng như Việt văn đều lưu-loát, thanh-tạo, duyên-dáng. Thi-sĩ, văn-sĩ, Luật-gia, ông đã chứng tỏ những khả-năng dồi-dào của ông trong nhiều tác-phẩm đã xuất bản, bằng Pháp-ngữ và Việt-ngữ. Bản dịch *Chinh-phụ Ngâm* của ông được sát nghĩa, sát ý và lột hết hồn thơ phong-phú trong nguyên bản của Đoàn-thị-Điễm.

Văn-chương ta được phổ-biến ra ngoại-quốc, phải nhờ đến những dịch-giả có tài và có kinh-nghiệm văn-chương như ông Huỳnh-khắc-Dụng.

MỒ HÔI TRƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Cô Minh-Tú tìm các lý-lẽ để buộc anh cô kết nghĩa với con gái ông Bộ-Trưởng. Cô lại cố tình làm nhục Anh trước mặt ông Ngọc Minh, quyết phá cuộc tình-duyên của anh cô với Anh. Nhưng những hành-động của Minh Tú không có hiệu quả gì...

(Tiếp theo số P.T. 52)

ÔNG đi thẳng ra cửa. Anh chạy theo gọi :
— Thưa ông...

Ông Giáo quay lại, thì Anh đã đứng trước mặt ông. Anh lau nước mắt, bẽn lẽn, cúi mặt xuống. Ông Ngọc-Minh bảo :

— Anh nói đi. Tôi biết tôi đã

làm cho Anh buồn nhiều lắm, và tôi rất hối-hận. Tôi xin lỗi Anh.

— Thưa ông, cuối tháng này, tôi xin thôi việc.

— Tại sao ?

— ... Chắc ông cũng hiểu. Tôi không thể ở đây được nữa.

— Anh xin thôi, sẽ làm gì ? Đi đâu ?

— ... Dạ, tôi cũng vẫn đi ở mướn... cho một chủ khác nhưng chưa biết ở đâu.

Ông Ngọc-Minh muốn nói một câu gì, nhưng suy nghĩ một lát ông lại không nói. Ông buồn-bã chào Anh :

— Thôi, tôi đi nhé, Anh. Tôi mong rằng chúng ta sẽ còn gặp nhau lại.

Ông bước ra xe lái đi,

Anh tần ngần ngó theo, rồi đóng cửa. Thái độ của ông Giáo hôm nay khiến Anh thật hoang mang.

Tại sao ông Giáo quyết định dọn ở chỗ khác? Biệt thự này là của ông, sao ông không ở, lại đi thuê nhà riêng? Ánh nhận thấy ông Giáo mấy lúc sau này thường bị cô em gái công kích về thành-kiến vô-giai-cấp của ông, và hai anh em không hòa thuận với nhau như trước nữa. Theo những câu chuyện giữa hai người mà thỉnh thoảng Ánh ngẫu nhiên đã nghe lồm được, thì Ánh hiểu rằng cô Minh - Tú đã nghi ngờ người anh của cô có đem lòng yêu Ánh cho nên thường cãi lầy với ông, giận dỗi ông và dầy vò đay - nghiền Ánh, chửi bới khinh miệt Ánh hằng ngày, làm nhục Ánh ngay trước mặt cô Thanh - Kiều nữa. Ánh cũng biết Minh - Tú tìm cách gán con gái ông Bộ Trưởng cho anh cô mà anh cô không bằng lòng. Thái độ của ông Ngọc-Minh sáng hôm nay từ chối đi Cap với Thanh - Kiều cũng đã chứng tỏ rằng ông không có may mắn cảm tình với cô này. Nhưng dù sao, đối với ông Ngọc-Minh, Ánh cảm phục mà không thể yêu được. Ánh không thể nào xen vào gia đình của ông, không những vì địa vị hèn-hạ của Ánh, mà còn vì lý-do Ánh không muốn gây ra một mối chia rẽ giữa hai anh

em cô Minh-Tú.

Ánh nhất định đến cuối tháng lấy tiền lương 500 đồng rồi thôi việc luôn. Ánh đợi sáng ngày mai sẽ nói trước cho cô Minh-Tú biết, và sẽ không vì một lẽ gì mà ở lại trong nhà này lâu nữa.

Ánh đi làm các công việc theo lời cô Năm đã dặn. Ánh biết cô chủ tàn nhẫn và độc-ác, trước khi đi nghỉ mát ngày chủ nhật đã giao dặn Ánh một lô công việc không thể nào làm hết được trong ngày. Cũng có lẽ vì cô Năm sợ Ánh ở nhà dờn cợt với anh cô nên cô đã sai Ánh làm những công việc mà ít nhất cũng phải hai ba người mới làm hết được trong một buổi chúa nhật.

Cô Năm không muốn để cho Ánh một phút nhàn rỗi nào, là có thâm ý ngăn cản con đầy-tớ không cho nó trò chuyện vãn vơ với anh cô. Ánh hiểu như vậy. Nhưng Ánh không ngần ngại, rán làm tận tâm tận-lực được việc nào hay việc ấy, theo thì giờ ít oi của nàng. Đến 4 giờ, nàng lại phải đi làm cơm cho kịp 6 giờ cô Minh-Tú về.

Lau nhà lau cửa xong, Ánh mệt là người, lên giường nằm nghỉ tạm một lúc. Nàng gác

tay lên trán, suy nghĩ.

Ánh thật không dè cuộc đời một nữ sinh có « tương lai đầy hứa hẹn » như các thầy giáo đã ghi trong quyển học bạ của mình, lại gặp nhiều cảnh éo-le, đau-khổ. Chỉ vì tội nghèo! Phải, chỉ vì Ánh nghèo thôi! Chớ thí dụ Ánh là con nhà khá giả, như một số bạn gái khác cùng lứa và cùng lớp với Ánh, thì Ánh đâu phải đi làm con ở bị cảnh trái ngược đau đớn như ngày nay! Chỉ vì Ánh là con ở, cho nên một thiếu phụ mà chưa chắc sức học đã giỏi gì hơn Ánh, sắc đẹp đã chẳng hơn gì, nhờ hoàn cảnh lên làm địa vị bà chủ, có quyền khinh khi ngược đãi Ánh! Chỉ vì Ánh là con ở, cho nên gặp một ông Giáo sư danh giá giàu sang tỏ tình yêu Ánh mà Ánh không dám đáp lại mối tình tha thiết và chân thật của ông. Ánh nghĩ buồn cho duyên phận bẽ bàng và số kiếp hẩm hiu cực nhục của mình. Ánh nhớ lại một hôm, tay xách giỏ mây, chun mang đôi gấu cùn, Ánh đi chợ với cô Minh-Tú giữa đường ngẫu nhiên gặp Thúy-Phượng... Thúy-Phượng là bạn gái thân nhứt của Ánh hồi còn đi học Chợ-quán, học kém thua Ánh nhiều, nhưng ngày nay

hãnh diện được học trường Marie Curie. Thúy-Phượng mặc đồ đầm, cỡi xe Velosolex bóng loáng. Chợt trông thấy Phượng, Ánh vội vàng tìm cách lánh mặt, nhưng không kịp. Thúy-Phượng đã trông thấy Ánh, trân trân nhìn Ánh, Ánh phải gượng cười xã giao, gọi:

— Thúy Phượng!

Nhưng Thúy-Phượng liền ngó ngơ chỗ khác, không thèm chào lại.

Ánh mắc cỡ quá. Một hôm khác, sáng chúa nhật, Ánh đi chợ về một mình, tay ôm một cái chổi cau để đem về quét dọn sau bếp. Tay khác xách một giỏ vật thực, còn đeo thêm một hủ mắm. Hôm ấy Ánh mặc đồ bà-bà bằng vải đen, đi chun không. Bỗng dừng một chiếc xe hơi Huê-kỳ ghé đậu bên lề đường, trước mặt Ánh. Ánh ngó vào, ngạc-nhiên trông thấy một thiếu-phụ thật sang mở cửa xe bước ra, giống hệt «con Minh Thợ». «Con Miết Thợ» thật! Nó trông thấy Ánh vừa bước tới, Ánh cúi mặt xuống, định đi luôn, nhưng Minh Thợ đứng ngó chòng-chọc, nét mặt làm nghiêm, cất tiếng gọi: — Ánh!

Ánh thẹn đỏ mặt, đành ngó lên chào:

— Chị Minh phải không ?

Minh-Thọ chỉ gật đầu, rồi hỏi với giọng nghiêm-trang không còn thân-mật vồn-vã như hồi còn học trò :

— Ánh bây giờ làm gì ?

— Tôi không làm gì hết, chị Minh à.

Vừa lúc đó, người đàn ông lái xe, cũng đã từ trong xe mở cửa bước ra đến nắm tay Minh-Thọ, dắt vào tiệm kem ngay đấy. Minh bước theo chàng, không chào Ánh, Ánh còn nghe rõ tiếng Minh nói với chàng :

— Con Ánh hồi trước học một trường với em đó.

Người đàn-ông nói :

— Con này, anh thấy nó hình như là... con ở... ừ phải rồi, con ở của chị Minh-Tú đó mà !

— Vậy hả ?

Ánh xấu hổ đi thật mau. Ánh còn lạ gì Minh-Thọ ! Tên thật của cô-ả là Nguyễn-thị-Minh, bạn cùng lớp với Ánh ở Chợ-quán. Trong lớp có hai cô Minh, nên học-trò đặt cô ấy cái biệt danh là Minh-Thọ, vì cô có cái thọ ở mép tai. Minh là con nhà thầu khoán có biệt thự lớn ở Nancy nhưng học thì dở nhất lớp mà diện thì không ai bằng. Ngay hồi đi học, cô-ả đã thích bôi móng

tay và móng chun đỏ chói. Thi tiêu học một lượt với Ánh, Ánh đầu thứ nhì, còn Minh trượt vô chuỗi. Lúc bấy giờ Minh đã 16 tuổi, mà làm giấy khai-sanh chỉ có 14. Năm sau, Ánh đã nghe tin Minh lấy chồng làm chủ nhà máy cưa ở Biện-Hòa.

Ánh nhớ lại thời kỳ đi học, mới hai ba năm nay chớ lâu-lắc gì ! Minh-Thọ vừa dứt toán, vừa dứt «đít-tê» ngồi cùng bàn với Ánh và cạnh Ánh, cứ theo hỏi lại - nhai :

— Chị Ánh ơi, chị Ánh, chữ *je vais* có s không, chị ?... Chị Ánh ơi, 1250 đồng bạc viết mấy con zéro ?... Chị Ánh ơi, chị vẽ giùm em cái bản đồ xứ Nam Kỳ đi chị, em vẽ hoài mà nó cứ trật lất đây nè !...

Ấy thế mà bây giờ nó có chồng làm chủ nhà máy cưa, nó có xe hơi Huê-kỳ, coi bộ-tịch như bà Hoàng, đố ai biết là nó dốt ! Còn Ánh... Than ôi ! Ánh học giỏi thì nay lại đi ở đây-tớ cho người ta ! Đồi guốc cùn đã gần đứt quai hai hôm nay, Ánh chưa có tiền mua đôi guốc mới !

Ánh than thở cho những cảnh đời trái ngược, mỉa-mai chua

chát làm sao ! Tủi nhục làm sao ! Ánh dè dặt số kiếp của đứa gái nghèo có thể tàn nhẫn đến thế được ?

6 giờ, vợ chồng Minh-Tú, cô Thanh-Kiều và hai đứa nhỏ đi Cap đã về. Ánh đã sửa soạn cơm nước dâng hoàng tươm-tất cả. Nhưng Ánh cũng bị Minh-Tú tìm đủ cách để rầy la mắng nhiếc, trước mặt Thanh-Kiều.

Cô gái ông Bộ-Trưởng thì cứ ngồi làm thinh, trôn trôn nhìn con-ở bện đồ bà-ba đen, đi chun không, cúi đầu không đáp lại một lời, mặc dầu Minh-Tú mắng xối mắng xả vào mặt nó. Thanh-Kiều cũng nhận thấy Ánh hiền-lành và tuyệt đẹp. Khuôn mặt trái xoan, hình vóc đều đặn, uyển-chuyển, tuy Ánh phục sức rất đơn-sơ nghèo nàn, nhưng Thanh-Kiều phải nhận thấy Ánh đẹp hơn cô nhiều và gương mặt của Ánh hiền-từ thùy-mị đáng thương. Nhưng cô vẫn khinh Ánh là con gái nghèo ! Cô nhìn Ánh với đôi mắt tự cao tự đại. Còn Minh-Tú thì rõ-ràng là ghen ghét «con nhỏ ở», ghét cay ghét độc, như một kẻ thù.

Minh-Tú ngạc nhiên không thấy ông giáo Ngọc-Minh ở nhà. Cô

rất bức mình vì anh của cô không chịu theo những dự định tham lợi của cô Không rừ được anh cô đi Vũng-Tàu với Thanh-Kiều, thì cô định tối nay cô sẽ sắp đặt chỗ ngồi nơi bàn ăn cho anh cô ngồi gần con gái ông Bộ-Trưởng. Cô sẽ tìm cách để cho Ngọc-Minh và Thanh-Kiều chuyện trò thân mật với nhau, và cô tin rằng Thanh-Kiều sẽ có đủ sức cảm-đỗ được người anh «triết học» và mơ mộng, của cô.

Nhưng cơm đã dọn lên bàn, mà ông giáo Ngọc-Minh vẫn chưa về. Minh-Tú gọi con-ở :

— Ánh !

— Dạ.

— Cả ngày nay, ông Hai ở nhà hay đi đâu ?

— Dạ thưa bà, ông Hai đi từ lúc sáng, đến trưa ông về lấy một quyển sách rồi ông lại đi liền. Ông Hai có dặn con thưa với bà rằng tối nay ông không dùng cơm. Ông sang bên Thủ-Thiên.

Minh-Tú tức giận, trợn mắt khào Ánh :

— Ông Hai đi Thủ-Thiên làm gì ?

— Dạ thưa bà, con không biết.

— Ông Hai ở nhà đến mấy giờ ông mới đi ?

— Thưa bà, ông Hai về lấy một quyển sách rồi ông đi ngay. Ông Hai cũng không xơi cơm trưa.

— Sao mầy không dọn cơm mời ông Hai ?

— Thưa bà, con có dọn cơm lên bàn, nhưng ông Hai đi liền. Ông Hai nói ông Hai đã ăn cơm tiệm rồi.

Minh-Tú lớn tiếng mắng Ánh :

— Mầy nói láo chớ sao ông Hai không ăn cơm nhà, lại đi ăn tiệm ?

Ánh làm thinh. Minh-Tú quát nó :

— Thôi, đi xuống bếp ! Chút nữa, mầy coi tao !

Ánh lặng-lẽ đi xuống bếp.

Bữa cơm tối ấy không vui chút nào. Mặc dầu ông Năm, chồng cô Minh-Tú, tìm cách pha-trò và nhắc lại những chuyện vui-vui trong cuộc đi nghỉ mát Vũng-Tàu, Minh-Tú vẫn không cười, và không chuyện trò dơn dợt như thường lệ. Con gái ông Bộ-Trường cũng không còn nhí nhảnh như mọi khi. Thấy vợ và Thanh-Kiều ngậm câm như hến, ông Năm quây lại cười dơn với hai đứa con.

Cơm xong, Thanh-Kiều còn ngồi nghe radio, cũng có ý muốn

đợi ông Ngọc-Minh. Nhưng 9 giờ, chán hết muốn nghe âm-nhạc, hết muốn ngồi, hết muốn nói chuyện phiếm, cô đứng dậy cầm xác :

— Thôi, *moa* về !

Minh-Tú còn mời gương :

— Ở chơi chút nữa đã, *toa*.

— Thôi.

Thanh-Kiều bắt tay Minh-Tú, bắt tay ông Năm, cúi hôn hai đứa bé và nói với chúng :

— Tata đi về.

Con gái ông Bộ-Trường đi thật lẹ ra xe, bộ mặt buồn hiu.

Minh-Tú bảo chồng đi ngủ và dắt hai con lên lầu. Sau một ngày đi chơi mệt mỏi, ông Năm thay đồ xong, đặt lưng lên-giường là ngủ ngay.

Đồng hồ đã điếm 10 giờ. Ông Năm ngáy khò khò. Tiếng ngáy cao lên rồi hạ xuống, đều-đều như tiếng sóng biển. Hai đứa nhỏ cũng nằm ngủ say-sưa trong hai chiếc giường con kê hai nơi góc tường.

Duy có Minh-Tú là hãy còn thức. Trong phòng đã tắt đèn tối om, nhưng đôi mắt của cô còn mở thao láo. Cô nằm yên-lặng gần mép giường, không đụng chạm vào chồng nằm bên cạnh. Cô lắng tai nghe.

(Còn nữa)

Những phát-minh của một BÁC-SĨ VIỆT-NAM

★ THIẾU-SƠN

Từ 8 năm nay Bác-sĩ Đặng-văn-Hồ đã tìm ra được trong tế nhàu những được-tính như sau :

- 1) Lợi-tiền và thông đại-tiện.
- 2) Làm êm-dịu sự kích-động của thần-kinh giao-cảm.
- 3) Trấn-tĩnh các cảm-xúc, đồng thời bồi-bổ thần-kinh khiến cho con người được vui-vẻ và phấn-khởi.
- 4) Không làm nghiện như nha-phiến và cũng không quen lờn như nhiều hóa-chất khác.

Trước hết ông dùng tế nhàu để trị những chứng huyết-áp cao (Hypertentions artérielles) và ông đã thảo-hoạch được những kết-quả rất mỹ-mãn. Ông viết hai bài cho trong tạp-chí Y-học (Presse médicale) ở Paris vào khoảng 1954-55 đề trình bày những phát-minh của ông về công-dụng kỳ-diệu của tế nhàu trong Y-Học. Giáo-sư Caujolle ở Đại-học đường Toulouse, giáo-sư Young Ken ở Đại-Học đường Harvard, giáo-sư J. Loyer Đại-học đường Paris và giáo-sư J. Keda ở Đại-Học-đường Đông-Kinh, v.v... đều có thí-nghiệm và xác-nhận những được-tính của tế nhàu đúng theo sự phát-minh của Bác-sĩ Hồ.

Bác-sĩ Hồ quan-niệm rằng không phải tất cả các chứng bệnh đều do sự phá-hoại của vi-trùng và cũng không phải cứ nhắm tiêu-diệt hết vi-trùng là con người hết bệnh, thứ nhứt là khi người bệnh không có đủ tinh-thần để chịu-dựng một sự giao-tranh trong cơ-thể suy-nhược của mình. Ông không phủ nhận công-dụng của những thuốc trụ-sinh nhưng ông cho rằng cần phải bồi-dưỡng những thần-kinh giao-cảm để gây lại thăng-bằng cho người bệnh để người ta bớt hồi-hợp, bớt sợ-hãi, bớt bi-quan, thêm bình-tĩnh, thêm tin-trưởng, thêm nghị-lực để tránh khỏi những biến-chứng và hồi-phục sức khoẻ.

Làm Trung-Tá Quân-Y, Giám-đốc Bệnh-Viện Bài Lao Ngô-Quyền ông đã trị nhiều bệnh theo quan-niệm và đường lối nói trên. Trường-hợp điển-hình là trường-hợp ông đã trị lành một chứng lao thỏ huyết của một thanh-niên đã bị từ 5 năm, đã nằm 1 năm tại bệnh-viện bài-

Jao Mekuès ở Maroc và 9 tháng tại bệnh-viện bãi-lao Percy ở Pháp. Trước khi anh xin được vô năm tại Bệnh-Viện Ngô-Quyền, trong 2 năm anh đã thổ huyết 10 lần. Vào Ngô-Quyền người anh xanh ngắt yếu lắm, còn thổ huyết và có những dấu hiệu chứng tỏ sự suy-nhược của tinh-thần. Ông thấy trước hết cần phải gây lại sự thăng-bằng trong cơ-thể người bệnh và bồi-dưỡng những thần-kinh giao-cảm của anh. Ông cho anh uống rễ nhàu và thấy người anh có những biến-đổi rõ-rệt. Anh bình-tĩnh lại; vui-vẻ hơn, ngủ được, ăn được và chứng khái-huyết cũng lần lần dứt luôn. Cố nhiên là ngoài rễ nhàu còn phải có thuốc khác trợ-lực. Nhưng phải nhìn-nhận rằng rễ nhàu đã đóng một vai tuồng chủ-lực trong sự điều-trị người thanh-niên nói trên. Nay anh ta đã hết bệnh và hiện đương làm thơ-ký văn-phòng cho ông. Từ đó có hàng trăm bệnh khác cũng được trị như vậy. Từ 2 năm rưỡi nay chứng ho súc huyết đã giảm được 9 phần 10 ở bệnh-viện Ngô-Quyền.

Theo quan-niệm trị-bệnh như đã nói ở trên, một quan-niệm gần với Đông-y hơn Tây-Y. Bác-sĩ Hồ đã thí-nghiệm với nhiều chứng bệnh khác nhau và ông đã gia-giảm để chế ra được 4 dược phẩm như sau: Morindol trị-bệnh áp-quyết cao (Hypertention artérielle), Morinda Nerva trị bệnh thần-kinh hỗn loạn (Neurasthénie) Coqueluchine trị ho gà (coqueluché) và Hémoptysol trị khái-huyết.

Những thuốc này ông đã thí-nghiệm và đảm-bảo sự công-hiệu.

Nhiều nhà bác-học và y-học chẳng những đã xác-nhận công-dụng của rễ nhàu mà còn tán-thành quan-niệm trị-bệnh mới mẻ của ông. Đại-Tá Quân-Y Charpentier, giám-đốc Bệnh-viện Grall đã viết cho ông: « Đọc bài khảo-cựu của ông tôi rất chú-ý chẳng những đối với những kết-quả mà ông đã thấu hoạch được về cây nhàu nhưng còn đặc-biệt chú-ý về quan-niệm của ông đối với bệnh nói chung, đối với bệnh lao nói riêng. Tôi tin rằng ông có lý và vi-trùng không thể được đóng vai tuồng độc nhất. Người là một giống vật biết tư-tưởng. Điều đó người ta thường hay quên. »

Và cũng bởi vì những phát-minh của Bác-sĩ Đặng-văn-Hồ là kết-quả của những nỗ lực về tư-tưởng phối-hợp với những thí-nghiệm khoa-học, những kinh-nghiệm về nghề - nghiệp của một nhà trí-thức Việt-Nam mà tôi thấy có bổn-phận phải viết bài giới-thiệu với bạn đọc.



★ **Đề bạn đọc cảm-thông cùng tác-giả đôi chút.**

(của ông Đoàn - văn - Trung, Đà-nẵng)

... Muốn cho thơ hay, phải có ba yếu-tố cần-thiết là lời đẹp, ý hay và giàu nhạc-điệu.

Trong bài xướng « Xuân dạ sầu ngâm » của ông, tôi thấy câu đầu không được ổn :

« Mừng xuân nô nước bướm hương hoa »

Bướm hoa nô-nước có thể được chứ hương làm sao nô-nước được thưa ông ? Có phải ý sai không ông ?

Đến bài « Tiếng súng đêm xuân », câu đầu :

« Đêm phẳng-lặng, tôi đương nằm thao-thức »

và một câu trong đoạn chót :

« Gà gáy khuya, tinh giấc mộng hãi-hùng »

Vào đề, ông thức đề đến đoạn kết ông ngủ. Vậy thức hay ngủ thưa ông ? Thơ như thế là thú - vĩ bất nhất làm cho người đọc không biết ông muốn gì.

Mong rằng quyển thơ « Hoang-vu » sẽ khỏi những lỗi kể trên để người đọc cảm-thông cùng thi-nhân đôi chút...

● **ĐÁP :**

1) Câu thơ trong bài « Tiếng súng đêm Xuân » :

« Gà gáy khuya, tinh giấc mộng hãi-hùng »

là nói GIẤC MỘNG CỦA CON GA, chứ không phải giấc mộng của tác-giả. Xin coi lại ở đoạn trên trong bài ấy đã có câu :

« Gà mơ gáy, kinh-hoàng trong yếm-mộng »

2) Trong câu : « Mừng xuân nô-nước bướm, hương, hoa. »,

ba chữ Bướm, Hương, Hoa là có nghĩa bóng, có ý chỉ về người, chứ không phải bướm thật và hoa thật : đây là tất cả những đám người mừng xuân, nhớn-nhờ vui đùa như bướm, ngào-ngạt đắm say như hương, thắm-tươi rực rỡ như hoa.

Vì thế mới có câu dưới tiếp theo :

Riêng chốn phòng không, ta với ta.

Thành-thật cảm ơn thư ông.

★ Ma quỷ của Khoa-học

(của Ô. Dương-văn-Phùng, giáo-viên Phong Mỹ)

... Có một đêm, cách đây không quá một tuần. Chúng tôi ngồi dựa bờ sông Cửu-long lúc 10 giờ đêm bỗng thấy giữa dòng sông có 2 viên lửa to bằng cái bát xet lên từ từ cách chúng tôi hơn trăm thước, lúc ấy có tiếng súng nổ xa-xa.

Một lần sau vào khoảng 6g30 sáng chúng tôi thấy năm bảy viên lửa nhỏ hơn cũng từ giữa sông bay lên cách chúng tôi gần hai mươi thước.

Một sự thật trăm phần trăm mà cả ba bốn mươi người đều thấy.

Do đó, người ta đồn là hồn oan hiện về khi có tiếng súng nổ. Chúng tôi không tin vậy. Chúng tôi đoán là hiện tượng của khoa-học. Nhưng không biết hiện tượng gì? tại sao mà có? Nhờ cô vui lòng chỉ giúp. Hơn nữa chúng tôi là giáo viên không lẽ nói với học sinh đó là ma-quỷ thì phân với tiến hóa khoa-học chẳng?

● ĐÁP:

Theo chúng tôi nhận xét, thì đó là lửa đạn. Đêm 11-11-60, trong cuộc biển-cổ ở Sài-gòn, người ta cũng thấy những viên đạn lửa xet lên không-trung cùng với những tiếng súng nổ, y như quý ông đã thấy trên sông Cửu-long. Một nhóm quân-sĩ nào đó ngồi thuyền tuần-tiểu trên sông, bắn chỉ-thiên những viên đạn lửa, chứ không phải oan hồn nào cả. Nếu gọi là ma-quỷ, thì chính là ma-quỷ của khoa-học!

★ Ngày lễ Đức Khổng-Tử sao lại 28-9 d.l.?

(của ông Mai-Hoa, Vĩnh-Long)

... Nơi xã Long-Hồ tỉnh VĨNH-LONG có một văn miếu thờ Thánh Khổng, dưới triều vua Tự Đức dùng làm học hiệu và quan Đốc-học Nguyễn-Thông làm Hiệu-Trưởng.

Từ thuở ấy cho đến cách mấy năm trước đây, hàng năm cử hành Thánh-lễ vào ngày 27 tháng 8 ÂM-LỊCH. Gần đây hội Khổng-Học ra đời và Chánh - Phủ đổi lại ngày 28 tháng 9 DƯƠNG-LỊCH là ngày Thánh-lễ.

Theo nơi chân-tượng Khổng-Thánh, có ghi hai câu như sau:
" Sinh w Châu-Linh Vương nhị thập niên bát ngoạt nhị thập thất nhật.
Tốt w Châu-Kinh Vương tứ thập nhị niên tứ ngoạt thất bát nhật "

Vậy mong cô giải đáp thắc mắc hộ tôi về ý nghĩa ngày 28 tháng 9 dương lịch.

● Xin Hội Khổng-học vui lòng cho biết y-kiến. Xin nhắc rằng ngày 28 tháng 9, 1960, tức là ngày 8 tháng 8 âm lịch.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN

★ Bạn Lê-Tạ, Phan-chu-Trinh, Hội-An

Đây, địa-chỉ bán máy « Weimer » dùng cho người lạng tài và người điếc, mà chúng tôi thấy quảng-cáo trong các báo Pháp.:

ROUFFET ET Cie (Serv-MD)

3, Rue Galliéni, MENTON (A. — M).

(France)

Hoặc là : AUDISOM (Service B 2)

6, Rue Alfred Dur Claye,

PARIS — 14^e

(France)

★ Bạn Ân-Hữu, Huế

● Bài « Từ con Trâu vàng đến con Trâu nghé », do ô. T.V.K. gửi đến Phổ-Thông từ tháng Chạp, để đăng vào số Xuân. Muốn được phổ biến rộng rãi hơn, tác giả cũng có gửi đăng bài ấy trong một tờ báo khác ở Huế, riêng chúng tôi không quan tâm đến việc ấy.

● Xin bạn gửi cho bài Thơ khác.

★ Bạn H. Hải-Đường, Huế

● Franco (Đại-tướng) là nhà độc-tài hiện đang cai-trị xứ Espagne.

● Về Nữ-sĩ Pháp, Françoise Sagan, bạn coi lại P.T. các số cũ đã nói đến

★ Bạn Trần-châu-Thanh, Vĩnh-Bình

● Những tác-giả viết hai ba chữ dính liền lại, hoặc tên họ

cũng viết dính liền, là theo ý-thích riêng của họ muốn cho khác thường chơi chữ không phải theo « một phép chính-tả mới » nào cả.

● *Phổ-Thông* không chủ-trương lối viết ấy vì chúng tôi xét rằng một cái-cách nào cũng cần phải thích-hợp với dân-tộc-tính Việt-Nam và phải đem lại một lợi-ích gì thiết-thực cho sự phát-triển tinh-thần dân-tộc và sự tiến-bộ tư-tưởng.

★ **Ô. Song-Phương, Đà-Nẵng**

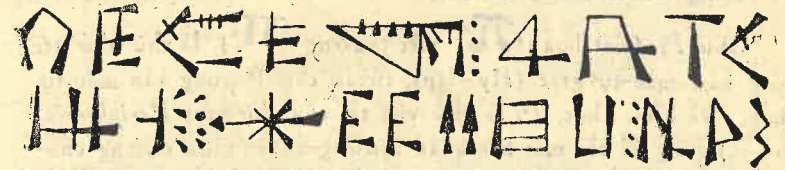
Kim-Tự-Tháp Lớn ở Giseh của vua Chéops được khởi sự xây viên đá đầu-tiên năm 2789 trước J. C. và 23 năm sau, tức là năm 2766 trước J. C. mới hoàn thành. Trong thời-đại thượng-cổ ấy, người Ai-cập cũng như người Babyloniens, Assiriens, tuy đã văn-minh rồi, nhưng chưa có những lối chữ viết tiện lợi và thông-dụng như ngày nay.

Lần đầu tiên hết, từ 3000 năm trước J. C. (Thời-kỳ Đồng-Đen) người Ai-cập mới bắt đầu vẽ hình các thú vật trong rừng, (vẽ trên đá) rồi lần lần vẽ hình người và dùng những hình vẽ thô-sơ ấy để tượng-trưng sự diễn-tả tư-tưởng. Vào khoảng năm 2000 trước J. C., người Egyptiens (Ai-Cập) mới khám-phá được một loại cây mọc trên hai bờ sông Nil, tên là cây CYPERUS PAPYRUS, giống như một loại cây lát, cây sậy ở Việt-Nam, cao từ 2th 50 đến 3th., góc mập, cọng nhiều và trơn, thật xanh, không có lá, có thể lớn bằng bắp tay. Trên ngọn có bông gần như bông lau. Người Egyptiens dùng rễ cây PAPYRUS để đốt, ruột cây để làm tim đèn, thấy ruột nó dai, và bền, họ mới trọt ra từng thớ mỏng, cắt đều-dặn từng miếng, phơi khô, rồi vẽ hình lên trên. Đó là thứ GIẤY đầu-tiên của loài người làm ra. Họ lấy đá son mài ra thành mực, trộn với mỡ thú-vật để viết lên trên giấy ấy. Nhưng họ chưa có lối chữ viết, mà chỉ vẽ những hình tượng-trưng để diễn-tả tư-tưởng của họ. Ấy là lối chữ tượng-trưng (Ecriture idéographique). Những chữ ghi trên Kim-Tự-Tháp của các vị Pharaons (Vua) của họ, đều viết bằng lối « chữ » tượng-trưng ấy, hầu hết là những hình các con chim, các con thú, và những nét vẽ kỳ-dị mà chúng ta mới nhìn vào không thể đoán được ý-nghĩa. Người các đời sau nhìn vào không hiểu gì,

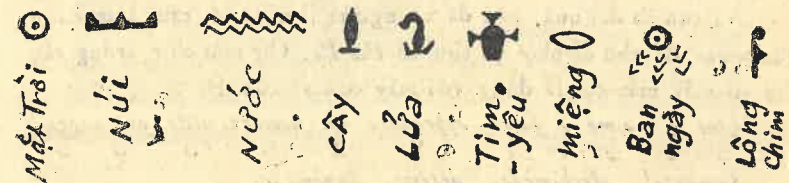
và gọi là chữ *hiéroglyphes*. Lối chữ này chỉ có một số rất ít người « trí-thức » của họ đặt ra và dùng để ghi chép TRÊN ĐÁ các việc xảy ra trong đời sống hằng ngày, từ 3000 năm đến 2000 năm trước J. C.

Từ năm 2000, người Egyptiens (Ai-cập) mới làm ra thứ giấy PAPYRUS và cùng một lúc người Babyloniens mới đặt ra một thứ chữ viết không phải là hình chim và thú vật nữa, mà là những nét chữ giống hình những cái đinh (caractères cunéiformes).

Dưới đây là những mẫu chữ viết đầu-tiên, giống hình cái đinh, do người Babyloniens đặt ra năm 2000 trước J. C. và viết trên giấy papyrus, là loại giấy đầu-tiên do người Egyptiens làm ra cũng vào thời-đại ấy :



Lúc Kim-Tự-Tháp Giseh ở Egypte được xây dựng xong (năm 2766) thì chưa có lối chữ viết trên đây, và chỉ ghi bằng các hình tượng-trưng rất khó hiểu, và không có sách sử nào để lại từ thời ấy. Từ khi có chữ viết trên đây của người Babyloniens đặt ra thì lối chữ bằng hình vẽ tượng-trưng của Ai-cập tự-nhiên bị xóa bỏ, chỉ còn lại chút ít vết tích mà thôi. Đây là một vài lối « chữ viết » tượng-trưng, đầu-tiên của Ai-cập.



Lối chữ này được ghi trên các Kim-Tự-Tháp, mà suốt mấy ngàn năm không ai đọc được cả. Mãi đến năm 1822, một nhà bác-học trẻ tuổi của Pháp, là CHAMPOLLION, chuyên-môn nghiên-cứu lối chữ ấy, mới khám-phá ra lần-hồi các ý-nghĩa tượng-trưng, và

từ đó các nhà Bác-học Âu-Mỹ mới bắt đầu học-hỏi và tìm hiểu rõ ràng về các Kim-Tự-Tháp. Trước Champollion, các nhà Sử-học, Địa-lý-học, cả bác-học, chỉ đoán mò, nên đặt ra nhiều giả-thuyết rất sai-lầm về lịch-sử và ý-nghĩa của các Kim-Tự-Tháp ở Egypte.

Lời chữ hình cái đinh được thông-dụng khắp các xứ cận-đông, từ Babylonic, Mésopotamie Assyrie đến Egyptie, mãi đến năm 1726 trước J. C. vua HAMMOURABI của Babylone cũng còn dùng nó để chép bộ luật đầu-tiên đầy đủ nhất của Thế-giới hồi bấy giờ, gồm 3000 điều-lệ, về tất cả các vấn-đề sinh-hoạt xã-hội của loài người: hôn-nhân, tang-tế, gia-đình, quốc-gia, canh-nông, thương-mại, quân-đội, v.v...

✦ **Ông Lâm-Cao, V. CH.**

Chữ *Pi* (viết hoa: π , viết thường: π), là chữ thứ 16 trong bản mẫu-tự grec (Hy-lạp), tức là chữ P trong bản mẫu-tự Pháp. Về hình-học, *Pi* là chữ viết tắt của chữ grec *Periphèria*, (chu-vi) dùng để chỉ mối liên-quan thường-xuyên giữa đường chu-vi và đường kính của hình tròn, mối liên-quan này là do nhà Bác-học grec ARCHIMÈDE tìm ra (287-212 trước J. C.) Người ta không biết nhà hình-học nào đầu-tiên đã áp-dụng chữ *Pi*, chỉ biết rằng chữ *Pi*, được bắt đầu dùng từ cuối Thế-kỷ XVIII, và sau được phổ-biến do tập *Analyse* của nhà toán-học Suisse, Leonhard Euler.

Đúng con số *Pi* phải gồm có 32 con số sau đây:

3, 1 4 1 5 9 2 6 5 3 5

Vì con số dài quá, nên đã có người làm ra 4 câu thơ bằng Pháp-văn để cho dễ nhớ 32 con số của *Pi*. Cứ mỗi chữ trong câu thơ có mấy mẫu-tự, là đúng với mấy con số của *Pi*:

Que j' aime à faire apprendre un nombre utile aux sages!
3 1 4 1 5 9 2 6 5 3 5

Immortel Archimède, artiste, ingénieur,
8 9 7 9

Qui de ton jugement peut priser la valeur?
3 2 3 8 4 6 2 6

Pour moi, ton problème eut de pareils avantages.
4 3 3 8 3 2 7 9

Đến con số thứ 32, là con số 0 (số không), tác-giả phải ngưng lại. Người ta không biết tên tác-giả bài thơ là ai.

Để hiểu 4 câu thơ trên, xin tạm dịch nghĩa như sau đây: (Ta thích chỉ cho người ta học một con số có lợi-ích cho những hiền-nhân!

Hỡi Archimède bất-tử, người là nghệ-sĩ, người là kỹ-sư, Ai nhận-định được giá-trị của trí-óc suy xét của người? Với ta, thì bài toán của người biết bao nhiêu là tiện-lợi!

● Nhà khoa-học đầu tiên đã lợi-dụng áp-lực của hơi nước để làm động-lực kỹ-nghệ, là SALOMON DE CAUS (1615). Rồi đến DENIS PAPIN chế-tạo ra nồi chaudière à vapeur, (1681) mà ông gọi là « Nồi hơi » (marmite à vapeur).

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Let's eat
SẢN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỐI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie TANA
42-44 NGUYEN TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
Phát hành lại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tại Đại lý và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
4 Đường THUAN KIEU CHOLON

AI TÍN

Chúng tôi vừa nhận được tin cụ quả-phụ Trần-quang-Trạch nhũ-danh Anna Trần-thị-Tú là nội-tổ của bạn Trần-thanh-Chương biên-lập viên tuờn-san Trách-Nhiệm, vừa tạ-thế.

Trước tin buồn này chúng tôi xin thành thật phân ưu cùng bạn Chương và chúc hương hồn cụ bà sớm về nước Chứa.

**ĐÀO LAN, MAI HƯƠNG VÂN
NGUYỄN HƯƠNG**



Đường xa chỗ ngại Ngõ, Lào,
 Chớ lo khát mệt giải lao bằng gì :
 Nước Ngọt CON CỌP B. G. I.
 Vệ-sinh, tinh-khiết, xin ghi nhớ lòng.
 Giải lao, giải nhiệt vô song,
 Vừa ngon, vừa bổ, lại không mắc tiền,
 Vệ-sinh, ngon, bổ, rẻ tiền,
 Nước Ngọt CON CỌP mọi miền đều ưa.

TÁC-PHẨM KHAI-BÚT NĂM TÂN-SỬU NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

Một câu chuyện lịch-sử kỳ-bí
 Một câu chuyện văn-chương lao-nhã
 Một câu chuyện diễm-tình cao-thượng bị mai-một
 hơn hai thế-kỷ, nay mới được phơi bày theo dòng mực lưu-
 loát DƯỚI MÁI TRẮNG NON

Của MỘNG-TUYẾT Thất Tiêu.Muội.

Một tác-phẩm dự-bị xây-dựng từ hơn 20 năm, phải
 chờ khai-thác đầy đủ sử-liệu mới khởi thảo để :

ĐIỀM SINH SẮC CHO LỊCH-SỬ TƯƠI MÀU
 TRUYỀN LINH ĐỘNG CHO CỒ NHÂN SỐNG LẠI

NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

- Là cuốn lịch-sử ký-sự đem lại cho bạn :
 một chuyện-tích lý-thú say mê
- Là cuốn giai-thoại văn-chương đem lại cho bạn :
 một phong-khí tao-nhân mặc-khách
- Là cuốn tình-sử diễm-tuyệt đem lại cho bạn
 một nỗi-niềm băng-khuâng thương cảm.



Bìa Lá sen non, giấy ngọc trắng, phụ bản 55 đồng.

Bìa Lá sen già, giấy ngà thơm, đặc ấn 95 đồng.

Tranh thủy mặc. Phụ bản. Ấn-túp đều của thi-sĩ Đông-
 Hồ trình bày theo một sắc thái trang-nhã ý-nghị hòa hợp
 xứng với nội-dung.

Phát hành : YẾM YẾM THU-TRANG

113-115 Nguyễn Thái-Học — Sài Gòn

THUỐC MUỐI SÙI TÂM

VECENO

Chuyên trị:
 BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ÓI MỬA
 ĂN KHÔNG TIÊU - NO HƠI-SÔI RUỘT
 BAO-TỬ CỎ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
 DƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

CHỈ CÓ THUỐC

Mồ hôi trộm HIỆU KIM ĐIỀN

đặc biệt chuyên trị bệnh con nít đổ mồ hôi trộm lúc ngủ
 Rất hay.

Và sau khi hết bệnh nên bổ dưỡng thêm bằng

PHÌ NHI BÁ BỔ KIM-ĐIỀN

Thuốc bổ tỳ vị, ăn ngủ ngon mau mập, lên cân, tiêu
 cam sài.

Sáu lõi trẻ em. Mỗi chai 28\$.00.

Bán khắp nơi và 361 Phan-đình-Phùng Saigon.

Đông dược-sĩ ĐÀO-PHI-PHỤNG

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Công-ty TRẦN-V-TANH (Tévété)

Nhập-cảng và Sản-xuất dược-phẩm
136, Yên-Đồ — SAIGON

Đại-lý 2 viện Bào-chế :

— LABAZ

{ Bicarnésine
{ Citroflavonoïdes
{ Mérinax
{ Pyridoxine

— DIAMANT

{ Actidilon
{ Marzine
{ Néomycine
{ Hexacycline

— SẢN-XUẤT

{ Tévéthiazol
{ Hépatomiél
{ Polyvit. Ca
{ Pulmotan
{ Carditan
{ Glucocé

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huê, SAIGON

Điện thoại : 23.187

PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-định-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công-nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận rễ nhàu là môn-thuốc rất hiệu-nghiệm đối với chứng lên máy (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

* Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách « những bệnh ấy: *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu* (neurosthenic), hay xúc động (*nervosité malade*), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (*gâtisme v.v...*)

* Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên.
(B.s. Đặng Văn Hồ)

COQUELUCINE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đưa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

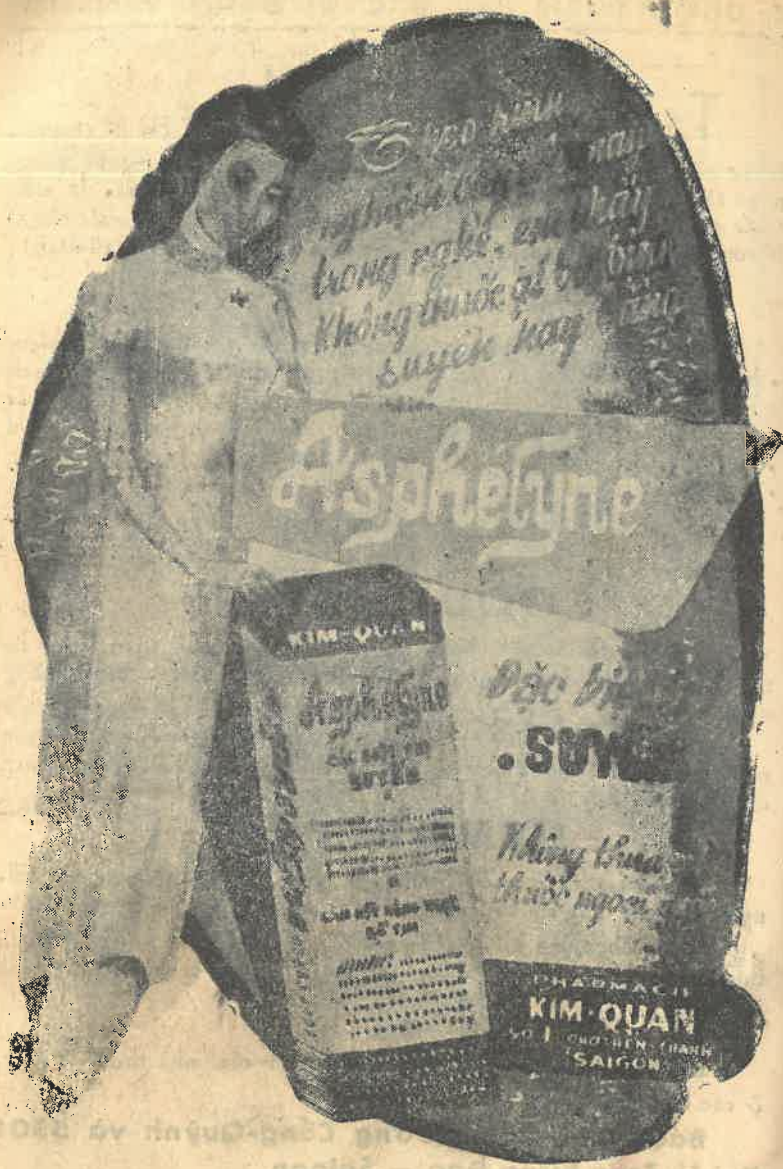
HEMOPTYSOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1,2 phần 10, so sánh với mấy năm trước

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khại huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôt.

Bác-sĩ tại 246 Đường Công-Quỳnh và 550E Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.



K.D. số 107/HĐKD — Saigon, ngày 11-3-1961
 in tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
 Quản nhiệm NGUYỄN-VỸ

AI ĐAU GAN NÊN DỪNG THUỐC

HEPATIC

AI ĐAU GAN ?

NÊN DỪNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu